

Linh mục VINH SƠN NGUYỄN THẾ THỦ



**PHỤNG VỤ**  
*Các* **BÍ TÍCH**

Linh mục Vinh sơn Nguyễn Thế Thủ

PHỤNG VỤ  
CÁC BÍ TÍCH KHAI TÂM -  
HOÀ GIẢI - XỨC DẦU -  
TRUYỀN CHỨC - HÔN PHỐI  
& Á BÍ TÍCH

ĐẠI CHỦNG VIỆN THÁNH GIUSE  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2000

# THƯ MỤC

## I. Các văn kiện chính thức của Giáo Hội Chữ viết tắt

1. Hiến chế về Phụng Vụ 1963 - ..... PV
2. Nghi thức cử hành thánh tẩy  
cho trẻ em 1969 - ..... TE
3. Nghi thức cử hành hôn phối 1969 - ..... HP
4. Nghi thức an táng 1969 - ..... AT
5. Nghi Thức Khấn Dòng 1970 - ..... KD
6. Nghi Thức Thánh Hiến Trinh Nữ 1970. TN
7. Sách Giờ Kinh Phụng Vụ 1971 - ..... GK
8. Nghi thức gia nhập kitô giáo  
của người lớn 1972 - .....NL
9. Nghi thức ban bí tích thêm sức 1972 - .....TS
10. Nghi thức xử dầu bệnh nhân 1972 - ..... XD
11. Nghi thức tôn sùng Thánh Thể  
ngoài thánh lễ 1973 ..... TT
12. Nghi thức bí tích Sám Hối  
và Hoà Giải 1973 ..... SH
13. Sách lễ Rôma 1975 - ..... RM
14. Bộ Giáo Luật 1983 - ..... GL
15. Các phép lành 1984 - ấn bản Anh ngữ  
của HĐGM/ Hoa Kỳ 1989 - .....PL
16. Nghi thức giám mục 1984 - .....GM
17. Chỉ dẫn về các cử hành ngày chúa nhật  
khi không có linh mục 1988 - .....CN
18. Nghi thức phong chức 1989 - ..... PC
19. Giáo Lý Công Giáo 1992 - .....CG

## II. Tài liệu tham khảo

### 1. Tổng quát

- Commission Episcopale Francaise de Liturgie, Guide de pastorale sacramentelle, Cerf 1996
- R. CABIÉ, P.M. GY...*Les sacrements*, trong bộ *L'Eglise en prière* của A.G. Martimort, cuốn 3, Desclée 1984.
- J. CAILLOT, *Eschatologie et liturgie: les résonances de l'espérance*, trong La Maison-Dieu số 220, Cerf, 1999.
- L.M. CHAUVET, *La structuration de la foi dans les célébrations sacramentelles*, trong La Maison-Dieu số 174, Cerf 1988
- P. De CLERCK,
  - + *Une théologie de la liturgie "pour la gloire de Dieu et le salut du monde"*, trong La Maison-Dieu số 221, Cerf, 2000
  - + *Lex orandi, lex credendi, un principe heuristique*, trong La Maison-Dieu, số 222, Cerf, 2000.
- Francois FAVREAU, *Liturgie – Sacrements – Mission*, trong La Maison-Dieu số 146, Cerf 1981
- J. GELINEAU, *Dans vos assemblées, manuel de pastorale liturgique*, Desclée 1989.
- Michel SCOUARNEC, *L'art de célébrer*, trong La Maison-Dieu số 219, Cerf, 1999

### 2. Các bí tích khai tâm

- P. de CLERCK, un seul baptême? Le baptême des adultes et celui des petits enfants, trong La Maison-Dieu, số 185, Cerf 1991.
- André DUVAL, Le Concile de Trente et le baptême des enfants, trong La Maison-Dieu số 110, Cerf 1977

- André FAYOL-FRICOUT et ..., La mise en oeuvre du rituel de l'initiation chrétienne des adultes, trong La Maison-Dieu, số 185, Cerf 1991.
- Pierre Marie GY, Le problème de la confirmation dans l'Eglise catholique, trong La Maison-Dieu số 168, Cerf 1986.
- Christian SALENSON, La confirmation: pastorale et théologie, trong La Maison-Dieu, số 211, Cerf, 1997

### 3. Hoà giải và Xức dầu

- Olivier de CAGNY, Le ministère du prêtre dans la pratique actuelle de la confession privée, trong La Maison-Dieu, số 214, Cerf 1998.
- Jean Charles DIDIER, L'onction des malades dans la théologie contemporaine, trong La Maison-Dieu số 113, Cerf 1973.
- P.M.GY,
  - + Le nouveau rituel romain des malades, trong La Maison-Dieu số 113, Cerf 1973
  - + Le sacrement de Pénitence d'après le rituel romain de la Pénitence de 1974, trong La Maison-Dieu số 139, Cerf 1979.
- Arnaut JOIN-LAMBERT, Une réflexion oecuménique pour un renouveau du ministère de réconciliation, trong La Maison-Dieu, số 214, Cerf 1998.
- Pierre JOUNEL, La liturgie de la réconciliation, trong La Maison-Dieu số 117, Cerf 1974.

#### 4. Truyền chức và hôn phối

- Jean-Claude DESMARTIN, *Les célébrations de mariage, Réflexion pastorale*, trong La Maison-Dieu số 182, Cerf 1990.
- P. JOUNEL, *La nouvelle édition typique du rituel des ordinations*, trong La Maison-Dieu, số 186, Cerf 1991.
- Edward J. KILMARTIN, *Ministère et ordination dans l'Eglise chrétienne primitive*, trong La Maison-Dieu số 138, Cerf 1979.
- Jean-Baptiste MOLIN, *Le lieu de célébration du mariage chrétien*, trong La Maison-Dieu số 197, Cerf 1994.

#### 5. Các á bí tích

- Jean-Louis ANGUÉ, *La présidence des funérailles par des laïcs*, trong La Maison-Dieu số 182, Cerf 1990.
- René METZ, *Le nouveau rituel de consécration des vierges. Sa place dans l'histoire*, trong La Maison-Dieu số 110, Cerf 1972
- Louis-Michel RENIER, *Rôles et fonctions dans la liturgie des funérailles*, trong La Maison-Dieu, số 213, Cerf 1998

## Chương I: Khai tâm Kitô giáo Thánh Tẩy – Thêm Sức – Thánh Thể

### I. Dẫn nhập

Chúa Giêsu, Đấng Cứu Thế đến trần gian để mạc khải cho chúng biết thánh ý Thiên Chúa Cha. Trước khi về trời, Ngài đã ra lệnh cho các tông đồ tiếp tục sứ mạng của Ngài: "Các con hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ Thầy, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, giảng dạy họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con, và đây Thầy ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28, 19-20). Và Ngài cũng truyền cho họ làm chứng về những điều đã nhận từ nơi Chúa: "Các con sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giêrusalem, trong khắp miền Giuđêa, Samaria và cho đến tận cùng trái đất" (Cv 1,8).

Dựa vào lệnh truyền của Chúa Giêsu, chúng ta là các chứng nhân của Ngài. Khi Ngài về trời, lúc hoàn tất sứ vụ tại trần gian thì cũng là thời điểm các Tông Đồ và Giáo Hội khởi đầu sứ vụ nhận từ nơi Đức Kitô. Sứ vụ đó Chúa Con đã nhận từ nơi Cha, và Ngài đã hoàn tất cách viên mãn: "*Lạy Cha, giờ đã đến. Xin Cha tôn vinh Con Cha để Con Cha tôn vinh Cha, theo quyền năng Cha đã ban cho Người trên mọi phạm nhân, để Người ban sự sống đời đời cho tất cả những ai Cha đã ban cho Người. Mà sự sống đời đời là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha sai đến là Đức Giêsu Kitô. Phần Con, Con đã tôn vinh Cha ở dưới đất khi hoàn tất công trình Cha đã trao phó cho Con*" (Ga 17, 1-4).

Như vậy, sứ mạng của các Tông Đồ và Giáo Hội là loan truyền Danh Chúa Cha và Đức Giêsu Kitô cho trần gian.

Để thực hiện sứ vụ này, Giáo Hội phải khám phá ý nghĩa Cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, vì đó là chìa khoá để hiểu chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Cái chết và sự phục sinh của Đức Kitô vượt ra ngoài sự hiểu biết của trí tuệ con người, và người ta chỉ có thể hiểu được ý nghĩa của nó khi kết hợp với Đức Kitô trong chính đời sống mình.

Nhờ đức tin chúng ta biết cuộc đời kitô hữu được soi sáng bởi Cuộc Vượt Qua của Đức Kitô. Mỗi người sẽ khám phá ý nghĩa cuộc vượt qua của đời mình nhờ kết hiệp với Đấng Tử Nạn và Phục Sinh. Hành trình vượt qua của người kitô hữu vừa gắn liền với thập giá vừa mang lại triều thiên vinh quang; đó đích thực là tiến trình hoán cải không ngừng rướm máu nhưng đem lại sự sống mới trong Đức Kitô; mà theo cách nói thông thường đó là từ bỏ chính mình để được tái sinh trong Chúa.

Cuộc tái sinh này có thể bắt đầu ngay những ngày đầu tiên khi vừa được sinh ra, như trường hợp của những trẻ sơ sinh trong các gia đình kitô hữu. Hoặc đó là kết quả của khám phá đức tin nơi những người trưởng thành, khi họ quyết tâm theo Chúa. Dù lãnh bí tích Thánh Tẩy sớm hay trễ, đó vẫn luôn là một tiến trình khai tâm, và là việc nhập cuộc vào cộng đoàn những người làm chứng về Chúa Giêsu, Đấng Tử Nạn và Phục Sinh.

Một tiến trình khai tâm như thế cần phải có thời gian, và vì thế Giáo Hội cử hành các nghi thức khai tâm kitô giáo để ghi dấu từng chặng đường khác nhau của

người kitô hữu khi theo Chúa. Một người trưởng thành thường dành nhiều thời gian để thực hiện tiến trình khai tâm này, một em bé được lãnh bí tích Thánh Tẩy khi còn nhỏ sẽ được khai tâm trong suốt thời gian học giáo lý của tuổi niên thiếu. Không người kitô hữu nào được phép miễn chuẩn cho mình tiến trình khai tâm này.

Khai tâm kitô giáo luôn luôn bao gồm ba bí tích: Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể. Đó là ba mặt của một mâu nhiệm, và người ta không thể tách rời chúng xa nhau. Mỗi bí tích trong ba bí tích liên hệ với hai bí tích kia cách chặt chẽ, đến nỗi nếu tách biệt chúng ra, chúng ta sẽ không thể hiểu hết ý nghĩa của mâu nhiệm Vượt Qua Kitô giáo. Vì lý do này, khi trình bày các bí tích khai tâm, ngày nay người ta thường liên kết cả ba bí tích với nhau chứ không tách rời chúng như cách trình bày trước đây.

### I. Hành trình của những người theo Chúa Kitô

Con đường theo Chúa được ghi dấu bằng việc lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy. Thánh Tẩy là bí tích được nhắc đến thường xuyên trong Tân Ước. Từ ngữ "Thánh Tẩy" trong việt ngữ được dịch từ "*Baptizein*" trong tiếng hy lạp, nghĩa là "*dìm xuống, nhận xuống nước*". Ngay từ lúc đầu, các tông đồ khi cử hành thánh tẩy cho ai, các ngài thường nhận người đó xuống nước, chẳng hạn Philipê cử hành thánh tẩy cho viên thái giám (Cv 8,26-40). Vào thời giáo phụ, các tân tòng bước xuống một hồ nước từ cầu thang đá bên một cạnh của hồ, trắm mình trong hồ ba lần, sau đó bước ra khỏi nước bằng cầu thang đá ở cạnh bên kia của hồ, người ta gọi những hồ này là "*Giếng rửa tội*".

(dấu tích tại Poitiers – Pháp). Lối thực hành này giúp chúng ta hiểu dễ dàng hơn ý nghĩa của Thánh Tẩy:

- Cùng chết với Đức Kitô và cùng sống lại với Ngài
- Cuộc Vượt Qua từ cái chết đến sự sống, như cuộc vượt qua của dân do thái vượt qua Biển Đỏ dưới sự dẫn dắt của Moisen.

Cuộc xuất hành của dân Do thái là hình bóng cuộc vượt qua của những người theo Chúa. Thánh tẩy xuất hiện như điểm khởi đầu của cuộc Xuất Hành Mới, trong cuộc Xuất Hành này, Đức Giêsu là Moisen Mới dẫn dắt chúng ta hướng về Đất Hứa Mới – Giêrusalem Thiên Quốc. Nhờ Thánh Tẩy, người kitô hữu bước vào cuộc Xuất Hành với Đức Kitô mà trọng tâm là sống mẫu nhiệm Vượt Qua của Ngài. Sống mẫu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô là tham dự vào sự chết và sống lại của Ngài, làm như vậy người kitô hữu sống cuộc Vượt Qua của Đức Kitô trong đời mình.

Để khám phá ý nghĩa cuộc xuất hành của người kitô hữu, người ta phải đối chiếu nó với cuộc xuất hành của dân do thái. Cuộc xuất hành này (của dân Do thái) là yếu tố nền tảng để hiểu cuộc xuất hành của chúng ta: Từ thân phận nô lệ trong đất Ai Cập đến Đất Hứa là quãng đường dài – 40 năm, đây là thời gian của gần một đời người, thời gian thử thách và tôi luyện. Trong cuộc hành trình này, hai cuộc vượt qua đã ghi dấu lịch sử dân Chúa chọn: vượt qua Biển Đỏ, khởi đầu hành trình sa mạc, và vượt qua sông Giordan, khởi đầu vào Đất Hứa. Giữa hai cuộc vượt qua này là một hành trình dài, là thời gian để biểu lộ lòng thương xót của Thiên Chúa và tôi luyện sự tin trung của dân Người. Thiên Chúa luôn trung thành cho dù

dân Người phản bội. Người luôn ở bên họ, ban cho họ bánh ăn và nước uống. Người giao ước với họ và nhận họ làm dân riêng. Giao Ước là dấu chỉ lòng thương xót và sự trung thành của Thiên Chúa, và lời Chúa trở nên quy tắc hướng dẫn đời sống của dân.

Trong Tân Ước, các thánh sử ưa thích so sánh những thử thách của dân Chúa xưa với cuộc đời của Đức Kitô:

- Chúa Giêsu đã chịu phép rửa tại sông Giordan, nơi dân do thái khởi đầu bước vào Đất Hứa,
- Khi vừa bước ra khỏi sông Giordan, Thánh Thần đã đưa Đức Giêsu vào hoang địa 40 đêm ngày – đó là thời gian của thử thách,
- Đức Giêsu đã nói về Phép Rửa Mới mà Ngài sẽ phải đón nhận khi ám chỉ về sự chết của mình (Mc 10,39: *Chén Thầy uống, anh em cũng sẽ uống; phép rửa Thầy chịu, anh em cũng sẽ chịu*) – câu chuyện hai người con Giêbêđê xin ngồi bên hữu và bên tả Đức Giêsu)
- Trong cuộc biến hình, Đức Giêsu đã đối thoại với Moisen và Elia về cuộc xuất hành của Ngài sẽ được hoàn tất tại Giêrusalem (Lc 9, 28-31)
- Theo thánh Gioan, Đức Giêsu là Moisen Mới, Đấng ban nước hằng sống (câu chuyện với phụ nữ Samaria bên giếng Giacóp – Ga 4, 5-42); Ngài là Manna đích thực từ trời đến, là Bánh ban sự sống trường sinh cho những ai đón nhận Ngài (Ga 6,22-58).
- Còn Thánh Phaolô lại khẳng định giá trị hình bóng của cuộc xuất hành xưa với hành trình theo Chúa của các kitô hữu (1Co 10,1-13). Đối với ngài, đời sống người

kitô hữu phải được khám phá như cuộc xuất hành mới, trong đó Thánh tẩy mới chỉ là điểm khởi đầu. Con đường mà chúng ta theo Chúa là con đường của tự do đích thực "*Quả thế, thưa anh em, anh em đã được kêu gọi để hưởng sự tự do*" (Gl 5,13). Sự tự do này chỉ có được nhờ Đức Kitô, Đấng giải thoát và dẫn dắt chúng ta "*Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta. Vậy anh em hãy đứng vững, đừng mang lấy ách nô lệ một lần nữa*" (Gl 5,1)

Như Đức Kitô, đời sống người kitô hữu cũng trải qua hai cuộc vượt qua:

- Cuộc vượt qua thứ nhất được thực hiện khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy bằng nước (như cuộc vượt qua Biển Đỏ);
- Cuộc vượt qua thứ hai được thực hiện qua cái chết của mỗi người, đó là cửa dẫn chúng ta đến Đất Hứa Mới, đến Vương Quốc vĩnh cửu của Thiên Chúa.
- Giữa hai cuộc vượt qua, người kitô hữu sống thời gian thử thách để tôi luyện lòng trung thành với Thiên Chúa.
- Thiên Chúa giao ước với chúng ta qua bí tích Thánh Tẩy.
- Chúng ta sống giao ước với Thiên Chúa dưới ánh sáng của Lời Chúa.
- Thánh Thần được trao ban để hướng dẫn chúng ta. Ngài chính là Nguồn Suối của Nước Hằng Sống.
- Hành trình của chúng ta được dưỡng nuôi bằng Bánh Thánh Thể.

Trong cái nhìn sống động này, Thánh Tẩy không còn được xem như điểm tới (point d'arrivée), hay như cùng đích phải đạt được bằng bất cứ giá nào; hay như phương thế chỉ thuần túy tẩy trừ tội lỗi hoặc thanh luyện tâm hồn, nhưng phải là điểm khởi đầu cho một hành trình mới theo Chúa, là sự gắn thân với một lương tâm trong trắng khi theo Đức Kitô Phục Sinh, như lời Thánh Phêrô dạy: "*...Nước đó là hình bóng phép rửa nay cứu thoát anh em. Nhờ phép rửa này, không phải là anh em được tẩy sạch vết như thể xác, mà là cầu xin Thiên Chúa ban cho mình một lương tâm trong trắng, nhờ sự phục sinh của Đức Giêsu Kitô*" (1Pr 3,21)

## 2. Thánh Tẩy trong Chúa Thánh Thần và Lửa

Cách dùng nước để đổ trên người tân tòng trong nghi thức bí tích Thánh Tẩy kitô giáo và việc thanh tẩy tội lỗi bằng nước của Gioan tẩy giả có vẻ giống nhau, nhưng điều này không cho phép chúng ta lẫn lộn phép rửa của Gioan Tẩy Giả với Thánh Tẩy của người kitô hữu. Phép rửa của Gioan là hình bóng và loan báo phép rửa của người tín hữu. Trong suốt nhiều thập niên sau biến cố tử nạn của Đức Giêsu, tại Palestin có nhiều giáo phái chủ trương rửa tội bằng cách chìm nước, chẳng hạn giáo phái essénien còn để lại nhiều dấu tích nơi các tu viện của họ ở Qumran. Các khám phá khảo cổ cho thấy họ có nhiều hồ nước chung quanh Biển Chết được dùng vào nghi thức thanh tẩy. Thánh Gioan Tẩy Giả, chắc không thuộc các giáo phái này, có lẽ cũng đã làm phép rửa cho dân chúng tại sông Giordan và không xa chỗ ở của những người này.



Theo Tin Mừng, phép rửa của Gioan nhằm việc hoán cải để được ơn tha tội "Ông Gioan Tẩy Giả đã xuất hiện trong hoang địa, rao giảng kêu gọi người ta chịu phép rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha tội" (Mc 1,4). Đức Giêsu đã tự mình đến xin Gioan làm phép rửa trong sự ngỡ ngàng của ông " Bấy giờ, Đức Giêsu từ miền Galilêa đến sông Giordan, gặp ông Gioan để xin ông làm phép rửa cho mình. Nhưng ông một mực can Người và nói: "Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi!" Nhưng Đức Giêsu trả lời: "Bây giờ cứ thế đã. Vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính". Bấy giờ ông Gioan mới chiều theo ý Người" (Mt 3,13-15). Tin Mừng phân biệt cách rõ nét giữa phép rửa của Gioan và phép rửa của Đức Giêsu; và điều này được chính Gioan Tẩy Giả khẳng định: "Phần tôi, tôi làm phép rửa cho anh em trong nước để giục lòng anh em sám hối. Còn Đấng đến sau tôi thì quyền thế hơn tôi, tôi không đáng xách dép cho Người. Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần và lửa" (Mt 3,11)

Điều Gioan Tẩy Giả khẳng định về sự khác biệt giữa phép rửa của ông với phép rửa nơi Đức Kitô, sẽ được Đức Kitô xác định rõ trước khi về trời: "*Điều mà anh em đã nghe Thầy nói tới, đó là: ông Gioan làm phép rửa bằng nước, còn anh em, trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Chúa Thánh Thần*" (Cv 1,4b-5), Ngài muốn ám chỉ cho họ về ân huệ Thánh Thần mà họ sẽ lãnh nhận trong ngày lễ Ngũ Tuần (Cv 2,1-12)

Người kitô hữu lãnh nhận Thánh Thần khi chịu Thánh Tẩy, nhờ Ngài họ được sống trong tự do của con cái Thiên Chúa, vì ở đâu có Thần Khí của Thiên Chúa, ở đấy

có tự do (2Co 3,17). Nhờ Thánh Thần, chúng ta trở nên con Thiên Chúa và đồng thừa tự với Đức Kitô "*Quả vậy, phàm ai được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, đều là con cái Thiên Chúa. Vì Thần Khí mà anh em đã lãnh nhận được, đâu phải là tinh thần nô lệ, khiến anh em phải sợ sệt như xưa; nhưng là Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử, khiến chúng ta được kêu lên: Abba, Cha ơi!. Chính Thần Khí chứng thực cho thần trí chúng ta rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa. Vậy đã là con, thì cũng là thừa kế, mà được Thiên Chúa cho thừa kế, tức là đồng thừa kế với Đức Kitô; vì một khi cùng chịu đau khổ với Người, chúng ta sẽ cùng được hưởng vinh quang với Người*" (Rm 8,14-17). Trong ý nghĩa này, phép rửa của người kitô hữu vượt xa phép rửa của Gioan, nó không những thanh tẩy tội lỗi mà còn loại trừ mọi sợ hãi. Hành trình của những kẻ theo Chúa không chỉ được thanh luyện một lần khi được đổ nước, nhưng đích thực là một cuộc tái sinh mới, nên một con người mới trong Thánh Thần, dám dấn thân và làm chứng về Đức Kitô.

Tông Đồ Công Vụ cũng khẳng định rõ ràng sự khác biệt giữa phép rửa của Gioan và Thánh Tẩy của người kitô hữu. Khi Phaolô đến Ephêsô, ngài đã làm phép rửa nhân danh Chúa Giêsu cho những người đã chịu phép rửa của Gioan "*Phaolô gặp một số môn đệ và hỏi họ: "Khi tin theo, anh em đã nhận được Thánh Thần chưa?" họ trả lời: "Ngay cả việc có Thánh Thần, chúng tôi cũng chưa hề được nghe nói!" ông hỏi: "Vậy anh em đã chịu phép rửa nào?" Họ đáp: "Phép rửa của ông Gioan."* Phaolô nói: "*Ông Gioan đã làm phép rửa tỏ lòng sám hối, và ông bảo dân tin vào Đấng đến sau ông, tức là Đức Giêsu*".

*Nghe nói thế, họ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giêsu. Và khi ông Phaolô đặt tay trên họ, thì Thánh Thần ngự xuống trên họ, họ nói tiếng lạ và nói tiên tri: Cả nhóm có chừng mười hai người" (Cv 19, 1-7)*

### 3. Dân Mới của Thiên Chúa

Khi nói đến Thánh Thần trong cử hành Thánh Tẩy của người kitô hữu, người ta phải nối kết với Thánh Thần tác động trong Giáo Hội; bởi vì nhờ Thánh Thần mà Giáo Hội được hình thành: Thánh Thần làm cho mỗi người chịu thánh tẩy trở nên con Thiên Chúa và nên chi thể của Thân Thể Đức Kitô, tức là Giáo Hội. Nhờ Thánh Thần, chúng ta kiến tạo nên một dân Mới của Thiên Chúa. Phép rửa trong Thánh Thần cho chúng ta thấy sự khác biệt giữa Gioan Tẩy Giả và Đức Giêsu, đồng thời cũng tỏ rõ sự khác nhau giữa dân Israel và Giáo Hội. Giáo Hội là Dân Mới của Thiên Chúa, một Dân được sinh ra vào ngày Ngũ Tuần; người ta thuộc về Dân đó qua niềm tin vào Đức Giêsu Phục Sinh và qua Phép rửa bởi Thánh Thần.

Tất cả mọi dân nước, mọi chủng tộc và ngôn ngữ được mời gọi gia nhập Dân Mới của Thiên Chúa. Chẳng còn rào cản, chẳng còn ngăn cách, tất cả đều được mời gọi "Trước kia anh em là những người ở xa, nhưng nay, trong Đức Kitô Giêsu, nhờ máu Người đổ ra, anh em đã trở nên những người gần. Thật vậy, chính Người là bình an của chúng ta: Người đã liên kết đôi bên, dân do thái và dân ngoại thành một. Người đã hy sinh thân mình để phá đổ bức tường ngăn cách là sự thù ghét...Thật vậy, nhờ Người cả đôi bên, chúng ta được liên kết trong một Thân Khí duy nhất mà đến cùng Chúa Cha" (Ep 2, 13-14.18)

Quả thật, Dân Mới của Thiên Chúa được khai sinh bởi biến cố Ngũ Tuần, và là thực tại đối nghịch với biến cố Tháp Babel. Khi con người tự mình quyết định số phận và thách thức Thiên Chúa, thì lúc đó chính họ chia rẽ lẫn nhau. Sức mạnh con người không đủ thuyết phục nhân loại. Con người tự mình khó chấp nhận nhau, nhưng khi con người để Thánh Thần tác động thì tất cả sẽ được biến đổi. Thánh Thần là tác nhân nối kết con người từ mọi ngôn ngữ để họ có thể hiểu nhau và để mỗi người sẽ nghe loan báo các kỳ công của Thiên Chúa bằng ngôn ngữ của mình "Họ kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình...nào là những người từ Rôma đến đây, nào là những người do thái cũng như đạo theo; nào là người đảo Kêta hay người Ả-rập, vậy mà chúng ta đều nghe họ dùng tiếng nói của chúng ta mà loan báo những kỳ công của Thiên Chúa" (Cv 2,6-11).

Còn Thánh Phaolô trong các thư của mình luôn nhấn mạnh vai trò của Thánh Thần trong việc kiến tạo Thân Thể Chúa Kitô "Thật vậy, ví như thân thể người ta chỉ có một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Kitô cũng vậy. Thật thế, tất cả chúng ta, dầu là do thái hay hy lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn Thần Khí duy nhất" (1Co 12,12-13).

Phaolô còn nhấn mạnh tầm quan trọng của đức tin của những người theo Chúa "Thật vậy, nhờ đức tin, tất cả anh em đều là con cái Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô. Quả thế, bất cứ ai trong anh em được thanh tẩy để thuộc về Đức Kitô, đều mặc lấy Đức Kitô. Không còn chuyện

phân biệt Do thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô. Mà nếu anh em thuộc về Đức Kitô, thì anh em là dòng dõi Abraham, những người thừa kế theo lời hứa" (Gl 3, 26-29).

Với cái nhìn của Tân Ước, thực tại nhân loại không còn bị giới hạn vào bất cứ hạng người nào, nhưng mở rộng và bao quát hết mọi người. Bí tích Thánh Tẩy không chỉ là nghi thức gia nhập kitô giáo của người theo Chúa, cũng không là mốc điểm của một giai đoạn nào đó trong đời sống người kitô hữu, giống như bí tích hôn phối trong thời điểm kết hôn, bí tích hoà giải khi cần chữa lành, bí tích xức dầu khi cần được nâng đỡ tinh thần và thân xác; nhưng bí tích Thánh Tẩy chi phối tất cả cuộc đời chúng ta, dẫn chúng ta bước vào cuộc Xuất Hành Mới, với sự thúc đẩy của Thánh Thần trong việc liên kết mật thiết với Thân Thể của Chúa Kitô.

#### a. Bí tích Thêm sức

Trong tiến trình khai tâm vai trò của bí tích thêm sức cũng cần được làm sáng tỏ. Thêm sức (confirmatio) nghĩa là củng cố, gia tăng, thêm sức mạnh. Trong giai đoạn đầu của Giáo Hội, việc cử hành thêm sức thường đi liền với cử hành thánh tẩy và nó hoàn tất tiến trình khai tâm của người tân tòng; vì thế người ta không tách rời bí tích thêm sức ra khỏi các cử hành khai tâm. Tông Đồ Công Vụ tường thuật cho chúng ta việc các tông đồ đặt tay ban Chúa Thánh Thần (cử hành thêm sức) trên những người đã chịu thánh tẩy nhân danh Chúa Giêsu "*Các Tông Đồ ở Giêrusalem nghe biết dân miền Samaria đã đón nhận Lời Thiên Chúa, thì cử Phêrô và Gioan đến với họ. Khi đến nơi,*

*hai ông cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Thánh Thần. Vì Thánh Thần chưa ngự xuống một ai trong nhóm họ; họ mới chỉ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giêsu. Bấy giờ hai ông đặt tay trên họ, và họ nhận được Thánh Thần"* (Cv 8, 14-17).

Tông Đồ Công Vụ cũng cho thấy phép rửa bằng nước liên quan đến việc tha tội và nghi thức đặt tay liên quan đến ơn huệ Thánh Thần (Cv 19, 1-6). Mặc dầu vậy cả hai đều gắn liền mật thiết và không thể tách rời nhau, chúng là hai khía cạnh bổ túc lẫn nhau trong một tiến trình khai tâm trọn vẹn.

Việc cử hành bí tích thêm sức tách biệt với cử hành Thánh Tẩy chỉ xảy ra về sau này, đặc biệt trong Giáo Hội Latinh. Có thể tóm gọn lịch sử việc tách rời hai bí tích này trong ba giai đoạn sau đây:

- \* **giai đoạn I:** khoảng ba thế kỷ đầu tiên khi Giáo Hội chưa phát triển mạnh, giám mục chủ tọa việc cử hành các bí tích khai tâm, ngài thường xức dầu (thêm sức) cho tân tòng liền sau khi chịu thánh tẩy, việc xức dầu được đi kèm với việc đặt tay và lời nguyện nài xin Thánh Thần, kế đó giám mục trao ban bình an cho người tân tòng.
- \* **giai đoạn II:** khoảng thế kỷ 4-5, đây là giai đoạn tách rời việc cử hành hai bí tích; khi đó Giáo Hội ý thức mạnh mẽ vai trò của Chúa Thánh Thần trong đời sống mình, vì chính Ngài là Đấng làm cho Giáo Hội và từng kitô hữu được sống và có khả năng làm chứng về Chúa Kitô. Vì thế việc xức dầu trong cử hành khai tâm được nhấn mạnh đặc biệt và vai trò của Chúa Thánh Thần

được đề cao. Trong bối cảnh phát triển suy tư thần học này, thì Giáo Hội mỗi ngày một tăng trưởng song song với những đe dọa từ các giáo phái và bè rối. Bí tích thêm sức lúc này được tách rời khỏi cử hành thánh tẩy và chỉ giám mục là người được quyền ban bí tích thêm sức. Khi đó người ta phân biệt hai loại thừa tác viên cử hành khác nhau, linh mục cử hành thánh tẩy, giám mục cử hành thêm sức; và việc ban bí tích thêm sức trong bối cảnh này sẽ mang hai ý nghĩa:

- Giám mục là nguyên lý của sự hiệp thông trong Giáo Hội địa phương, ngài không thể hiện diện trong mỗi cộng đoàn nhỏ, nhưng uỷ quyền cho các linh mục coi sóc. Mỗi khi có dịp, ngài sẽ đến ban bí tích thêm sức để diễn tả sự hiệp thông trọn vẹn giữa chủ chăn và đoàn chiên của mình.
- Khi cử hành thêm sức cho những người ly giáo trở lại, giám mục mình nhiên đón nhận họ vào sự hiệp thông hoàn toàn trong Giáo Hội, đồng thời thừa nhận giá trị bí tích thánh tẩy trong các giáo phái kitô khác, và như vậy khi một người ly giáo trở lại sẽ không được phép rửa tội lại cho họ, mà chỉ đón nhận họ vào sự hiệp thông trong Hội Thánh qua giám mục.

\* **giai đoạn III:** kể từ đầu thế kỷ VI, việc tách rời hai bí tích thánh tẩy và thêm sức trở nên rõ ràng và người ta nhấn mạnh đến hai khía cạnh khi cử hành thêm sức:

- Bí tích thêm sức ban cho chúng ta sức mạnh để làm chứng về Chúa Kitô. Nó củng cố đức tin của những người theo Chúa, can trường chịu đau khổ, và thêm sức mạnh để chiến thắng ma quỷ.
- Bí tích thêm sức chỉ được ban cho các tín hữu vào tuổi khôn lớn, vì thế sẽ không ban bí tích thêm sức

cho trẻ em mới sinh khi các em lãnh nhận thánh tẩy. Có lẽ thực hành này phát sinh do ý thức về sự phát triển tự nhiên của con người, tuổi khôn lớn được đồng nghĩa với sự trưởng thành trong đức tin.

### *b. Việc Bẻ Bánh – tham dự Thánh Thể*

Việc Bẻ Bánh hay còn gọi là cử hành Thánh Thể là trung tâm đời sống phụng vụ của Giáo Hội sơ khai và chỉ những người đã chịu phép thánh tẩy mới được phép tham dự vào việc Bẻ Bánh. Tông Đồ Công Vụ cho thấy sau biến cố Ngũ Tuần, nhiều người tin và chịu phép rửa nhân danh Đức Giêsu, họ chuyên cần cầu nguyện và tham dự bẻ bánh "...*Vậy những ai đã đón nhận lời ông, đều chịu phép rửa, và hôm ấy đã có thêm khoảng ba ngàn người theo đạo. Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ Bẻ Bánh và cầu nguyện không ngừng*" (Cv 2, 41-42).

Các giáo phụ cũng chứng nhận việc tham dự cử hành Thánh Thể của các tân tòng ngay sau khi lãnh bí tích thánh tẩy và thêm sức. Việc tham dự vào cử hành Thánh Thể này nói lên người tân tòng đã được hoàn toàn hội nhập vào cộng đoàn Hội Thánh và kết thúc tiến trình khai tâm của họ.

## **II. Lịch sử việc cử hành các bí tích khai tâm**

### **1. Phép rửa của Đức Kitô và phép rửa của người kitô hữu**

Một câu hỏi được đặt ra là bí tích thánh tẩy được Chúa Giêsu thiết lập khi nào? Người ta không thể xác định cách chính xác vào lúc nào, nhưng một số điểm quan trọng

cần được nhấn mạnh: Khi Chúa Giêsu tự mình đến xin Gioan Tẩy Giả làm phép rửa cho mình, Ngài đã mang cho phép rửa của ông một ý nghĩa mới mà tự ông không gán cho được. Phép rửa của Gioan là phép rửa sám hối để lãnh ơn tha tội (Mc 1,4), Chúa Giêsu đã thêm vào đó:

- Đặc tính liên kết tất cả nhân loại trong Ngài. Thánh Giêrônimô nói: *"Khi bước vào dòng nước sông Giordan, Chúa Giêsu đã đem tất cả nhân loại chúng ta vào trong Ngài"*
- Đặc tính làm con Thiên Chúa. Sau khi Chúa Giêsu chịu phép rửa xong, trời mở ra và có tiếng phán: *"Đây là Con Ta yêu dấu"* (Mc 1,11), câu nói này minh chứng Thiên Chúa Cha nhìn nhận Người Con Vĩnh Cửu của Ngài trong con người Giêsu.
- Đặc tính sai đi. Lời Chúa Cha phán với Chúa Giêsu (Mc 1,11) chứng nhận Ngài là Đấng Messia, Đấng được sai đến, và từ giờ phút này Ngài sẽ thi hành sứ mạng công khai loan báo Tin Mừng Nước Thiên Chúa cho mọi người.

Thế nhưng chúng ta phải hiểu phép rửa đích thực của Đức Giêsu là Cuộc Vượt Qua của Ngài. Lời Ngài khẳng định với các môn đệ cho chúng ta thấy rõ điều đó: *"Đức Giêsu bảo: "Các anh không biết các anh xin gì! Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?"* (Mc 10,38). Thánh Phaolô đã quảng diễn câu nói trên của Chúa Giêsu khi ngài khẳng định: *"Anh em không biết rằng: khi chúng ta được chìm vào nước thánh tẩy, để thuộc về Đức Kitô Giêsu, là chúng ta được chìm vào trong cái chết của Người sao? Vì được chìm vào trong cái chết của Người, nên chúng ta cũng được*

*mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới"* (Rm 6,3-4)

Sự sống mới của Đức Kitô được ban cho toàn thể nhân loại qua trung gian Hội Thánh, vì thế Ngài trao cho Giáo Hội sứ mạng loan Tin Mừng cứu độ và cử hành thánh tẩy cho muôn dân: *"Các con hãy đi giảng dạy muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần"* (Mt 28,19).

## 2. Cử hành các bí tích khai tâm

### \* Giai đoạn đầu (tk 1):

Trong giai đoạn đầu tiên của Giáo Hội, Tông Đồ Công Vụ tường thuật một số cử hành thánh tẩy quan trọng:

- Sau ngày lễ Ngũ Tuần, Phêrô rao giảng về Đức Kitô tử nạn và phục sinh (kerygma), sau lời rao giảng của ngài có khoảng ba ngàn người xin chịu thánh tẩy. Đây là cử hành thánh tẩy "tập thể" đầu tiên cho những người do thái trở lại, và chúng ta không có chỉ dẫn chi tiết về các nghi thức cử hành trong trường hợp này (Cv 2,14-41).
- Philipê, một trong bảy phó tế, đã cử hành thánh tẩy cho viên thái giám (Cv 8,26-39). Đây là chứng từ đầu tiên về cử hành thánh tẩy cá nhân trong Tân Ước. Trong cử hành này một số yếu tố quan trọng được nhắc đến như: việc cắt nghĩa Kinh Thánh của Philipê (cc 30-35); lời ngỏ xin cử hành thánh tẩy của viên thái giám (c 36); lời tuyên xưng đức tin của ông vào Đức Giêsu là Con Thiên Chúa trước khi được chìm trong nước (c 37); nhắc đến việc dùng nước khi cử hành thánh tẩy (c 38).

Những yếu tố trên rất cần thiết cho các hiểu biết về cử hành thánh tẩy sau này.

- Những người dân ngoại đầu tiên được Phêrô cử hành thánh tẩy: Cornêliô và gia đình ông. Trình thuật nêu rõ Phêrô cử hành thánh tẩy nhân danh Đức Giêsu Kitô (Cv 10,34-48).
- Trình thuật về phép rửa của viên cai ngục canh giữ thánh Phaolô và Sila có lẽ là trình thuật đầu tiên về cử hành thánh tẩy cho trẻ em. Bởi vì bản văn nêu rõ "*lập tức ông ấy được chịu phép rửa cùng với tất cả người nhà*" (Cv 16,33). Theo tập quán thời cổ, khi cha mẹ đón nhận điều gì thì con cái cũng đón nhận điều đó, vì thế bản văn cho chúng ta giả thuyết: cả con cái viên cai ngục cũng chịu thánh tẩy cùng với ông.

\* **Giai đoạn thời dự tòng (thế kỷ 2-6):**

Thánh Justinô cho chúng ta những chứng từ quý giá về thời dự tòng và việc cử hành thánh tẩy vào thế kỷ thứ hai. Vào thời của ngài, số người xin theo đạo gia tăng, nhưng cũng có rất nhiều đe dọa từ lạc giáo, bẻ rối hay các cuộc bách hại. Nhiều người theo đạo rồi lại bỏ, đức tin của nhiều tín hữu bị lung lay trước lý lẽ lạc giáo, vì thế việc chuẩn bị cho người xin vào Giáo Hội được đặc biệt coi trọng và nghiêm khắc. Trước khi chính thức trở thành kitô hữu, người xin học đạo phải qua thời gian học hỏi và thử thách lâu ngày. Thời gian này được gọi là thời dự tòng và chia thành nhiều giai đoạn:

- **Giai đoạn chuẩn bị xa** (thông thường từ hai đến ba năm): người xin theo đạo phải từ bỏ một số nghề nghiệp không phù hợp với đức tin kitô giáo

(như bói toán, cho vay nặng lãi...); được đón nhận vào số các ứng viên tìm hiểu đạo qua một nghi thức tôn giáo, có người đỡ đầu bảo trợ; phải học hỏi giáo lý chuyên cần dưới sự hướng dẫn của một hay vài người do giám mục chỉ định; và được tham dự vào phụng vụ Lời Chúa trong các ngày chúa nhật với cộng đoàn kitô hữu.

- **Giai đoạn chuẩn bị gần:** Khi gần đến lễ Phục Sinh, ngày mà người dự tòng sẽ được lãnh nhận các bí tích khai tâm, Giáo Hội cử hành một số nghi thức chuẩn bị trực tiếp cho họ (thời gian này về sau sẽ trùng với mùa chay hiện nay). Ba nghi thức chính yếu được nhấn mạnh: nghi thức ghi danh (người ta sẽ giới thiệu các dự tòng cho giám mục, ngài tuyển chọn họ vào số các ứng viên chính thức để chuẩn bị lãnh nhận các bí tích khai tâm vào Đêm Phục Sinh); kế đó chính giám mục sẽ đích thân dạy kinh Tin Kính và cắt nghĩa Kinh Thánh cho các dự tòng; sau cùng các dự tòng sẽ trả lại kinh Tin Kính và kinh Lạy Cha cho giám mục bằng cách đọc thuộc lòng.

- **Việc cử hành các bí tích khai tâm:** Vài giờ trước Đêm Phục Sinh, một số nghi thức chuẩn bị sẽ giúp người dự tòng đón nhận các bí tích khai tâm:

- + đọc kinh Tin Kính và kinh Lạy Cha;
- + nghi thức mở ra (Ephata) nhắc đến phép lạ Chúa chữa người câm điếc (Mc 7,32-35);
- + từ bỏ ma quỷ;
- + xúc dầu dự tòng, chỉ sức mạnh để chống lại sự dữ;

- + giám mục đọc lời nguyện làm phép trên nước;
- + cử hành thánh tẩy: người dự tòng bước xuống hồ nước, nước ngang đến ngực, thầy phó tế cùng bước xuống nước với người dự tòng, lấy tay nhận trên đầu người dự tòng chìm trong nước ba lần tương ứng với ba lần tuyên xưng vào Ba Ngôi Thiên Chúa. Sau khi nhận ba lần xong, cả hai cùng bước lên khỏi hồ nước thánh tẩy.
- + giám mục xúc dầu thánh cho người vừa được thánh tẩy
- + người dự tòng được mặc một áo trắng, chiếc áo này sẽ được mặc trong suốt Tuần Bát Nhật Phục Sinh,
- + giám mục đặt tay trên người tân tòng (thêm sức) để ban Chúa Thánh Thần;
- + người tân tòng tham dự cử hành Thánh Thể: tất cả cộng đoàn phụng tự (tân tòng, tín hữu, phó tế, kỳ lão, giám mục) tiến từ hồ thánh tẩy về nhà thờ để cử hành Thánh Thể, trong thánh lễ này người tân tòng sẽ rước Mình và Máu Chúa, và như vậy họ hoàn tất tiến trình khai tâm.

#### \* Giai đoạn từ thế kỷ 6 đến thế kỷ 12 :

Trong giai đoạn này Giáo Hội phát triển mạnh mẽ, và ảnh hưởng khá lớn trong xã hội, đại đa số dân chúng là kitô hữu và vấn đề cử hành thánh tẩy cho con cái họ trở thành mối ưu tư của các mục tử, vì thế chính trong thời kỳ này mà phát triển mạnh mẽ việc cử hành thánh tẩy cho trẻ em. Trước hết người ta giản lược thời gian chuẩn bị ở giai đoạn dự tòng của những thế kỷ trước; sát nhập nhiều nghi thức vào chung với nhau; vai trò của người đỡ đầu chỉ thu gọn vào việc trả lời thay đứa trẻ khi cử hành thánh tẩy...

tuy nhiên cử hành vẫn được kết thúc bằng việc rước lễ: chẳng hạn nếu em bé còn quá nhỏ không thể rước Mình Chúa, linh mục sẽ chấm tay vào Máu Chúa rồi đặt ngón tay vào lưỡi em bé, như thế tiến trình khai tâm đã hoàn tất cho một em trẻ!

#### \* Giai đoạn từ thế kỷ 13 đến trước Vatican II:

Vào thời Trung Cổ, nhiều nạn dịch hoành hành khắp nơi ở Châu Âu, cùng với giáo lý về ơn cứu độ lệ thuộc việc đón nhận bí tích thánh tẩy, người ta tìm mọi cách cử hành thánh tẩy cho trẻ sơ sinh càng sớm càng tốt. Vì lý do tiện lợi và thực tiễn, việc chìm mình trong nước được thay thế bằng đổ nước trên đầu (tk 14); người ta bỏ luôn giai đoạn dự tòng và gộp tất cả các nghi thức trước đây vào một cử hành duy nhất.

Kể từ thế kỷ 13, người ta không cho trẻ em rước lễ sau khi thánh tẩy nữa, mà dời việc rước lễ lần đầu vào tuổi khôn, có khi đến mười một, mười hai tuổi; còn bí tích thêm sức chỉ được cử hành sau khi đã rước lễ lần đầu. Đức Piô X đã điều chỉnh việc rước lễ lần đầu của trẻ em vào tuổi khôn khoảng 7 tuổi, và người ta cũng thêm việc Rước Lễ Trọng Thể cho trẻ em trong thời gian học giáo lý.

### 3. Cử hành khai tâm kitô giáo hiện nay

Giáo Hội quy định một số quy tắc về việc cử hành thánh tẩy hiện nay như sau:

#### a. Nguyên tắc tổng quát:

- Bí tích thánh tẩy là cửa ngõ vào các bí tích (GL 849), vì thế người nào chưa được thánh tẩy thì không thể lãnh nhận các bí tích khác thành sự (GL 842/1).

- Để bí tích thánh tẩy được cử hành thành sự đòi buộc phải đổ nước nguyên chất trên người lãnh nhận kèm theo công thức bí tích do Giáo Hội quy định (GL 849).
- Được phép cử hành thánh tẩy vào bất cứ ngày nào, tuy nhiên, nên cử hành vào ngày chúa nhật, và nếu có thể vào đêm Phục Sinh (GL 856).
- Nơi thích hợp để cử hành thánh tẩy là nhà thờ (GL 857), chỉ được phép cử hành ở nhà tư khi có lý do quan trọng và phải có phép của Bản Quyền địa phương (GL 860/1). Không được cử hành thánh tẩy ở bệnh viện nếu không phải là lý do thật cần thiết hay mục vụ đòi hỏi (GL 860/2).
- Theo luật, người lớn phải chịu thánh tẩy tại nhà thờ riêng của giáo xứ mình, trẻ em tại nhà thờ của cha mẹ, trừ khi có lý do chính đáng phải làm cách khác (GL 857/2)

#### *b. Thừa tác viên bí tích thánh tẩy*

- Thừa tác viên thông thường của bí tích thánh tẩy là giám mục, linh mục và phó tế. Khi thiếu những người này, một giáo lý viên được Bản Quyền địa phương cho phép sẽ cử hành bí tích thánh tẩy cho những người mình chịu trách nhiệm. Trong trường hợp khẩn cấp, bất cứ người nào (kể cả người ngoài kitô giáo) cũng được phép cử hành thánh tẩy, với điều kiện phải có chủ ý nghiêm chỉnh, cử hành nhân danh Giáo Hội, và theo những thể thức do Giáo Hội quy định (GL 861).
- Trừ trường hợp cần thiết, không ai được phép cử hành thánh tẩy trong lãnh thổ người khác, dù rằng cho người thuộc quyền mình, nếu không có phép hợp lệ (GL 862).

- Khi linh mục cử hành thánh tẩy cho người lớn hoặc cho trẻ em đã đến tuổi khôn, nếu không có giám mục hiện diện, thì ngài cũng được phép ban cả bí tích thêm sức (NL 46), kể đó ngài sẽ cho người tân tòng rước lễ để hoàn tất tiến trình khai tâm của họ.

#### *c. Những người lãnh bí tích thánh tẩy*

- Chỉ có những người chưa được thánh tẩy mới được phép lãnh bí tích Thánh Tẩy (GL 864). Để có thể lãnh bí tích thánh tẩy, người lớn phải tỏ ý lãnh nhận, được học biết các chân lý đức tin và nghĩa vụ kitô giáo (GL 865/1). Trong trường hợp nguy tử, họ có thể lãnh nhận thánh tẩy nếu biết phần nào các chân lý chính yếu của đức tin và bày tỏ ý muốn lãnh nhận bí tích (GL 865/2)
- Cha mẹ có bổn phận lo cho con mình được lãnh nhận thánh tẩy ngay trong những tuần lễ đầu tiên sau khi chào đời. Nếu hài nhi gặp cơn nguy tử thì phải cử hành thánh tẩy cho em bé không được chậm trễ (GL 867), cho dù em bé là con của người ngoài kitô giáo, và trái ý cha mẹ vẫn có thể đổ nước cho em (GL 868/2).
- Trong điều kiện bình thường, để một trẻ sơ sinh được lãnh thánh tẩy cách hợp pháp cần phải có sự đồng ý ít là của cha hoặc mẹ, hay người thế quyền cha mẹ; đồng thời hy vọng em bé sẽ được giáo dục đức tin trong đạo Công Giáo, nếu không sẽ phải hoãn việc cử hành thánh tẩy lại (GL 868/1)

#### *d. Người đỡ đầu*

- Mỗi người sắp chịu thánh tẩy cần có cha hoặc mẹ hay cả cha và mẹ đỡ đầu (GL 873). Vai trò của người đỡ đầu



là tham dự vào các nghi lễ khai tâm của người mình đỡ đầu, nêu gương sáng, nâng đỡ đời sống đức tin, đồng hành với người này trong ơn gọi kitô hữu (GL 872; NL 43).

- Người đỡ đầu phải có những tiêu chuẩn sau (GL 874):

- + do người sắp lãnh nhận thánh tẩy, hoặc cha mẹ người này, nếu không có thì người thế quyền cha mẹ, còn nếu không có nữa thì cha sở hay thừa tác viên cử hành thánh tẩy chọn lựa; đồng thời người đỡ đầu phải có khả năng và chủ ý thi hành nhiệm vụ này.
- + đã được mười sáu tuổi trọn trừ khi có lý do chính đáng,
- + Phải là người công giáo, đã đón nhận các bí tích thêm sức và Thánh Thể và có đời sống xứng hợp với đức tin và nhiệm vụ sắp lãnh nhận,
- + không mắc một hình phạt đã được tuyên bố,
- + không phải là cha mẹ của người lãnh bí tích thánh tẩy.

Ngoài những chỉ dẫn tổng quát trên, cuộc cải tổ phụng vụ của Công Đồng Vatican II quy định cho chúng ta hai nghi thức cử hành thánh tẩy sau đây:

- Nghi thức gia nhập kitô giáo của người lớn,
- Nghi thức cử hành thánh tẩy trẻ nhỏ.

### A. Nghi thức gia nhập kitô giáo của người lớn

Nghi thức gia nhập kitô giáo của người lớn được Thánh Bộ Phụng tự công bố ngày 6/1/1972, gồm 6 chương nói về việc cử hành các bí tích khai tâm và phần phụ lục với các nghi thức tiếp nhận những người đã chịu thánh tẩy xin được hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công Giáo Rôma.

### *Chương I: Nghi thức dự tòng theo từng giai đoạn.*

Chương này là chương dài nhất, gồm đầy đủ các nghi thức trong giai đoạn dự tòng và các nghi thức bí tích khai tâm. Chương được chia làm ba giai đoạn khác nhau:

- Giai đoạn 1: Nghi lễ tiếp nhận dự tòng và các nghi lễ trong thời gian này.
- Giai đoạn 2: Nghi lễ tuyển chọn, tức nghi lễ ghi danh, nghi lễ này bắt đầu thời gian được gọi là thanh tẩy và soi sáng để người dự tòng chuẩn bị lãnh các bí tích khai tâm. Thời gian này thường trùng với mùa chay.
- Giai đoạn 3: Cử hành các bí tích khai tâm: Thánh tẩy, Thêm sức và Thánh Thể vào Đêm Phục Sinh. Sau khi đón nhận các bí tích khai tâm, người tân tòng còn được giáo huấn đặc biệt trong mùa phục sinh, thời gian này được gọi là thời kỳ nhiệm huấn.

### *Chương II: Nghi thức đơn giản nhập đạo của người lớn.*

Chương này là nghi thức rút gọn của các giai đoạn dự tòng trong chương I, nó được áp dụng cho các dự tòng không thể theo đuổi thời gian dự tòng lâu ngày, nhưng thành tâm theo Chúa và trưởng thành đích thực về mặt tôn giáo. Nên áp dụng nghi thức này vào ngày Chúa Nhật với đông đảo giáo dân tham dự, và nếu có thể được nên cử hành sau phần phụng vụ Lời Chúa (NL 242-244).

Trong hoàn cảnh mục vụ hiện nay tại Việt Nam, nghi thức đơn giản nhập đạo của người lớn được sử dụng thường xuyên, vì thế chúng ta sẽ đào sâu kỹ hơn nghi thức này.

Nghi thức gồm: nghi thức tiếp nhận, phụng vụ Lời Chúa, nghi thức thánh tẩy, nghi thức diễn nghĩa, nghi thức thêm sức và cử hành Thánh Thể.

- + **Nghi thức tiếp nhận:** Người dự tòng, người đỡ đầu và gia đình thân quyến đứng ở cửa chính nhà thờ hay một chỗ thích hợp ngoài nhà thờ, cộng đoàn hát một bài ca hân hoan nói lên tình thương của Thiên Chúa, đang khi đó linh mục tiến đến chỗ người dự tòng đứng, ngài đối thoại với người dự tòng về ý muốn lãnh nhận bí tích thánh tẩy; ngài cũng hỏi người đỡ đầu về tư cách của người dự tòng có xứng đáng lãnh nhận các bí tích khai tâm kitô giáo và trách nhiệm của người đỡ đầu trong đời sống đức tin sau này của người tân tòng không? kể đó ngài mời gọi người dự tòng và thân nhân tiến vào nhà thờ, đang lúc đó hát ca nhập lễ.
- + **Phụng vụ Lời Chúa:** các bài đọc theo ngày chúa nhật như thường lệ, sau bài giảng không đọc kinh tin kính; người dự tòng có người đỡ đầu thắp tùng, tiến đến trước mặt linh mục, ngài đọc lời nguyện trừ tà và có thể xúc dầu dự tòng trên ngực hay trên hai tay (tuy nhiên nếu thấy bất tiện, có thể bỏ việc xúc dầu dự tòng, nhưng không được phép bỏ lời nguyện trừ tà), sau đó linh mục thỉnh lạng đặt tay trên đầu người dự tòng.
- + **Nghi thức thánh tẩy:** Sau khi đặt tay, linh mục, người dự tòng và người đỡ đầu tiến giống thánh tẩy (nếu có) bằng không sẽ đứng tại chỗ; linh mục làm phép nước; rồi ngài hỏi người dự tòng về việc từ bỏ ma quỷ và tuyên xưng đức tin công giáo, sau cùng ngài cử hành bí tích thánh tẩy bằng cách đổ nước trên đầu người dự tòng và đọc công thức theo quy định: *".....Tôi rửa ông (bà, anh, chị) nhân danh Cha*

*và Con và Thánh Thần"*, cũng có thể đim người dự tòng trong hồ nước thánh tẩy, nhưng phải lưu ý sự thuận tiện và nghiêm trang trong nghi lễ (NL 262). Đang khi đổ nước, người đỡ đầu đặt tay phải trên vai người lãnh thánh tẩy.

- + **Nghi thức diễn nghĩa:** Nếu phải dời việc ban bí tích thêm sức cho người tân tòng vào một dịp thuận tiện gần nhất khi giám mục đến thăm, thì linh mục sẽ xúc dầu thánh cho người tân tòng ngay sau khi đổ nước, bằng không ngài sẽ *không xúc dầu* mà trao áo trắng và nến cháy sáng ngay cho người tân tòng, để nói lên ý nghĩa của đời sống mới theo Đức Kitô.
  - + **Nghi thức thêm sức:** sau khi trao nến cháy sáng cho tân tòng, linh mục sẽ nhấn nủ, đọc lời nguyện và xúc dầu ban bí tích thêm sức cho người tân tòng theo quy định như sau: người tân tòng được người đỡ đầu thắp tùng tiến đến trước linh mục, rồi người đỡ đầu đặt tay phải trên vai người này, vị linh mục nhúng đầu ngón cái tay phải vào Dầu Thánh và ghi hình thánh giá trên trán người tân tòng và đọc: *".....hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần"*. Người tân tòng thưa: *Amen*. Vị linh mục: *Bình an của Chúa ở cùng ông (bà, anh, chị)*. Người tân tòng: *Và ở cùng cha*. (NL 270)
- Sau khi ban bí tích thêm sức xong, bỏ kinh Tin Kính và đọc lời nguyện chung ngay. Nên để người tân tòng đọc một vài ý nguyện, vì điều này diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của việc gia nhập kitô giáo (NL 271).
- + **Cử hành Thánh Thể:** Rất ý nghĩa nếu có cuộc rước lễ vật mà người tân tòng được tham dự. Khi rước lễ, nên cho người tân tòng, người đỡ đầu, cha mẹ, vợ hoặc chồng và giáo lý viên rước lễ dưới hai hình (NL 273)

*Chương III: Nghi thức đơn giản nhập đạo của người lớn trong lúc nguy tử.*

Nghi thức này được áp dụng cho những người lớn ước ao lãnh nhận bí tích thánh tẩy, nhưng chưa kịp thì ở trong tình trạng nguy tử. Nghi thức này được soạn dành riêng cho giáo lý viên hay giáo dân để cử hành cho người hấp hối, tuy nhiên phó tế và linh mục cũng có thể sử dụng (NL 280). Nếu linh mục cử hành nghi thức này và còn thời giờ, ngài sẽ ban bí tích thêm sức cho người hấp hối (NL 280). Dù là giáo dân hay linh mục, nếu có thể được, sau khi cử hành thánh tẩy, phải cho người tân tòng rước Mình Thánh Chúa (NL 280). Nếu thời giờ cấp bách không thể cử hành đầy đủ các nghi thức, thừa tác viên chỉ cần lấy nước lã, dù rằng nước này chưa được làm phép, rồi đổ trên đầu bệnh nhân và đọc công thức thánh tẩy "...Tôi rửa ông (bà, anh, chị...) nhân danh Cha và Con và Thánh Thần (NL 281). Nếu sau khi cử hành thánh tẩy, người hấp hối bình phục lại, phải liệu để họ được học giáo lý đầy đủ và lãnh nhận các bí tích khai tâm khác (NL 282).

*Chương IV: Những chỉ dẫn về việc chuẩn bị cho người lớn đã nhận thánh tẩy khi còn nhỏ, nhưng chưa học giáo lý để họ lãnh nhận bí tích thêm sức và Thánh Thể.*

Chương này không có nghi thức nào, nhưng đưa ra một số hướng dẫn mục vụ: những người lớn đã lãnh bí tích thánh tẩy khi còn nhỏ, nhưng vì lý do nào đó họ không học giáo lý, hay không được chấp nhận cho thêm sức hay rước lễ lúc còn thiếu niên, hoặc những người tân tòng đã chịu thánh tẩy trong lúc nguy tử. Những trường hợp này phải

được hướng dẫn chu đáo để họ khám phá đức tin mà họ đã lãnh nhận khi chịu thánh tẩy (NL 295-298). Những người này phải có người đỡ đầu để trợ giúp họ trong thời gian học giáo lý (NL 299), thời gian học giáo lý phải thích nghi với năm phụng vụ, và phần cuối thường nhắm vào mùa chay (NL 303), họ sẽ tham dự vào các nghi lễ phụng vụ của cộng đoàn (NL 300), tột đỉnh của thời kỳ huấn luyện là đêm Phục Sinh, trong đêm đó những người này sẽ tuyên xưng đức tin của bí tích thánh tẩy mà họ đã lãnh nhận, rồi họ sẽ nhận bí tích thêm sức và tham dự bàn tiệc Thánh Thể (NL 304), sau cùng, họ sẽ kết thúc thời gian học hỏi giáo lý bằng cách sống thời kỳ nhiệm huấn như các tân tòng (NL 305).

*Chương V: Nghi thức khai tâm cho các trẻ em đã đến tuổi học giáo lý*

Nghi lễ này dành cho trẻ em khi còn bé chưa được thánh tẩy, nay đến tuổi khôn và tuổi học giáo lý, được cha mẹ hay người bảo trợ dẫn đến xin gia nhập Giáo Hội, hoặc tự các em đến xin. Các em chưa thể theo đuổi các tiến trình khai tâm như người lớn, vì vậy việc huấn luyện các em đòi hỏi thời gian nhiều hơn tùy theo tuổi tác và khả năng lĩnh hội giáo lý của các em (NL 306-307). Các em sẽ theo các lớp giáo lý như các bạn cùng lứa tuổi nhưng đã lãnh thánh tẩy trước các em (NL 308); nên cử hành các bí tích khai tâm cho các em vào đêm Phục Sinh (NL 301). Các nghi thức cho các em cũng gồm ba giai đoạn như cho người lớn, nhưng đơn giản hơn:

- **giai đoạn I:** Nghi thức tiếp nhận làm người dự tòng được cử hành khi các em khởi sự thời gian học giáo lý để lãnh các bí tích khai tâm.

- **giai đoạn 2:** Nghi lễ sám hối hay khảo hạch được cử hành trong mùa chay hoặc thời gian thuận tiện trước khi cử hành thánh tẩy.
- **giai đoạn 3:** cử hành các bí tích khai tâm vào đêm Phục Sinh hoặc vào ngày Chúa Nhật nào thuận tiện nhất.

*Chương VI: Các bản văn đọc trong nghi thức gia nhập kitô giáo của người lớn*

Chương này cho chúng ta một số mẫu lời nguyện chủ tế, lời nguyện chung, các bài đọc Kinh Thánh, thánh vịnh đáp ca, alleluia... dùng cho thánh lễ tiếp nhận người dự tòng, thánh lễ trong đó cử hành các bí tích khai tâm mà không phải là thánh lễ đêm Phục Sinh và những ngày lễ buộc.

*Phụ lục: Nghi thức tiếp nhận những người đã chịu thánh tẩy xin được hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công Giáo Rôma.*

Nghi thức này dành cho những người đã lãnh nhận thánh tẩy trong một Giáo Hội Kitô khác, nay xin được hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công Giáo Rôma. Nghi thức chính yếu là việc tuyên xưng đức tin công giáo và rước lễ, vì thế nên cử hành các nghi lễ này trong thánh lễ; tuy nhiên khi có lý do quan trọng cũng được phép cử hành ngoài thánh lễ, nhưng phải cử hành càng sớm càng tốt một thánh lễ trong đó người được đón nhận vào Giáo Hội Công Giáo sẽ tham dự trọn vẹn cử hành Thánh Thể với cộng đoàn (NL-PL 1-3)<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Các tham chiếu trong phần phụ lục này được đánh số lại theo Nghi Thức Gia Nhập Kitô Giáo của người lớn, vì thế độc giả cần lưu ý để khỏi lẫn lộn với các số trong những chương đi trước của Nghi Thức.

- Phải tuyệt đối tránh đặt những người này ngang hàng với người dự tòng như thể họ chưa lãnh thánh tẩy (NL-PL 5).
- Không bắt buộc phải tuyên thệ từ bỏ bè, rối, nhưng chỉ đòi buộc tuyên xưng đức tin công giáo là đủ (NL-PL 6).
- Cấm không được cử hành thánh tẩy lại cho họ một lần thứ hai, trừ khi nghi ngờ cần phải cử hành lại với điều kiện và phải tránh cử hành cách công khai (NL-PL 7).
- Việc đón nhận họ thuộc thẩm quyền giám mục, tuy nhiên một linh mục được uỷ nhiệm cũng có thể đón nhận và ban bí tích thêm sức cho họ, nếu họ chưa lãnh nhận bí tích này thành sự (NL-PL 8)
- Trước khi được đón nhận vào Giáo Hội, người xin gia nhập phải xưng tội và cho linh mục giải tội biết tình trạng của mình. Mọi linh mục giải tội đều được quyền giải tội trong trường hợp này (NL-PL 9).
- Nên có người bảo lãnh cho người xin gia nhập Giáo Hội Công Giáo, người này sẽ hiện diện trong chính nghi thức đón nhận (NL-PL 10).
- Tên những người được đón nhận phải được ghi vào sổ riêng, cùng với ngày và nơi đương sự đã đón nhận thánh tẩy trước đó.

## B. Nghi thức Thánh Tẩy trẻ nhỏ

### a. Ý nghĩa việc ban bí tích thánh tẩy cho trẻ nhỏ

Từ lâu Giáo Hội đã cử hành thánh tẩy cho trẻ nhỏ, vì ý thức rằng Thánh tẩy là cửa dẫn vào sự sống và là lối đưa chúng ta vào Nước Trời. Bí tích Thánh tẩy trước hết là bí tích đức tin, nhờ đức tin mà con người được soi sáng bởi

ân huệ của Thánh Thần sẽ đáp lời mời gọi của Tin Mừng Đức Kitô. Trong đức tin, chúng ta khám phá giá trị của bí tích Thánh Tẩy:

- Bí tích Thánh Tẩy làm cho chúng ta trở nên chi thể Nhiệm Thể Chúa Kitô là Giáo Hội, nên Dân Tư Tế và Vương đế của Chúa.
- Bí tích Thánh tẩy cho chúng ta tham dự vào sự sống thần linh của Thiên Chúa, trở nên con Thiên Chúa và đồng thừa tự với Đức Kitô.
- Bí tích Thánh Tẩy làm cho chúng ta nên giống Chúa Kitô, cùng chết và sống lại với người. Mẫu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô trở nên trung tâm đời sống đức tin chúng ta và làm cho chúng ta được dự phần với Ngài.

Chính trong đức tin này mà các em nhỏ được lãnh nhận bí tích thánh tẩy. Giáo Hội cử hành thánh tẩy cho các em trong đức tin của mình, đức tin này sẽ được cha mẹ và những người đỡ đầu tuyên xưng thay cho các em. Các em sẽ lớn lên trong đức tin của Giáo Hội và khám phá ra đức tin đó với tuổi đời và sự khôn lớn. Vì vậy, trong cử hành thánh tẩy cho trẻ nhỏ vai trò của cha mẹ và người đỡ đầu rất quan trọng, họ sẽ nhận nhiệm vụ giáo dục, nâng đỡ và làm chứng đức tin cho các em.

#### *b. Nghi thức ban bí tích thánh tẩy cho trẻ nhỏ*

Nghi thức thánh tẩy cho trẻ nhỏ được Bộ Phụng Tự công bố ngày 15/5/1969 bao gồm nghi thức thánh tẩy nhiều trẻ nhỏ, nghi thức thánh tẩy một trẻ nhỏ, nghi thức thánh tẩy dành cho giáo lý viên khi không có linh mục hay phó tế, nghi thức thánh tẩy trẻ nhỏ trong trường hợp nguy tử khi không có linh mục hay phó tế.

- Nên cử hành thánh tẩy cho trẻ nhỏ vào ngày chúa nhật, với sự tham dự đông đảo của giáo dân, hay ít là của gia đình, họ hàng. Cha mẹ và người đỡ đầu cần hiện diện trong nghi thức để giới thiệu con mình với Giáo Hội (TE 32-33).
- Nghi thức thánh tẩy trẻ em gồm: phần mở đầu và đón tiếp, phụng vụ Lời Chúa, nghi thức thánh tẩy, nghi thức diễn nghĩa, và phần kết thúc.

+ **Phần mở đầu và đón tiếp** được cử hành ở một nơi khác với nơi sẽ cử hành thánh tẩy cho em bé (ví dụ: cửa nhà thờ hay một chỗ riêng biệt nào khác trong nhà thờ...). Phần này gồm lời chào chúc của thừa tác viên, đối thoại ngắn giữa thừa tác viên và cha mẹ em bé về việc xin thánh tẩy cho con cái. Thừa tác viên cũng nhắc cho người đỡ đầu về vai trò và sự trợ giúp cha mẹ em bé trong việc giáo dục đức tin cho con đỡ đầu. Kế đó, thừa tác viên sẽ nhân danh Giáo Hội ghi dấu thánh giá trên trán em bé và mời gọi cộng đoàn cử hành Lời Chúa. Mọi người từ nơi đó tiến vào nhà thờ nơi cử hành Phụng vụ Lời Chúa.

+ **Phụng vụ Lời Chúa:** Thừa tác viên đọc một đoạn Lời Chúa về ý nghĩa của bí tích thánh tẩy, rồi ngài cắt nghĩa đôi chút về bài Kinh Thánh vừa đọc; kế đó mọi người đọc lời nguyện chung và kinh cầu các thánh ngắn. Đọc kinh cầu các thánh xong, thừa tác viên sẽ đọc lời nguyện trừ tà rồi ngài có thể xúc dầu dự tòng trên ngực em bé (cũng có thể bỏ việc xúc dầu này nếu thấy bất tiện); kế đấy ngài thỉnh lạng đặt tay trên đầu em.

+ **Nghi thức thánh tẩy:** Sau đó, nếu nhà thờ có giếng rửa tội thì thừa tác viên, cha mẹ, người đỡ đầu, gia đình sẽ đưa em bé đến giếng rửa tội, bằng không thì

mọi người vẫn đứng tại chỗ (TE 52). Tại giếng rửa tội, thừa tác viên làm phép nước, mọi người tuyên xưng đức tin và từ bỏ ma quỷ, cuối cùng thừa tác viên đổ nước trên đầu em bé và đọc công thức thánh tẩy: "*.....Cha rửa con, nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần*". Nếu có đồng trẻ em, mà có nhiều linh mục hay phó tế hiện diện, các ngài cũng có thể chia nhau đổ nước cho số em được phân chia theo cách thức như trên (TE 61).

+ **Nghi thức diễn nghĩa:** khi đã đổ nước xong, thừa tác viên đọc lời nguyện và xúc dầu thánh trên đỉnh đầu em bé; kế đó ngài trao cho em bé chiếc áo trắng tượng trưng ý nghĩa của bí tích thánh tẩy vừa nhận; ngài cũng trao cho cha mẹ hay người đỡ đầu cây đèn cháy sáng tượng trưng trách nhiệm của họ trong việc chăm sóc đức tin cho em.

+ **Phần kết thúc:** cử hành thánh tẩy kết thúc bằng việc mọi người đọc kinh Lạy Cha và phép lành của thừa tác viên.

- Trong nghi thức ban bí tích thánh tẩy trẻ nhỏ hiện nay, Giáo Hội La tinh thường ban bí thêm sức trễ hơn, trừ trường hợp nguy tử (GL 883/3 và 891; CG 1314), và dành cho giám mục quyền ban bí tích này cho các em, nhằm diễn tả sự hiệp thông trong Giáo Hội chung quanh giám mục. Đàng khác tiến trình khai tâm của các em phải được phát triển và hoàn thiện theo thời gian, các em sẽ lãnh nhận các bí tích thêm sức và Thánh Thể khi khôn lớn. Vì vậy, trong thực tế các em sẽ rước lễ lần đầu hay lãnh bí tích thêm sức sau khi chịu thánh tẩy một thời gian cùng với việc học giáo lý, và như vậy chúng ta phải nhận định tầm quan trọng của việc lãnh

các bí tích này trong tiến trình khai tâm Kitô giáo của các em.

**\* Trẻ em sẽ lãnh bí tích thêm sức trước hay rước lễ lần đầu trước?**

Câu hỏi được đặc biệt đặt ra khi thần học hiện đại tái khám phá ý nghĩa của ba bí tích khai tâm. Có hai cách giải quyết khác nhau:

+ **Cách thức nhất "có vẻ mới lạ":** Theo Truyền Thống của Giáo Hội, khi một người lớn gia nhập Kitô giáo, Giáo Hội thường ban một lúc ba bí tích thánh tẩy, thêm sức và Thánh Thể cho họ. Như vậy theo lẽ thường bí tích thêm sức đi sau bí tích thánh tẩy và trước bí tích Thánh Thể. Thánh Thể đến sau cùng vì là đỉnh cao và hoàn tất tiến trình khai tâm Kitô giáo. Theo lý luận này, một số nơi trong Giáo Hội cho trẻ em lãnh bí tích thêm sức trước khi rước lễ lần đầu (tức bí tích Thánh Thể). Cách làm này xét về mặt truyền thống có lý, nhưng hơi bất lợi về sự phát triển của trẻ và khó diễn tả sự hiệp thông với giám mục. Bởi vì nếu ban bí tích thêm sức cho trẻ vào lúc đã đủ trưởng thành về mặt đức tin, sau đó mới cho các em rước lễ, các em sẽ bị thiệt thòi khi không được rước Thánh Thể vào lúc biết phân biệt Bánh Thánh với bánh thường (tuổi biết sử dụng trí khôn). Người ta không nên nại lý do trật tự của ba bí tích khai tâm mà **ngăn cản các em lãnh nhận Thánh Thể**. Thánh Thể vừa là trung tâm đời sống Giáo Hội, vừa nuôi sống và giúp các em thăng tiến đời sống đức tin, nghĩa là Thánh Thể còn giúp các em cảm nghiệm và sống đức tin trước khi lãnh nhận bí tích thêm sức, giúp các em biết làm chứng cho Chúa Kitô cho thế giới hôm nay.

+ **Cách thứ hai khá phổ biến trong Giáo Hội:** Trẻ em sẽ rước lễ lần đầu trước khi lãnh bí tích thêm sức. Cách làm này có vẻ ngược với truyền thống, nhưng có lợi về mặt giáo dục đức tin và sự phát triển của trẻ, bởi vì tiến trình khai tâm của các em trùng hợp với tuổi học giáo lý. Khi đã biết sử dụng trí khôn, các em được rước Chúa, đây là kinh nghiệm thiêng liêng đầu tiên của các em trong tương quan sống động với Chúa, chính kinh nghiệm này sẽ nâng đỡ và giúp đức tin các em phát triển từ từ. Như vậy, đức tin các em sẽ lớn lên với thời gian, để khi đã trưởng thành đủ các em sẽ lãnh nhận bí tích thêm sức để trở nên chứng nhân của Đức Kitô cho anh em.

Để bổ túc cho sự hoán chuyển trước sau của hai bí tích Thánh Thể và thêm sức khi cử hành cho trẻ em (**thánh tẩy – Thánh Thể – thêm sức**), khác với cách thực hành khi cử hành ba bí tích khai tâm cho người lớn (**thánh tẩy – thêm sức – Thánh Thể**), hiện nay nhiều nơi có khuynh hướng cho thiếu niên rước lễ trọng thể sau khi thêm sức. Theo cách thực hành này, thì tiến trình khai tâm của các em chỉ kết thúc khi các em rước lễ trọng thể. Như vậy bí tích Thánh Thể vẫn là tột đỉnh và hoàn tất tiến trình khai tâm, nhưng không loại trừ việc rước lễ trước khi thêm sức, bởi vì Thánh Thể còn là của ăn, và là sự sống nuôi dưỡng tiến trình khai tâm của người kitô hữu.

\* Một câu hỏi khác được đặt ra: tại sao người ta thường cho trẻ em xưng tội trước khi rước lễ lần đầu?

Một điều rất quan trọng chúng ta phải lưu ý: không bao giờ dạy và làm cho trẻ nghĩ rằng muốn rước lễ thì phải xưng tội, làm như thể xưng tội là điều bắt buộc phải

có để được rước lễ. Vậy tại sao trong Giáo hội vẫn duy trì thực hành này?

- Tiêu chuẩn đầu tiên để cho trẻ em rước lễ là các em phải biết phân biệt Bánh Thánh và bánh thường; biết cung kính đón nhận Chúa Kitô hiện diện trong Thánh Thể chứ không phải lãnh nhận một của ăn tầm thường (GL 913).

- Vậy nếu trẻ em xưng tội trước khi rước lễ lần đầu, điều này được biện minh bởi những lý do sau đây:

+ Trẻ em rất sớm ý thức về những điều không đúng, điều sai trái trong đời sống thường ngày. Chúng biết xin lỗi cha mẹ và những người mà chúng làm mất lòng, vì thế người ta phải tập cho trẻ biết nói "xin lỗi" với Chúa, với anh em và với chính mình. Làm như thế là người ta đang giáo dục và tập cho trẻ sống đức tin.

+ Tiến trình khai tâm kitô giáo còn là tiến trình sám hối: khi theo Chúa người dự tòng từ bỏ chính mình, từ bỏ những điều ngược với đức tin kitô giáo và họ hoà giải với Chúa, với Giáo Hội và với anh em. Vì vậy người ta không những dạy cho trẻ các chân lý đức tin mà còn phải nhấn mạnh khía cạnh sám hối và hoà giải. Do đó việc xưng tội là cụ thể hoá tâm tình sám hối của trẻ trước những việc làm sai trái trong đời sống con người.

+ Nếu xưng tội với linh mục được xem là lãnh nhận bí tích hoà giải, thì việc lãnh bí tích như thế phải được chuẩn bị kỹ lưỡng; nghĩa là phải giúp cho trẻ ý thức chính Chúa Giêsu tha tội cho chúng, và khơi dậy nơi trẻ tâm tình sám hối thật sự. Do đó các buổi sám hối chung trong thời gian học giáo lý rất cần thiết, nó giúp trẻ lãnh bí tích hoà giải cách ý thức, nó còn là

cơ hội giúp trẻ ý thức sự hiện diện của Đức Kitô trong bí tích hoà giải và giúp chúng khám phá ra những giới hạn của con người khi phạm tội ...không nên gây ấn tượng cho trẻ về bí tích hoà giải như một đòi hỏi bắt buộc cách máy móc, thiếu ý thức trước khi rước lễ lần đầu.

- + Vì vậy trong thực tế, không nên cho trẻ chỉ xưng tội một lần vào ngày trước khi rước lễ lần đầu, điều đó dễ làm cho các em ngộ nhận. Nên thường xuyên tổ chức các buổi sám hối chung, có thể mời linh mục giải tội cho các em đôi lần trước khi rước lễ.

#### 4. Nghi thức bí tích Thêm Sức

Bí tích thêm sức là một trong ba bí tích khai tâm kitô giáo, do đó luôn luôn phải đặt bí tích này trong tiến trình khai tâm của người kitô hữu. Phải giải thích cho mọi tín hữu biết họ cần lãnh nhận bí tích thêm sức để hoàn tất ân sủng của bí tích Thánh Tẩy (CG 1285).

- Bí tích thêm sức làm cho người tín hữu đón nhận Chúa Thánh Thần cách đặc biệt, như xưa các Tông Đồ đã lãnh nhận trong ngày lễ Ngũ Tuần (CG 1302)
- Bí tích thêm sức làm tăng trưởng và đào sâu ơn bí tích thánh tẩy: giúp chúng ta đi sâu vào tình nghĩa tử của Thiên Chúa; làm cho chúng ta kết hợp mật thiết hơn với Chúa Kitô; gia tăng các ơn Chúa Thánh Thần; giúp chúng ta liên kết trọn vẹn với Hội Thánh; và ban sức mạnh để giúp chúng ta làm chứng về Chúa Kitô (CG 1303)
- Như bí tích thánh tẩy, bí tích thêm sức chỉ được nhận một lần mà thôi; vì bí tích này in vào linh hồn một dấu ấn thiêng liêng không thể xoá nhòa (CG 1304).

#### a. Thừa tác viên bí tích thêm sức

- Thừa tác viên thông thường của bí tích thêm sức là giám mục. Các linh mục khi được uỷ nhiệm cách hợp pháp cũng được phép ban bí tích thêm sức (GL 882 và 883).
- Ngoài giám mục, những người sau đây cũng được ban bí tích thêm sức theo luật định: giám quản tông toà; đại diện tông toà; giám quản giáo phận; viện phụ hay kinh sĩ trong địa hạt dành riêng cho mình (TS 7)

#### b. Người lãnh nhận bí tích thêm sức

- Trong truyền thống Giáo Hội Đông Phương, người tân tông lãnh nhận bí tích thêm sức liền ngay sau bí tích thánh tẩy (không kể người đó là em bé hay người trưởng thành, và thông thường các linh mục được quyền ban cả ba bí tích này, với điều kiện phải ban bí tích thêm sức với dầu thánh do giám mục thánh hiến), và tiếp đó người tân tông sẽ tham dự Thánh Thể. Truyền Thống này làm nổi bật sự thống nhất của ba bí tích khai tâm kitô giáo. Trong khi đó, Giáo Hội La tinh lại ban bí tích thêm sức cho các em đã tới tuổi khôn, và thường dành quyền ban bí tích này cho giám mục để biểu lộ rõ sự liên kết giữa người nhận bí tích thêm sức với Giáo Hội (CG 1290; 1318).
- Chỉ những người đã lãnh bí tích thánh tẩy và chưa lãnh bí tích thêm sức mới được phép lãnh nhận bí tích thêm sức. Họ phải biết sử dụng trí khôn, được học giáo lý đầy đủ, chuẩn bị xứng đáng và tuyên xưng lại đức tin của bí tích thánh tẩy (GL 889).



- Trong trường hợp nguy tử, mọi kitô hữu chưa lãnh nhận bí tích thêm sức đều phải được trao ban bí tích này. *Hội Thánh mong muốn: không một người con nào của mình, cho dù bé nhỏ, lìa đời mà chưa được Chúa Thánh Thần kiện toàn bằng ân sủng tràn đầy của Chúa Kitô* (CG 1314)

### c. Người đỡ đầu

- Mỗi người khi lãnh nhận bí tích thêm sức thường phải có người đỡ đầu, người này hiện diện và giới thiệu họ cho thừa tác viên lúc cử hành bí tích, sau đó sẽ hỗ trợ và nâng đỡ người mình đỡ đầu trong đời sống đức tin (TS 5).
- Nên chọn người đỡ đầu thánh tẩy làm người đỡ đầu thêm sức (TS 5; GL 893/2), vì điều này diễn tả tương quan chặt chẽ giữa hai bí tích khai tâm, đồng thời giúp cho công việc của người đỡ đầu mang lại hiệu quả hơn.
- Nếu không chọn được người đỡ đầu thánh tẩy làm người đỡ đầu thêm sức, thì chọn một người khác, người này phải hội đủ các điều kiện như người đỡ đầu thánh tẩy (GL 893/1; cf. 874). Trong trường hợp không kiếm được người đỡ đầu thêm sức, cha mẹ các em sẽ giới thiệu con mình trong nghi thức ban bí tích thêm sức (TS 5)

### d. Nghi thức ban bí tích thêm sức

Nghi thức ban bí tích thêm sức được Bộ Phụng vụ công bố ngày 22/8/1971 gồm 4 chương:

- + Chương I: Nghi thức ban bí tích thêm sức trong thánh lễ.
- + Chương II; Nghi thức ban bí tích thêm sức ngoài thánh lễ

- + Chương III: Những điều phải giữ khi một thừa tác viên ngoại lệ ban bí tích thêm sức.
- + Chương IV: Ban bí tích thêm sức trong trường hợp nguy tử.
- Nên cử hành bí tích thêm sức trong thánh lễ để diễn tả rõ nét tương quan của bí tích này với toàn bộ tiến trình khai tâm Kitô giáo, trong đó Thánh Lễ trở nên đỉnh cao và hoàn tất tiến trình này (TS 15).
- Khi cử hành bí tích thêm sức trong thánh lễ cần phải theo các quy định sau:
  - a. Nếu thánh lễ đó trùng với các ngày được liệt kê trong “BẢNG GHI NGÀY PHỤNG VỤ” từ số 1 đến số 4 trong Sách lễ Rôma (RM 330; GM 459), tức các ngày sau: suốt Tuần Thánh, các chúa nhật mùa vọng, mùa chay và mùa phục sinh, các lễ trọng, thứ tư Lễ Tro và lễ cầu cho Các Đấng (2/11), các ngày trong Tuần Bát Nhật Phục Sinh thì **buộc phải dùng bản văn phụng vụ** (tức các lời nguyện và bài đọc Kinh Thánh) **theo ngày lễ mừng đó** (TS 20; GM 459). Màu áo lễ sẽ theo ngày lễ mừng.
  - b. Nếu thánh lễ không trùng với các ngày kể trên (ví dụ: các chúa nhật thường niên hay giáng sinh, lễ kính hay lễ nhớ...) được phép sử dụng bản văn phụng vụ về Thánh Lễ ban Bí Tích Thêm Sức theo *Sách Lễ Rôma*. Màu áo lễ có thể trắng hay đỏ.
- Nghi thức chính yếu của bí tích thêm sức là xúc dầu thánh trên trán người đã lãnh nhận bí tích thánh tẩy, kèm theo việc đặt tay và lời đọc của thừa tác viên: *".....Con (ông, bà, anh, chị) hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần"* (TS 9; GL 880/1; CG 1320).
- Ngoài nghi thức chính yếu trên, những người sắp lãnh nhận bí tích thêm sức còn phải tuyên xưng lại đức tin

của bí tích thánh tẩy; kế đó giám mục sẽ đặt tay và đọc lời nguyện nài xin Chúa Thánh Thần, lời nguyện này mặc dầu không thuộc về yếu tố thành sự của bí tích, nhưng rất quan trọng để hoàn thiện nghi thức và giúp lãnh hội bí tích cách đầy đủ hơn (TS 9).

- Khi giám mục đọc lời nguyện nài xin Chúa Thánh Thần, các linh mục giúp ngài ban bí tích thêm sức – và chỉ có các vị này mà thôi, chứ không phải tất cả các linh mục đồng tế – sẽ thỉnh lạng và cùng giơ tay trên các người sắp lãnh nhận bí tích thêm sức, cho đến hết lời nguyện của giám mục (TS 25).
- Khi xúc dầu, Giám Mục đội mũ mitra, cầm gậy mục tử và ngồi ở ghế dọn sẵn. Người giúp lễ mang Dầu Thánh cho Giám Mục; các linh mục giúp xúc dầu sẽ nhận Dầu Thánh từ tay Giám Mục để xúc cho các ứng viên (*người giúp lễ không tự động đem Dầu Thánh đến cho các linh mục*). Khi đã chuẩn bị Dầu Thánh xong, từng ứng viên tiến đến trước Giám Mục hay các linh mục để được xúc dầu. Giám Mục cũng có thể tùy nghi tiến đến các ứng viên để xúc dầu cho họ. Người đỡ đầu sẽ đi sau ứng viên, khi đến trước Giám Mục, người này sẽ đặt tay phải của mình trên vai của ứng viên và sẽ xưng tên ứng viên cho Giám Mục, hoặc chính ứng viên tự xưng tên mình. Giám Mục nhúng đầu ngón cái tay phải vào Dầu Thánh rồi ghi hình thánh giá trên trán từng ứng viên và đọc: "...*Con hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần*". Ứng viên thưa: *Amen*. Giám Mục tiếp: *Bình an của Chúa ở cùng con*. Ứng viên đáp: *Và ở cùng Cha*. (GM 465-466; TS 26-28).

- Có cần thiết phải lau dầu cho các người lãnh bí tích thêm sức không? Trong Nghi Thức Thêm Sức (1971), và đặc biệt trong Nghi Thức Giám Mục (1984), không nói đến việc lau Dầu Thánh cho các người lãnh bí tích thêm sức. Vì vậy không cần thiết phải có các thừa tác viên đứng lau Dầu cho từng người.
- Sau khi ban bí tích thêm sức, không đọc kinh Tin Kính nữa vì đã tuyên xưng đức tin trong nghi thức thêm sức rồi. Khi giám mục xúc dầu xong, cộng đoàn đọc lời nguyện chung. Không nhất thiết phải dùng nguyên văn lời nguyện chung được in trong nghi thức thêm sức; có thể thay đổi một số ý nguyện cho phù hợp với ngày lễ và buổi cử hành; ví dụ: mùa phụng vụ, lễ mừng hôm đó...

## Chương II: Bí Tích Hoà Giải

Thánh Phaolô trong thư thứ hai gửi tín hữu Corintô đã nói đến ơn hoà giải của Thiên Chúa được thực hiện nơi Đức Kitô: *"Phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua và cái mới đã có đây rồi. Mọi sự ấy đều bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Kitô mà cho chúng ta được hoà giải với Người. Người không còn chấp tội nhân loại nữa, và giao cho chúng tôi công bố lời hoà giải. Vì thế, chúng tôi là sứ giả thay mặt Đức Kitô, như thể chính Thiên Chúa dùng chúng tôi mà khuyên dạy. Vậy, nhân danh Đức Kitô, chúng tôi nài xin anh em hãy làm hoà với Thiên Chúa. Đấng chẳng hề biết đến tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên công chính trong Người"* (2 Co 5,17-20). Giáo huấn của Thánh Phaolô nhắc chúng ta thân phận yếu đuối của con người và tình thương của Thiên Chúa. Nhờ Đức Kitô, con người cũ của chúng ta với những yếu đuối và tội lỗi, được trở nên tạo vật mới nhờ được hoà giải với Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã nêu bật thân phận con người theo Chúa Kitô và đó cũng là kinh nghiệm thực tế của nhân loại chúng ta.

### 1. Dấu chỉ ơn tha thứ

Chúng ta đang sống trong một thế giới nhiều biến động, và thật ảo tưởng khi cho rằng đời sống nhân loại thuần túy là sự bình an và hoà bình. Câu nói "xin lỗi" trên cửa môi chúng ta hằng ngày nói lên một thực tế của những mâu thuẫn, của những xáo trộn và làm mất lòng người khác. Biết bao cuộc ly tán trong gia đình; mâu thuẫn xã hội; căng thẳng tôn giáo hay giữa các quốc gia; sự phân biệt

sắc tộc hay màu da; thái độ không hiểu biết giữa các thế hệ; sự bất đồng ngay cả trong đời sống Hội Thánh... đâu đâu cũng cần đối thoại và hoà giải. Thái độ hoà giải đòi một quyết tâm thực sự nhằm biến đổi tận căn giữa các tương quan của chúng ta. Tương quan đó có thể là:

- **Tương quan với chính mình:** sự mâu thuẫn không chỉ ở bên ngoài ta, mà nhiều khi phát xuất từ trong lòng chúng ta. Con người tự huỷ diệt mình, không bằng lòng về mình và đôi khi sự mâu thuẫn nội tại trong con người lại là duyên cớ cho sự mâu thuẫn ngoại tại. Như vậy, hoà giải với mình là một trong những điều kiện tiên quyết cho hoà giải với thế giới, với anh em.
- **Tương quan với người khác:** đau khổ của con người nhiều khi do chính chúng ta tạo cho nhau. Vì thế sự tôn trọng người khác, biết tha thứ cho anh em, biết sửa mình và điều chỉnh những thiếu sót... là những biểu hiện tích cực của con người hoà giải.
- **Tương quan với thế giới:** biết bao người đang bị loại trừ khỏi môi trường sống, khỏi xã hội; họ đang sống trong nỗi lo sợ của những cửa những áp lực xã hội; họ mong muốn một thế giới hoà bình và khao khát một bầu khí thân thiện giữa con người và thế giới hôm nay...

Trong bối cảnh đó, niềm hy vọng hoà giải mà Tin Mừng rao giảng là lời giải đáp thích hợp nhất cho con người hôm nay. Hoà giải là điều có thể thực hiện được. đây không phải là một thực tế ảo tưởng. Tuy nhiên để đạt được sự hoà giải đích thực, người ta không trả giá nó bằng lời nói suông, mà trả bằng chính đời sống hoà giải của mỗi người dưới ánh sáng của Tin Mừng.

Đối với người kitô hữu, hoà giải với con người, với thế giới, với chính mình còn là cách biểu lộ sự trung thành của ơn gọi đã lãnh nhận trong bí tích thánh tẩy, ơn gọi của người con Thiên Chúa. Hoà giải thừa nhận sự yếu đuối của chúng ta với ơn gọi đã lãnh nhận, và mời gọi chúng ta trở về với Thiên Chúa. Vì vậy, hoà giải với người kitô hữu không chỉ là thiết lập lại tương giao đã mất mà còn thúc đẩy chúng ta đi tới trong đời sống mới thân tình với Thiên Chúa, mà thánh Phaolô gọi là một tạo vật mới (2 Co 5,17). Chính trong Đức Giêsu mà chúng ta nhận được ơn hoà giải của Thiên Chúa; trung tâm sứ điệp của Ngài cũng chính là sự hoà giải, sám hối: "*Hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin Mừng*" (Mc 1,15). Hơn nữa, Tin Mừng cứu độ của Đức Kitô còn là sự tha thứ của Thiên Chúa (pardon), là lời kêu gọi chúng ta hoán cải, sám hối (conversion, pénitence) và là ơn hoà giải (réconciliation) trong Đức Kitô. Ba từ này đã trở nên các tên gọi khác nhau của bí tích hoà giải:

- Ơn tha thứ là ân huệ cao quý mà Thiên Chúa ban cho thân phận yếu đuối của con người. Kinh Thánh cho chúng ta đầy dẫy các chứng từ về ơn tha thứ của Thiên Chúa trước sự phản bội của dân Người. Tân Ước cũng minh chứng ơn tha thứ tội lỗi thường đi kèm với lòng ăn năn sám hối: "*Ông Gioan Tẩy Giả xuất hiện trong hoang địa, rao giảng kêu gọi mọi người chịu phép rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha tội*" (Mc 1,4). Thánh Mathêu đi xa hơn khi nhắc đến ơn tha tội được thực hiện nơi cuộc Vượt Qua của Đức Kitô: "*Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là Máu Thầy, Máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được ơn tha tội*" (Mt 26,28).

- Nếu ơn tha thứ là hồng ân của Thiên Chúa, thì hồng ân này luôn hiện diện trên con đường hoán cải và sám hối của chúng ta. Không phải vì chúng ta sám hối mà Chúa tha thứ, nhưng sám hối chính là để con người thấy rõ những thiệt hại mình đã gây ra do phạm tội. Ơn tha thứ nói lên lòng trung thành của Thiên Chúa; Ngài ban cho chúng ta ơn đó trước khi chúng ta nài xin Ngài. Dụ ngôn "*Người cha nhân hậu*" (Lc 15,11-32) cho thấy người cha luôn tha thứ, ông đã chẳng đợi người con nói hết lời rồi mới tha; ông đã đi bước trước, trước tất cả suy nghĩ và tưởng tượng của con người, dù đó là suy nghĩ của đứa con hư hay đứa con trung tín.

Trước ơn tha thứ này, Thiên Chúa mời gọi chúng ta hoán cải. Hoán cải là thay đổi đời sống. Tiên tri Ezêkiel cho chúng ta thấy rõ chiều kích này: "*Ta không muốn kẻ gian ác phải chết, nhưng muốn nó ăn năn sám hối và được sống*" (Ed 18,23). Ăn năn, sám hối không chỉ là hối tiếc về tội đã phạm, hay thất vọng vì những gì đã hư mất, nó không dừng lại ở sự buồn chán hay than khóc, nhưng vươn thẳng lên và đi tới. Đó là một hành trình mới trong đời sống đức tin để hướng tới Thiên Chúa.

- Hoà giải là ngôn ngữ của thánh Phaolô, ơn hoà giải của chúng ta chỉ tìm thấy ý nghĩa đích thực nơi Đức Kitô. Trong ngài, chúng ta được hoà giải với Thiên Chúa và các tạo vật. Ơn hoà giải này giả thiết sự tha thứ, bởi vì khi không biết tha thứ người ta không thể hoà giải. Chính Thiên Chúa đã hoà giải chúng ta bằng cách tha thứ cho chúng ta trước, và ơn tha thứ này đã được thực hiện nơi Đức Kitô.

## 2. Cộng đoàn những người được ơn tha thứ

Ngay từ thuở ban đầu, Giáo hội luôn ý thức mình là cộng đoàn của những người được ơn tha thứ. Điều này được minh chứng rõ nét trong lời kinh mà Chúa Giêsu dạy các môn đệ Ngài: *"Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha cho kẻ có nợ chúng con"* (Mt 6,12). Giáo Hội ý thức chỉ mình Thiên Chúa có quyền tha tội, và nếu Giáo Hội là cộng đoàn những người được ơn tha thứ của Thiên Chúa, thì Giáo hội phải trở nên nhân chứng của ơn tha thứ đó bằng cách rao giảng về ơn tha thứ và biết sẵn sàng tha thứ cho người khác.

Chúa Kitô thiết lập bí tích hoà giải để tha tội cho chúng ta và để giao hoà ta với Thiên Chúa. Giáo Hội đón nhận bí tích hoà giải để thanh luyện hành trình đức tin của mình, Giáo Hội luôn ý thức sự yếu đuối của con cái mình và mỗi người cần được thanh luyện không ngừng. Giáo Hội, đó là Cộng đoàn những kẻ tin, nhưng cũng còn là Cộng Đoàn những người được tha thứ và được thanh luyện luôn mãi.

Giáo Hội không chỉ nhận ơn tha thứ, nhưng còn nhận sứ mạng ban ơn tha thứ cho người khác nhân danh Đức Kitô. Chính Chúa Kitô đã uỷ thác trách nhiệm này cho Phêrô và các tông đồ. Đức Giêsu nói với Simon Phêrô sau khi ông tuyên xưng Ngài là Con Thiên Chúa: *"Này Simon con ông Giona, con thật có phúc, vì chẳng phải xác thịt hay máu huyết mạc khải cho con biết điều đó, nhưng chính Cha Thầy, Đấng ngự trên trời đã mặc khải cho con biết: Vậy con là Đá, trên Đá này Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và cửa hoả ngục sẽ không thắng được. Thầy sẽ trao*

*cho con chìa khoá Nước Trời, sự gì con cầm buộc dưới đất trên trời cũng cầm buộc, sự gì con cởi mở dưới đất trên trời cũng cởi mở"* (Mt 16,17-19). Ngài cũng nói với các tông đồ về việc sửa lỗi cho người khác: *"Dưới đất các con cầm buộc điều gì, thì trên trời cũng cầm buộc như vậy; dưới đất các con cởi mở điều gì thì trên trời cũng cởi mở như vậy."* (Mt 18,18). Giáo Hội không tự nhận cho mình quyền tha tội nếu Chúa Kitô không uỷ thác quyền này. Giáo Hội thi hành lệnh truyền của Đức Kitô và chỉ những người do Giáo Hội uỷ thác mới có thể ban bí tích hoà giải cho người khác *"Nhờ bí tích truyền chức, các giám mục và linh mục có quyền tha tội "Nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần"* (CG 1461). Tuy nhiên, các linh mục chỉ có thể tha tội nhân danh Đức Kitô khi được Giáo Hội ban năng quyền này (CG 1495).

## 3. Lịch sử việc cử hành bí tích hoà giải

### a. Giáo huấn của Chúa Giêsu

Trước hết Chúa Giêsu trao cho Phêrô và các tông đồ quyền cầm buộc và tháo cởi (Mt 16,17-19; 18,18). Hai từ ngữ *"cầm buộc"* và *"tháo cởi"* là cách nói thời đại của Chúa chỉ việc loại trừ hay hội nhập người nào đó vào đời sống cộng đoàn. Tuy nhiên để hiểu hết tầm vóc của bí tích hoà giải, chúng ta cần đào sâu sứ điệp và giáo huấn của Chúa Giêsu:

- Ngài kêu gọi con người hoán cải và tin vào Tin Mừng ngay từ đầu sứ vụ công khai của Ngài (Mc 1,15)
- Ngài phân biệt rõ nét đâu là sự nhớ bản tâm hồn và đâu là sự nhớ bản thể lý (Mc 7, 17-23)

- Ngài cũng phân biệt tội với hoàn cảnh hiện tại của con người (Ga 9,1-13).
- Ngài tha tội cho người đàn bà phạm tội công khai. Khi tha thứ cho bà, Ngài dẫn bà đến cuộc hoán cải mới "Hãy đi và từ nay đừng phạm tội nữa". Ôn tha thứ của Chúa Giêsu không chỉ dừng lại việc tha tội trong quá khứ, nhưng hướng con người vươn lên để họ biết lướt thắng chính mình và làm lại cuộc đời mới.
- Chúa Giêsu không chỉ tha tội, mà Ngài còn là sự hoà giải của Thiên Chúa, Máu Ngài đổ ra để muôn người được ơn tha tội (Mt 26,28).

### b. Thời các Tông Đồ (thế kỷ 1)

Các Tông đồ nhận sứ mạng loan truyền Tin Mừng của Đức Kitô. Mẫu nhiệm Vượt Qua của Ngài là trung tâm lời rao giảng Tin Mừng của các tông đồ. Khi đón nhận tin Mừng, các ngài mời gọi người nghe "Anh em hãy sám hối, và mỗi người hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giêsu Kitô để được ơn tha tội; và anh em sẽ nhận được ân huệ là Thánh Thần" (Cv 2,38). Phép Rửa nhân danh Đức Giêsu chính là phương thế tha tội mà Giáo Hội ban đầu rao giảng. Như vậy, Tân Ước chỉ nhắc đến bí tích thánh tẩy là bí tích tha tội, và đó cũng là khẳng định trong kinh Tin Kính các thánh Tông Đồ "Tôi tin có một phép rửa để tha tội". Người ta không tìm thấy dấu vết rõ ràng việc cử hành bí tích hoà giải để tha tội khác với bí tích thánh tẩy; tuy nhiên người ta cũng không được phép phủ nhận Giáo Hội ban đầu đã có những chỉ thị rõ rệt liên quan đến đời sống luân lý hay sinh hoạt cộng đoàn, có ít nhiều tương quan với việc sống bí tích hoà giải. Chẳng hạn:

cách sửa lỗi anh em (Mt 18,15-18); hình phạt đối với người gian dối (Cv 5,1-11); khuyến cáo đời sống gian dâm của một số tín hữu (1Co 5,1-13).

### c. Thời giáo phụ (thế kỷ 2-6)

Giáo Hội trong mấy thế kỷ đầu rất ý thức tầm quan trọng của việc tha tội nơi bí tích Thánh Tẩy. Kinh Tin Kính các Thánh Tông Đồ xác định: "Tôi tin có một Phép Rửa để tha tội". Việc tha tội này được hiểu là ơn tha thứ của Thiên Chúa khi người ta đón nhận phép rửa Kitô giáo; tức là ơn tha thứ được thực hiện nơi những người mới trở lại đạo. Một vấn đề thực tế được đặt ra: nếu người Kitô hữu sau khi chịu thánh tẩy phạm một tội nặng, chẳng hạn: ly giáo, giết người, ngoại tình... mà ăn năn trở lại thì phải làm sao Giáo Hội có được phép tha tội cho họ không? điều này có ảnh hưởng gì đến việc tha tội của bí tích thánh tẩy?

Rất nhiều tranh luận được đặt ra, cuối cùng Giáo Hội chấp nhận việc tha tội cho hối nhân Kitô hữu khác với việc tha tội cho người mới theo đạo trong bí tích thánh tẩy, và việc tha tội này chỉ liên quan đến những tội rất nặng và chỉ được tha một lần trong đời mà thôi. Tertullien nói: "Vì thấy trước mưu mô của ma quỷ đầu độc con người, Thiên Chúa cho phép, sau khi ơn tha thứ được ban và cửa thánh tẩy đã đóng lại, một lối thoát sẽ được mở ra cho những ai biết ăn năn sám hối. Nhưng chỉ một lần mà thôi, bởi vì đó là lần tha tội thứ hai rồi! Từ nay về sau sẽ không được tha thứ lại lần nữa, nếu không thì lần sám hối trước trở nên vô ích"

Để nhận ơn tha thứ sau khi phạm tội, hối nhân xứng thú cách kín đáo những tội nặng với giám mục; giám mục sẽ quy định cho người này những hình phạt phải giữ trong

một nghi lễ phụng vụ, trước sự chứng kiến của cộng đoàn. Trong nghi lễ này giám mục thường rắc lên đầu hối nhân một chút tro để tỏ lòng sám hối (đây là nghi thức tiền thân của việc xức Tro ngày nay). Hối nhân phải quỳ ở cuối nhà thờ và chỉ được phép tham dự phụng vụ Lời Chúa rồi phải ra về khi cộng đoàn cử hành Thánh Thể, điều này cho thấy tội lỗi làm họ xa lìa Thiên Chúa và cắt đứt sự hiệp thông trong Giáo Hội. Còn trong đời sống thường nhật, hối nhân phải ăn chay lâu ngày, cầu nguyện liên lỉ, giữ sự khổ chế, kiêng cử đời sống vợ chồng, ngưng thi hành một số công việc dân sự... Như vậy, việc sám hối thời này nhấn mạnh vào các thực hành khổ chế, còn việc xưng thú tội vẫn luôn là việc làm riêng tư giữa hối nhân với giám mục.

Khi giám mục thấy hối nhân đã có những thay đổi thiết thực trong đời sống, ngài quyết định cho người này hoà giải và gia nhập lại đời sống bình thường của cộng đoàn vào dịp Phục Sinh: Một nghi thức hoà giải được cử hành vào Thứ Năm Tuần Thánh cho các hối nhân. Nghi thức này được gọi là *sacramentum reconciliationis*, và đây cũng là gợi hứng cho Công Đồng Vatican II gọi bí tích sám hối là bí tích hoà giải.

Một số điểm cần nhấn mạnh trong việc sám hối thời này:

- Việc sám hối phải theo tiến trình như sau: thú tội riêng với giám mục, làm một số việc đền tội và cuối cùng được hoà giải với cộng đoàn. Giáo Hội không bao giờ hoà giải một hối nhân nếu trước đó người này chưa thực hành một số việc đền tội.
- Tính cách trầm trọng của tội được diễn tả qua dấu chỉ tách rời hối nhân ra khỏi cộng đoàn phụng tự.

- Vì chỉ được tha tội một lần và phải đền tội trong một thời gian dài, nên nhiều hối nhân chỉ xin tha tội vào giờ gần chết, dẫn đến việc nhiều kitô hữu phải sống bên ngoài sinh hoạt Hội Thánh và ở trong tình trạng tội lỗi lâu ngày.
- Chưa có việc xưng thú và đền các tội nhẹ. Cũng chưa có việc xưng tội với linh mục và thường xuyên như hiện nay.
- Dù rằng việc tha tội chỉ có một lần trong đời người kitô hữu, nhưng không vì thế mà Giáo Hội coi nhẹ việc sám hối thường xuyên. Cử hành sám hối chung vào các dịp lễ lớn là cử hành rất thường xuyên trong thời kỳ này.

#### d. Thời đền tội giá biểu (thế kỷ 7-12)

Khi các đan sĩ từ đại lục Châu Âu đến truyền giáo trong vùng Ái Nhĩ Lan, các ngài thấy việc đền tội quá nặng nề đối với các tín hữu, nên giảm bớt và thích nghi với một số thực hành sám hối trong đời sống đan viện. Việc làm này có ảnh hưởng rộng lớn, và sau một thời gian áp dụng ở Ái Nhĩ Lan, tập quán này lan vào đại lục. Chúng ta có một số nét đặc trưng của việc sám hối vào thời kỳ này:

- Xưng tội vẫn là công việc riêng tư giữa hối nhân và thừa tác viên giải tội, nhưng không chỉ có giám mục nghe tội mà cả các đan sĩ, linh mục và đôi khi phó tế cũng được phép nghe.
- Không làm việc đền tội công khai nữa, mà sẽ đền tội cách kín đáo theo đề nghị của thừa tác viên giải tội.
- Việc tha tội không chỉ được ban một lần trong đời, nhưng bao nhiêu lần tùy nhu cầu của hối nhân.

- Giám mục vẫn là vị thẩm phán quan trọng nhất của cộng đoàn, ngài sẽ đánh giá mức độ trầm trọng khác nhau của tội, vì thế ngài sẽ thiết lập một thủ bản về việc đền tội theo từng loại tội người ta phạm.
- Các thừa tác viên giải tội sẽ theo thủ bản để ra việc đền tội cho hối nhân. Các thủ bản này được gọi là *Sách Đền Tội* (Pénitentiels).
- Vì thủ bản quy định rõ việc đền tội cho từng loại tội, do đó mỗi lần xưng tội hối nhân phải xác định: thời gian xưng tội, đã phạm tội gì, trong trường hợp nào và bao nhiêu lần.
- Việc hoà giải và ban ơn tha thứ trước đây chỉ được ban sau khi đã đền tội công khai xong, giờ đây được ban sau khi xưng tội, dù rằng hối nhân chưa làm việc đền tội.
- Cách xưng và đền tội giá biểu là một tiến triển trong lịch sử bí tích giải tội, nhưng vẫn là một gánh nặng cho hối nhân và đôi khi bị lạm dụng, chẳng hạn: vì mỗi tội phải đền theo tội nấy, nên nhiều khi số ngày đền tội vượt quá thời gian sống của một đời người! để giảm bớt thời gian đền tội này, nhiều cách thức tha tội được phổ biến: đi hành hương, đóng góp xây dựng thánh đường, bố thí, xin lễ.....chính trong bối cảnh này người ta thấy phổ biến lối thực hành ân xá!

*e. Thời kỳ sám hối riêng (thế kỷ 12 - Vatican 19)*

Thấy có nhiều lệch lạc và suy thoái trong việc lãnh và nhận bí tích giải tội, đầu thế kỷ 12 một số nhà thần học danh tiếng đã muốn chấn chỉnh lại lối thực hành này:

- **Abélard** nhấn mạnh thái độ nội tâm trong việc đền tội, hơn là chỉ nhắm đến việc đền bù vật chất. Ông là người chủ trương lòng ăn năn tội thật là yếu tố nền tảng để được lãnh ơn tha thứ, chứ không phải là việc đền bù theo thể thức pháp lý, giá biểu.
- **Pierre Lombard** là một trong những người đầu tiên xác định rõ bảy bí tích trong Giáo Hội, đồng thời cũng làm sáng tỏ ý nghĩa việc lãnh nhận bí tích hoà giải.
- Vì sự khắc nghiệt của đền tội giá biểu, cộng thêm việc liệt kê tỉ mỉ các tội con người thường phạm, nên người kitô hữu lúc nào cũng thấy mình có thể phạm tội, vì vậy nhiều người kitô hữu không dám xưng tội vì hoặc sợ phải đền tội nhiều hoặc cảm thấy mình không thể tránh được các tội được liệt kê trong thủ bản đền tội của Giáo Hội, nên mặc dù bí tích giải tội được ban bất cứ lúc nào cho những ai cần, nhưng hầu như người ta không dám xưng tội nữa, thậm chí có người mấy chục năm không xưng tội! Trước tình trạng này, **Công Đồng Latran** (1215) phải quy định xưng tội và rước lễ ít là một lần trong năm vào dịp lễ Phục Sinh, nhằm khôi phục đời sống đức tin của người kitô hữu, và làm sáng tỏ hơn giá trị của bí tích hoà giải.
- **Công Đồng Trentô** là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử các bí tích, chính Công Đồng đã định tín chính thức con số bảy bí tích của Giáo Hội Công Giáo và xác định đức tin của mình vào giá trị của bí tích giải tội: do Chúa Kitô thiết lập và mang ơn tha thứ đến cho con người. Sau Công Đồng Trentô, năm 1614 cuốn nghi thức bí tích giải tội được công bố do yêu cầu của



Công Đồng đã xác định những chuẩn mực cần thiết về việc xưng tội riêng, chẳng hạn quy định về toà giải tội, giữ bí mật ấn tín bí tích, giảm thiểu việc đền tội giá biểu...

- **Giáo Lý về bí tích giải tội sau Công Đồng Trentô** ngày càng làm sáng tỏ thực hành trong Giáo Hội. Người ta khám phá sự hiện diện của Đức Kitô khi tha tội trong bí tích, chiều kích ân sủng để giúp con người vươn lên sau khi phạm tội được nhấn mạnh... và người ta cũng khuyên các kitô hữu đạo đức năng lãnh nhận bí tích hoà giải để thánh hoá đời sống mình, điều này làm phát sinh nơi các dòng tu, các chủng viện và các tâm hồn đạo đức việc xưng tội thường xuyên chẳng hạn: một tuần, hai tuần, ba tuần, một tháng...

#### 4. Nghi thức sám hối và hoà giải hiện nay

Hiến Chế về Phụng Vụ của Công Đồng Vatican II mở ra viễn tượng mới trong việc canh tân cử hành bí tích giải tội: *"Nghi lễ và công thức bí tích giải tội phải được duyệt lại để diễn tả rõ ràng hơn bản tính và hiệu quả của bí tích này"* (PV 72). Dựa vào giáo huấn trên, Bộ Phụng Tự đã biên soạn lại cuốn *Nghi Thức Bí Tích Sám Hối* mới, và công bố ngày 2/12/1973.

Điểm mới mẻ của cuốn *Nghi Thức Sám Hối* mới là được gợi hứng từ thực hành trong Truyền Thống Giáo Hội của những thế kỷ đầu. Có ba định hướng chính trong việc canh tân Nghi Thức Bí Tích Sám Hối hiện nay:

- Cách dùng từ ngữ để chỉ bí tích được nhấn mạnh vào hai khía cạnh sám hối và hoà giải hơn, mặc dù việc xưng và giải tội vẫn là yếu tố cơ bản của bí tích.

- Khôi phục vị trí của Lời Chúa trong nghi thức bí tích, nhằm giúp chúng ta hiểu rõ mối tương quan giữa Lời Chúa với việc cử hành bí tích của Giáo Hội.
- Bí tích Sám Hối không phải là việc riêng tư của từng cá nhân, nhưng phải được đặt trong lòng Giáo Hội, vì thế chiều kích cộng đoàn được đặc biệt đề cao.

Dựa trên những định hướng chính trên đây, Sách Nghi thức Sám Hối hiện nay ngoài những chỉ dẫn thần học và mục vụ ở chương mở đầu, còn làm nổi bật ba khía cạnh sau:

#### *a. Sự phong phú của các cử hành sám hối được trình bày qua nhiều mẫu nghi thức khác nhau:*

- \* Nghi thức giao hoà từng hối nhân:

Nghi thức này đã được canh tân, không chỉ là việc xưng tội của hối nhân và ban ơn tha tội của thừa tác viên, nhưng còn bao gồm cả phần đón tiếp hối nhân, đọc Lời Chúa, hướng dẫn cầu nguyện, xét mình, xưng tội và lời nguyện tạ ơn. Mẫu nghi thức này làm nổi bật sự gặp gỡ giữa cá nhân với Thiên Chúa. Tội là một hành vi nhân linh và nó làm thương tổn tương quan giữa chúng ta với Thiên Chúa. Sự gặp gỡ sự hối nhân với Đấng bị xúc phạm và hay tha thứ là một bằng chứng về sự hoán cải của hối nhân và lòng thương xót vô cùng của Thiên Chúa.

- \* Nghi thức giao hoà nhiều hối nhân nhưng xưng tội và giải tội từng người:

Nghi thức này khá phổ biến trong các cử hành sám hối hiện nay; nó vừa nhấn mạnh khía cạnh cộng đoàn

(giáo hội học) vừa cho thấy tương quan sống động giữa mỗi người với Thiên Chúa. Khi phạm tội, con người không những làm thương tổn tương quan giữa cá nhân với Thiên Chúa, với anh em và chính mình, mà còn làm sút mẻ sự hiệp thông trong đời sống cộng đoàn. Cử hành sám hối nhắc cho chúng ta trách nhiệm của mỗi người trong việc hoà giải với Giáo Hội, đồng thời cũng thức tỉnh chúng ta tình liên đới trong những yếu đuối của anh em; bởi vì khi một chi thể đau thì các chi thể khác cũng đau theo, đó là mâu nhiệm hiệp thông của Hội Thánh.

Hơn nữa, cử hành sám hối chung còn nhắc cho chúng ta sự liên đới trong tội của nhiều người. Chiều kích "tội tập thể" đang ngày càng đi sâu vào cách suy nghĩ của con người thời đại. Tội không chỉ là hành vi cá nhân và nhiều khi còn là hệ quả của một sự đồng loã trong những điều bất chính "*Loài người cũng thường hành động liên kết với nhau trong việc thực hiện những điều bất chính. Cũng thế, họ trợ giúp nhau trong việc thực thi sám hối, để khi đã được giải thoát khỏi tội lỗi nhờ ân sủng của Đức Kitô, họ sẽ cùng với tất cả những người thiện tâm thực hiện nền công chính và hoà bình trong dân gian*" (SH 5). Chúng ta cần nhấn mạnh: Kitô giáo không chỉ thấy tội như một khiếm khuyết luân lý mà người ta cảm thấy hối tiếc và đau buồn, nhưng người ta phải đi xa hơn trong khía cạnh tích cực của việc chữa lành tội lỗi, đó là thay đổi tận căn cách suy nghĩ và cách sống, là làm lại cuộc đời mới, là dẫn thân cho công lý và hoà bình trong thế giới hôm nay.

Nghi thức giao hoà nhiều hối nhân nhưng xưng tội và giải tội từng người gồm:

- + nghi lễ mở đầu (lời chào và lời nguyện của chủ tế);
- + phụng vụ Lời Chúa nói lên lòng thương xót của Thiên Chúa đối với tội nhân; trong phần này những gợi ý sám hối thật cần thiết để giúp cộng đoàn thấy rõ sự yếu đuối của con người và tình thương tha thứ của Thiên Chúa;
- + nghi thức giao hoà gồm lời nguyện chung, kính Lạy Cha, lời nguyện xin ơn tha thứ, rồi từng người xưng tội và lãnh phép giải tội riêng.
- + nghi thức kết thúc gồm phép lành và giải tán của thừa tác viên.

**\* Nghi thức giao hoà nhiều hối nhân – thú tội và lãnh phép giải tội chung (giải tội tập thể).**

Theo cách gọi thông thường, nghi thức này còn được gọi là "nghi thức giải tội tập thể". Vì lợi ích chung cũng như nhu cầu mục vụ đòi hỏi, sách nghi thức sám hối hiện nay dành riêng một phần cho các cử hành sám hối và lãnh bí tích giải tội chung; nhưng cũng quy định rõ ràng chỉ một số trường hợp được phép áp dụng nghi thức này. Đối với Giáo Hội "*việc cá nhân xưng tội trọn vẹn và lãnh phép giải tội riêng là phương cách thông thường duy nhất, nhờ đó các tín hữu giao hoà với Thiên Chúa và Hội Thánh*" (SH 31); vì thế Giáo Luật chỉ quy định hai trường hợp sau đây có thể "giải tội tập thể"

1. Trong lúc nguy tử, một linh mục hay nhiều linh mục không đủ thời giờ nghe từng hối nhân xưng tội.
2. Khi khẩn thiết thực sự, nghĩa là khi có quá đông hối nhân mà không đủ cha giải tội trong một thời gian thích hợp, đến nỗi các hối nhân không phải vì lỗi họ mà buộc phải chịu thiệt thòi không được rước lễ

trong thời gian dài. Chính Bản Quyển giáo phận sẽ xác định từng trường hợp nêu trên và cho phép cử hành "giải tội tập thể" chứ không phải linh mục phụ trách nơi có đông người xưng tội; nếu vì lý do quá khẩn cấp, Bản Quyển giáo phận phải được thông báo sớm hết sức về cử hành "giải tội tập thể" đã được ban (GL 961; SH 32)

- Đối với các hối nhân khi lãnh bí tích giải tội tập thể, phải tuyệt đối chuẩn bị kỹ lưỡng, nghĩa là: phải sám hối về tội mình đã phạm; dốc lòng chữa; quyết tâm sửa lại các gương mù và những thiệt hại do mình gây ra; đồng thời phải xưng vào thời gian sớm nhất từng tội trọng mà hiện nay họ không thể xưng ra được (GL 962/1; SH 33).
- Trên nguyên tắc, những ai đã được tha các tội trọng do việc lãnh bí tích giải tội tập thể, phải đi xưng riêng các tội trọng trước khi lãnh lại bí tích giải tội tập thể một lần khác, trừ khi bị ngăn trở vì lý do chính đáng. Tuy nhiên, họ phải đến xưng với linh mục tất cả các tội trọng trong vòng một năm, theo quy định xưng các tội trọng ít là một lần trong năm cho mọi tín hữu, trừ khi bị ngăn trở chính đáng (GL 963; SH 34)
- Nghi thức giải tội tập thể giống như nghi thức giao hoà chung và giải tội riêng, nhưng trong bài gợi ý xét mình, linh mục cần nhắc cho các tín hữu các điều kiện phải có khi lãnh nhận bí tích giải tội chung; kể đó ngài mời gọi mọi người sám hối, rồi giơ tay trên các hối nhân và đọc công thức tha tội. Công thức tha tội chung này mang tính cách trọng thể hơn công thức tha tội riêng: công thức được chia làm ba phần, mỗi phần liên quan đến một Ngôi vị trong Ba Ngôi Thiên Chúa; linh mục

đọc làm ba lần, mỗi lần một phần, sau mỗi phần các hối nhân đáp "Amen", sau phần thứ ba, linh mục đọc "Vây tôi tha tội cho anh chị em nhân danh Cha, và + Con và Thánh Thần", mọi người đáp "Amen". Cuối cùng, linh mục mời gọi mọi người tạ ơn Thiên Chúa bằng một bài ca cảm tạ; bỏ lời nguyện kết thúc, rồi ngài ban phép lành và giải tán.

**\* Cử hành sám hối chung mà không xưng tội và lãnh bí tích giải tội.**

Trong nghi thức sám hối canh tân hiện nay, Giáo hội đề cao các buổi cử hành sám hối chung, dù rằng người ta không xưng tội hay giải tội liền sau khi cử hành nghi thức. Các buổi cử hành sám hối chung này nhằm mục đích:

- + gọi lên tinh thần sám hối trong cộng đoàn dân Chúa;
- + giúp các tín hữu dọn mình xưng tội vào những lúc thuận tiện sau này;
- + giáo dục thiếu nhi ý thức về tội trong đời sống con người, đặc biệt trong giai đoạn khai tâm nơi các lớp giáo lý; đồng thời giúp chúng hiểu sứ mạng của Đức Kitô khi giải thoát loài người khỏi tội lỗi.
- + giúp các dự tòng trong quá trình học đạo khám phá ra tình thương của Thiên Chúa và những tai hại của tội.
- + giúp chúng ta ăn năn tội cách trọn vì lòng mến Chúa, đặc biệt nơi những vùng không có linh mục đến thường xuyên.

Nghi thức cử hành sám hối chung không lãnh bí tích giống như nghi thức cử hành sám hối để lãnh bí tích; chỉ khác một điều sau kinh lạỵ Cha người ta sẽ không xưng tội

và giải tội, mà thừa tác viên sẽ đọc lời nguyện kết và chúc lành cho mọi người.

*b. Khía cạnh độc đáo thứ hai của Nghi thức sám hối hiện nay là vị trí Lời Chúa được đặt lên hàng đầu.*

Trong mọi nghi thức bí tích giải tội chung hay riêng, hoặc chỉ cử hành sám hối chung mà thôi, Sách nghi thức đều dành một thời gian để lắng nghe Lời Chúa, đây là kết quả canh tân phụng vụ theo Giáo Huấn của Công Đồng Vatican II (PV 35).

*c. Khía cạnh mới mẻ thứ ba của Nghi thức sám hối là chúng ta có hai công thức tha tội dùng trong hai trường hợp khác nhau:*

- + Công thức thứ nhất ngắn gọn được đọc khi giải tội từng người: "Thiên Chúa là Cha hay thương xót đã nhờ sự chết và sống lại của Con Chúa mà giao hoà thế gian với Chúa và ban Thánh Thần để tha tội. Xin Chúa dùng tác vụ của Hội Thánh mà ban cho con (ông, bà, anh, chị) ơn tha thứ và bình an. Vậy cha (tôi) tha tội cho con (ông, bà, anh, chị), nhân danh Cha và Con và Thánh Thần". Hối nhân đáp: "Amen".
- + Công thức thứ hai dài hơn được đọc khi giải tội tập thể. Công thức này gồm ba phần được xen kẽ các lời đối đáp "Amen" của cộng đoàn:

**Linh mục:** Thiên Chúa là Cha, không muốn kẻ có tội phải chết, nhưng muốn nó ăn năn trở lại và được sống.

Chúa đã yêu thương chúng ta trước, và đã sai Con Chúa đến thế gian, để nhờ Người mà thế gian được cứu độ. Xin Chúa tỏ lòng từ bi và ban bình an cho anh chị em.

**Mọi người:** Amen.

**Linh mục:** Chúa Giêsu Kitô là Đấng đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và đã sống lại để thánh hoá chúng ta. Người đã ban Thánh Thần xuống trên các tông đồ để các Ngài lãnh nhận quyền tha tội. Xin Người dùng tác vụ của chúng tôi mà cứu anh chị em khỏi sự dữ và ban cho anh chị em được đầy Chúa Thánh Thần.

**Mọi người:** Amen

**Linh mục:** Chúa Thánh Thần, Đấng phù trợ, đã được trao ban cho chúng ta để thứ tha tội lỗi, và trong Người, chúng ta đến cùng Chúa Cha. Xin Người thanh tẩy và dùng ánh sáng chiếu soi tâm hồn anh chị em, để anh chị em tuyên xưng quyền năng của Đấng đã kêu gọi anh chị em ra khỏi chốn tối tăm và đưa vào ánh sáng tuyệt vời.

**Mọi người:** Amen.

Công thức này quảng diễn rõ nét công thức thứ nhất và nói lên việc giao hoà hối nhân phát xuất từ lòng thương xót của Chúa Cha, mối liên hệ mật thiết giữa việc giao hoà với mâu nhiệm vượt qua của Đức Kitô, và làm nổi bật vai trò của Chúa Thánh Thần trong việc tha thứ tội lỗi. Trong cả hai công thức chiêu kích giáo hội được diễn tả rõ rệt, khi việc giao hoà với Thiên Chúa được nài xin và trao ban qua thừa tác vụ của Hội Thánh (SH 19).

## 5. Các điều kiện để ban và lãnh bí tích hoà giải.

### a. Thừa tác viên bí tích hoà giải:

Chỉ có các linh mục mới là thừa tác viên của bí tích hoà giải (GL 965). Ngoài quyền thánh chức, khi cử hành bí tích giải tội, linh mục còn phải nhận được năng quyền giải tội cho từng loại người hay cho mọi tín hữu do Bản Quyền trao ban (GL 966/1; 969).

Tuy nhiên, mọi linh mục kể cả những người không được phép giải tội, cũng có thể giải tội cho bất cứ hối nhân nào trong tình trạng nguy tử (GL 976; SH 9).

Khi thi hành tác vụ này, các linh mục hành động trong sự hiệp thông với giám mục và tham dự vào quyền bính cũng như nhiệm vụ của ngài là vị điều hành kỷ luật sám hối (SH 9).

Cha giải tội phải luôn sẵn sàng giải tội cho các tín hữu, mỗi khi họ xin xưng tội cách hợp lý (SH 10). Cha giải tội bắt buộc phải giữ kín tất cả những gì biết được trong toà giải tội. Ấn tích bí tích giải tội là điều bất khả vi phạm, cha giải tội không bao giờ được phép tiết lộ bằng lời nói hay bằng cách nào khác và vì bất cứ lý do gì. Cũng cấm không được đối xử với hối nhân ở toà ngoài dựa trên những điều biết được khi giải tội, vào bất cứ thời gian nào (GL 983; 984; SH 10).

### b. Hối nhân

Khi phạm tội, mọi tín hữu được mời gọi quay trở về cùng Thiên Chúa. Tiến trình sám hối quay trở về bao gồm ba bước chính yếu sau đây (CG 1491):

- **Ăn năn hay thống hối về tội đã phạm:** "Ăn năn tội là đau đớn trong lòng và chê ghét tội đã phạm, dốc lòng từ nay không phạm tội nữa" (CG 1451). Ăn năn tội chiếm chỗ nhất trong các hành động của hối nhân. Việc sám hối chân thật tùy thuộc vào sự ăn năn này, bởi vì có ăn năn đích thực con người sẽ "ghét tội" và quyết tâm thay đổi từ bên trong và làm lại cuộc đời mới (SH 6)
- **Xưng tội:** Qua việc xưng thú tội lỗi, con người nhận mình là tội nhân, nhận trách nhiệm về tội lỗi đã phạm, nhờ đó lại sẵn sàng đón nhận Thiên Chúa và hiệp thông với Hội Thánh để có một tương lai mới. Lời thú tội với linh mục là phần cốt yếu của bí tích hoà giải (CG 1455-1456). Khi xưng tội, hối nhân phải luôn cởi mở tâm hồn mình cho thừa tác viên của Thiên Chúa; vị này hành động thay mặt Đức Kitô để nâng đỡ và ban ơn tha thứ cho hối nhân.
- **Đền tội:** Sự thành thật quay trở về được minh chứng bằng việc đền tội, sửa đổi cuộc sống và đền bồi thiệt hại (SH 6). Việc đền tội phải tương xứng với bản chất và tính cách trầm trọng của tội đã phạm. Có thể đền tội bằng cách cầu nguyện, dâng cúng, bố thí, phục vụ tha nhân, hãm mình, các hy sinh và nhất là kiên trì vác thánh giá theo gương Đức Kitô (CG 1460).

Ngoài ra mọi tín hữu khi đã đến tuổi khôn buộc phải xưng các tội trọng ít là mỗi năm một lần (GL 989; CG 1457). Mỗi người cũng được toàn quyền xưng tội với

một cha giải tội có năng quyền giải tội mà mình thấy thích hợp nhất (GL 991). *Dù không bó buộc, nhưng Giáo hội vẫn khuyến các tín hữu xưng các tội nhẹ. Việc năng xưng các tội nhẹ giúp chúng ta rèn luyện lương tâm, gia tăng sức chiến đấu chống lại các khuynh hướng xấu, sẵn sàng để Đức Kitô chữa lành và tiến tới trong đời sống theo Chúa Thánh Thần (CG 1458).*

## Chương III: Bí Tích Xức Dầu Bệnh nhân

Thánh Giacôbê tông đồ truyền dạy các kitô của ngài: "Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha" (Gc 5,14-15). Những lời dạy này là nền tảng của việc cử hành bí tích xức dầu bệnh nhân được cử hành trong Giáo Hội.

### 1. Chúa Giêsu và những người đau yếu

Nếu mở Tin Mừng và tìm các đoạn nói về tình thương của Đức Kitô đối với những người đau yếu hay các bệnh nhân, người ta không khỏi ngỡ ngàng khi thấy hầu như chương nào cũng kể ít nhiều về lòng từ bi, thương xót và nhân hậu của Chúa đối với những người đau bệnh. Tin Mừng theo thánh Marcô là một ví dụ điển hình, chỉ ngay trong chương đầu, sau khi chịu phép rửa và trải qua 40 ngày chay tịnh trong sa mạc, Chúa Giêsu bắt đầu rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, Ngài gọi các môn đệ đầu tiên; thế rồi Ngài phải ra tay trục xuất thần ô uế ám hại con người khi vào trong hội đường, vừa trục xuất thần ô uế xong, Ngài đến chữa bệnh cho mẹ vợ của Simon (Mc 1,29-31), nghe tin đó, người ta lũ lượt đem các bệnh nhân đến xin Ngài chữa lành và Ngài *chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật, và trừ nhiều quỷ, nhưng không cho quỷ nói, vì chúng biết Người là ai* (Mc 1,32-33). Kế đó,

Ngài lại chữa người bị phong hủi (Mc 1,40-44) và lại chữa người bất toại do bốn người khiêng (Mc 2,1-12), chính trong phép lạ chữa người bất toại này Ngài đã chứng minh tư cách Thiên Chúa của mình và Ngài có quyền tha tội cho tất cả chúng ta (Mc 2,5. 10-11). Tất cả những việc Chúa làm cho những người đau yếu cả về thể xác lẫn tâm hồn, được khẳng định trong lời Ngài nói với những người do thái khi họ bắt bẻ Chúa: "*Người khoẻ mạnh không cần đến thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi*" (Mc 2,17).

Chúa Giêsu không những lo lắng và cứu chữa những người đau yếu bệnh tật, mà chính Ngài đã mang lấy những khổ đau của con người trong Cuộc Thương Khó của mình. Cuộc thương khó của Đức Kitô đã mang lại cho các đau khổ của con người một ý nghĩa mới, và chính trong ý nghĩa này mà Giáo Hội cử hành bí tích xức dầu cho các bệnh nhân.

Ngày nay Giáo Hội chăm sóc các bệnh nhân đó là thi hành lệnh truyền của Chúa. Ngay từ đầu, sứ vụ cứu chữa con người cả thể lý lẫn tinh thần của Chúa Giêsu đã được các tông đồ thi hành triệt để. Trong Tin Mừng Thánh Marcô, Chúa Giêsu đã sai các tông đồ từng hai người một đi rao Tin Mừng Nước Thiên Chúa; *các ông đã đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn ăn sám hối, trừ được nhiều quỷ, xức dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh* (Mc 6, 7-13). Theo Thánh Mathêu, Chúa Giêsu đã gọi mười hai môn đệ ban cho các ông quyền trên các thần ô uế, để các ông trừ chúng và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyên (Mt 10,1). Và trước khi về Trời, Ngài đã uỷ thác cho họ việc loan báo Tin Mừng với những quyền năng do Ngài ban

cho: "*Người nói với các ông : "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ; còn ai không tin, thì sẽ bị kết án. Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin : nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói được những tiếng mới lạ. Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhằm thuốc độc, thì cũng chẳng sao. Và nếu họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khoẻ."* (Mc 16, 15-18)

Giáo Hội sơ khai đã thi hành lệnh Chúa truyền cách hiệu quả khi chữa lành bệnh nhân: "Một hôm, Phêrô và Gioan lên Đền Thờ, vào buổi cầu nguyện giờ thứ chín. Khi ấy, người ta khiêng đến một người què từ khi lọt lòng mẹ. Ngày ngày họ đặt anh ta bên cửa Đền Thờ gọi là Cửa Đẹp, để xin kẻ ra vào Đền Thờ bố thí. Vừa thấy Phêrô và Gioan sắp vào Đền Thờ, anh liền xin bố thí. Hai ông nhìn thẳng vào anh, và Phêrô nói : "Anh nhìn chúng tôi đây !" Anh ta chăm chú nhìn hai ông, tưởng rằng sẽ được cái gì. Bấy giờ Phêrô nói : "Vàng bạc thì tôi không có ; nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây: nhân danh Đức Giêsu Kitô Nazareth, anh đứng dậy mà đi !" Rồi ông nắm chặt lấy tay mặt anh, kéo anh chỗi dậy. Lập tức bàn chân và xương mắt cá của anh trở nên cứng cáp. Anh đứng phắt dậy, đi lại được ; rồi cùng với hai ông, anh vào Đền Thờ, vừa đi vừa nhảy nhót và ca tụng Thiên Chúa. Toàn dân thấy anh đi lại và ca tụng Thiên Chúa." (Cv 3,1-9). Phép lạ chữa lành người què cho thấy các Tông Đồ luôn ý thức sứ mạng Chúa uỷ thác, và nếu việc chữa lành bệnh nhân được các ngài thực hiện thì đó chính là nhân danh quyền năng của Đức Giêsu Kitô.

## 2. Thiên Chúa trước nỗi khổ đau của con người

Bệnh tật, đau khổ là mặt trái của đời người, và chẳng ai tránh được đau khổ cách này cách khác, bởi vì đau khổ hiện diện đồng thời với những giới hạn của đời người chúng ta; không phải vì Chúa muốn như vậy mà vì sự yếu hèn của chúng ta mà phát sinh các đau khổ. Đau khổ phát xuất tự con người chứ không do bởi Thiên Chúa. Đau khổ và bệnh tật đi liền nhau và làm nên thực tế đời người. Chính vì đau khổ gắn liền với đời người, thậm chí nhiều khi có vẻ nghiệt ngã mà con người đôi khi đã rơi vào cơn căm dỗ oán trách Thiên Chúa: Làm sao Thiên Chúa toàn năng lại để sự dữ hiện diện? Làm sao hiểu được Thiên Chúa là Đấng tốt lành lại để con người phải đau khổ, mà đôi khi những đau khổ không phải chính họ gây ra?...Con người muốn nổi loạn trước sự ác và những đau khổ đang hoành hành trong thế giới!

Job cho chúng ta câu trả lời về sự hiện diện của Thiên Chúa trước nỗi khổ đau của con người: Thiên Chúa đau cái nỗi đau của chúng ta, và đau khổ cũng là cơ hội thuận lợi để con người thấy rõ sự yếu đuối của mình để cậy trông vào Chúa *"Bệnh tật và đau khổ là những thử thách nặng nề trong cuộc sống con người...Bệnh tật có thể làm cho con người xao xuyến, yếm thế, đôi khi đưa tới tuyệt vọng và nổi loạn chống lại Thiên Chúa, nhưng cũng có thể làm cho con người chín chắn hơn, giúp họ nhận ra những điều phụ thuộc trong cuộc sống để biết quay về với những điều chính yếu. Thường bệnh tật thôi thúc con người tìm kiếm Thiên Chúa và quay về với Người"* (CG 1500-1501).

Con người Đức Giêsu Kitô là một mẫu nhiệm về đau khổ mà Thiên Chúa đã mang lấy. Thiên Chúa đã biến đau khổ trở nên phương thế cứu độ nhân loại. Trong vườn Cây Dầu, mẫu nhiệm Thiên Chúa cho phép Sự Ác hành động và mẫu nhiệm con người chấp nhận đau khổ trở nên một mẫu nhiệm duy nhất nơi Đức Giêsu Kitô. Ngài đã mang lấy tội của chúng ta và đã đóng đinh tội đó vào thập giá mình để ban cho nhân loại sự sống. Thiên Chúa đã thanh tẩy đau khổ và làm cho đau khổ con người mang giá trị cứu độ.

## 3. Ý nghĩa của bí tích xức dầu

### a. Dung mạo Đức Kitô.

Nếu trong mọi cử hành bí tích, con người khám phá ra tình thương của Thiên Chúa được biểu lộ nơi dung mạo của Đức Giêsu Kitô, thì phải nói nơi bí tích xức dầu bệnh nhân dung mạo này mang ý nghĩa kép: một đàng Đức Giêsu hết lòng chăm sóc cho người đau khổ, cho các bệnh nhân; đàng khác Ngài còn mang trên thân xác mình những đau khổ của nhân loại. Ý nghĩa kép này được Mathêu minh chứng rõ nét trong trình thuật Chúa Giêsu chữa lành mọi người đau yếu: *"Chiều đến, người ta đem nhiều kẻ bị quỷ ám tới gặp Đức Giê-su. Người nói một lời là trừ được các thần dữ và Người chữa lành mọi kẻ ốm đau, để ứng nghiệm lời ngôn sứ Isaia: Người đã mang lấy các tật nguyện của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta"* (Mt 8, 16-17).

### b. Dầu chỉ Nước Thiên Chúa.

Khi cử hành bí tích xức dầu Giáo Hội tuyên xưng lòng thương xót của Thiên Chúa và mời gọi con người



khám phá ý nghĩa đau khổ trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Quả thật, Đức Kitô khi chữa lành người đau yếu, Ngài không chỉ thực hiện một việc bác ái đơn thuần mang tính nhân đạo, nhưng *việc chữa lành là dấu chỉ Nước Trời đang đến và loan báo việc chữa lành tận căn: đó là toàn thắng trên tội lỗi và cái chết nhờ cuộc Vượt Qua của Ngài. Trên thập giá, Đức Kitô đã mang lấy tất cả gánh nặng của sự dữ. Ngài xoá tội trần gian mà bệnh tật chỉ là hậu quả. Khi chịu nạn và chết trên thập giá, Ngài đã đem lại một ý nghĩa mới cho đau khổ: đau khổ giúp chúng ta nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô và liên kết chúng ta với cuộc khổ nạn cứu độ của Ngài"* (CG 1505).

Như vậy, ý nghĩa đích thực của bí tích xúc dầu là hướng chúng ta đến thực tại Nước Trời. Thực tại này đã bắt đầu ngay nơi trần thế khi con người được chữa lành cả hồn lẫn xác. Trước đây người ta gọi bí tích này là bí tích dành cho những người hấp hối, với mục đích chuẩn bị cho những người này sẵn sàng đón nhận cái chết cách bình an. Bí tích trở nên bản lề của hai đời sống khác nhau: trần thế và thiên quốc. Ngày nay người ta gọi là bí tích xúc dầu bệnh nhân, vì không chỉ nhằm việc chuẩn bị đến cái chết lành mà còn ban sức mạnh của Thánh Thần để chúng ta có khả năng lướt thắng những khó khăn do bệnh tật hay tuổi già. Ông Thánh Thần là hồng ân Thiên Quốc, là ân huệ của thời cánh chung; khi được ban trong bí tích xúc dầu, ơn Thánh Thần sẽ thứ tha các tội chúng ta đã phạm, làm cho người đau yếu tin tưởng và phó thác nơi Chúa, giúp họ biết lướt thắng cám dỗ của ma quỷ, của ngã lòng và sợ chết; và cũng nhờ sức mạnh của Thánh Thần mà bệnh nhân được chữa lành linh hồn, và nếu Chúa muốn thì thể xác cũng được chữa lành. (CG 1520)

### c. Dấu chỉ về Đấng Phục Sinh

Trong cử hành bí tích xúc dầu, thừa tác viên sẽ xúc dầu thánh được làm phép bởi giám mục cho người đau yếu. Dầu này vừa tượng trưng cho cuộc chiến đấu vừa nói lên ý nghĩa sự thánh hiến. Như Đức Kitô đã được Thánh Thần xúc dầu để thi hành sứ mạng Chúa Cha uỷ thác, Ngài đã chấp nhận cái chết để đánh bại tử thần, thì cuộc đời người tín hữu khi chấp nhận đau khổ là họ bước vào cuộc chiến với Đức Kitô, cuộc chiến này sẽ dẫn họ đến vinh quang với Đấng Phục Sinh. *Họ cũng được thánh hiến để sinh hoa kết trái nhờ đồng hình đồng dạng với Đấng Cứu Thế khổ nạn. Đau khổ, hậu quả của nguyên tội, nhận một ý nghĩa mới: được tham dự vào công trình cứu độ của Đức Giêsu* (CG 1521).

Thánh Phaolô khẳng định giá trị của cuộc chiến và sự tận hiến của người tín hữu khi sống và chết với Đức Kitô: *"Vì chúng ta đã nên một với Đức Kitô nhờ được chết như Người đã chết, thì chúng ta cũng sẽ nên một với Người, nhờ được sống lại như Người đã sống lại. Chúng ta biết rằng: con người cũ nơi chúng ta đã bị đóng đinh vào thập giá với Đức Kitô, như vậy, con người do tội lỗi thống trị đã bị huỷ diệt, để chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa. Quả thế, ai đã chết, thì thoát khỏi quyền của tội lỗi. Nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Kitô, chúng ta cũng sẽ cùng sống với Người: đó là niềm tin của chúng ta. Thật vậy, chúng ta biết rằng: một khi Đức Ki-tô đã sống lại từ cõi chết, thì không bao giờ Người chết nữa, cái chết chẳng còn quyền chi đối với Người. Người đã chết, là chết đối với tội lỗi, và một lần là đủ. Nay Người sống, là sống cho Thiên Chúa. Anh em cũng vậy, hãy coi mình như đã*

chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa, trong Đức Kitô Giêsu. (Rm 6, 5-11).

#### *d. Dấu chỉ của Giáo Hội hiệp thông.*

Như Đức Kitô chăm sóc người đau yếu, Hội Thánh cũng có nhiệm vụ chăm sóc mọi chi thể trong Thân Thể mình. Ân sủng của bí tích xúc dầu vừa nói lên sự liên đới của toàn thể Hội Thánh trong đau khổ của mỗi thành viên, vừa là phần đóng góp của mỗi chi thể đau yếu vào sự thiện hảo của Hội Thánh. *"Nhờ sẵn sàng kết hiệp với Đức Kitô đau khổ và chịu chết khi lãnh nhận bí tích, các bệnh nhân góp phần mưu ích cho dân Thiên Chúa. Còn Giáo Hội, khi cử hành bí tích này, Giáo Hội cầu nguyện cho bệnh nhân và bệnh nhân nhờ ân sủng của bí tích góp phần thánh hoá Giáo Hội và mưu ích cho mọi người: Giáo Hội phải chịu đau khổ và tự hiến cho Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, vì mọi người"* (CG 1522).

Dấu chỉ hiệp thông trong bí tích xúc dầu còn được các kitô hữu biểu lộ khi mình chứng niềm hy vọng kitô giáo cho thế giới hôm nay. Thử thách bệnh nạn và đau khổ không phải là giai đoạn tăm tối của đời người, nó cho chúng ta cơ hội thấy rõ chính mình hơn, và giúp chúng ta biết chọn lựa điều chính yếu với điều phụ thuộc. Niềm hy vọng kitô giáo là câu trả lời cho những vấn nạn đau khổ trong thế giới hiện đại, là dấu chỉ đặc trưng của những người theo Chúa. Bằng chính đời sống và kinh nghiệm của mình, người kitô hữu minh chứng cho anh em: đau khổ và sự chết không là số phận nghiệt ngã, nhưng đã mang một ý nghĩa đích thực nơi Đức Giêsu Kitô, Đấng chiến thắng đau khổ và sự chết, Đấng đang phục sinh. Niềm tin vào

Ngài là bảo đảm vững chắc trong sự sống mới: *"Ai tin vào Tôi thì dù đã chết cũng sẽ được sống lại, và bất cứ ai sống và tin vào Tôi sẽ không bao giờ phải chết"* (Ga 11,25-26).

#### **4. Lịch sử việc cử hành bí tích xúc dầu**

- **Tân Ước** cho chúng ta hai đoạn văn căn bản về việc xúc dầu cho bệnh nhân: Một đoạn tường thuật việc các tông đồ được Chúa sai đi rao giảng Tin Mừng, các ngài đã xúc dầu và chữa lành nhiều bệnh nhân *"Các ông đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Các ông trừ được nhiều quỷ, xúc dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh"* (Mc 6,13). Và một đoạn minh chứng thời các tông đồ đã có nghi thức riêng dành cho bệnh nhân, mà thánh Giacôbê chỉ dạy trong thư của Ngài: *"Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xúc dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha"*. (Gc 5,14-15).

Dựa trên các chứng từ Tân Ước, người ta thấy các mục tử trong Giáo Hội thường dùng hai cử chỉ xúc dầu và đặt tay để cầu nguyện cho người bệnh. Đây là nghi thức chính yếu của bí tích xúc dầu, Giáo Hội lặp lại các cử chỉ đặt tay để chữa lành, như xưa Chúa Giêsu đã làm và truyền cho các tông đồ thực hiện trên những người đau yếu: *"Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin: nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói được những tiếng mới lạ. Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhầm thuốc độc, thì cũng chẳng sao. Và nếu*

họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khoẻ." (Mc 16, 17-18).

- Trong khoảng 6 thế kỷ đầu, người ta có một số chứng từ về các lời nguyện làm phép dầu và về việc viếng thăm các kitô hữu đau yếu của các mục tử. Đức Innocent I vào năm 416 xác định mọi kitô hữu có quyền xin xức dầu khi gặp phải cơn bệnh hiểm nghèo; và họ có quyền xin xức dầu với bất cứ linh mục hay giám mục nào.

- Vào đầu thế kỷ thứ 7, Sách nghi thức xức dầu được hình thành nhằm xác định các quy tắc phụng vụ của bí tích, các sách này được sử dụng đặc biệt trong các đan viện; về sau những sách này ảnh hưởng khá mạnh đến việc hình thành sách nghi thức xức dầu cho các tín hữu với một số thay đổi quan trọng:

+ Thay vì nhấn mạnh vào việc chữa lành, người ta nhấn mạnh vào hành vi sám hối của bệnh nhân và nài xin ơn tha thứ của Thiên Chúa.

+ Bí tích xức dầu không còn dành thường xuyên cho những người đau yếu, mà trở nên bí tích của những người hấp hối, vì những người này sợ tội và hình phạt luyện ngục nên lãnh bí tích để được chết lành: bí tích xức dầu bệnh nhân trở nên bí tích xức dầu sau cùng của đời người.

+ Các tín hữu không được phép xức dầu nữa mà chỉ dành cho các linh mục mà thôi.

- Từ thế kỷ 13 nghi thức xức dầu được rút ngắn lại vì cái chết càng lúc gần kề những người hấp hối, người ta cử hành nghi thức ngắn gọn hết sức để làm sao trong một thời gian ngắn các bệnh nhân còn tỉnh táo lãnh nhận

bí tích. Nghi thức ngắn gọn này còn được sử dụng khi Công Đồng Trentô cải cách phụng vụ vào năm 1614.

- Công cuộc canh tân phụng vụ của Công Đồng Vatican II đã khôi phục lại ý nghĩa và các cử hành xức dầu trong những thế kỷ đầu:

+ Bí tích không còn chỉ là bí tích của những người hấp hối, mà là bí tích của những người đau bệnh nặng hay vào lúc tuổi già.

+ Đưa cử chỉ đặt tay vào trong nghi thức bí tích.

+ Khôi phục vị trí của việc xức dầu trong lúc cử hành Thánh Lễ (có thể cử hành thánh lễ với việc xức dầu tại nhà bệnh nhân)

+ Khôi phục sự tham dự của cộng đoàn: không chỉ bệnh nhân hay những người thân tham dự vào cử hành bí tích, mà cộng đoàn được mời gọi tham dự tích cực để diễn tả sự hiệp thông của Hội Thánh.

+ Vẫn giữ Truyền Thống cổ kính về việc đưa Của Ăn Đàng (viatique) cho những người hấp hối. Truyền thống này được Công Đồng Nicée duy trì và chỉ thị thi hành vào năm 325: "*Khi người kitô hữu hoàn tất hành trình (exode) trần thế, thì Của Ăn Đàng rất cần thiết cho họ vào giây phút cuối cùng*".

## 5. Nghi thức xức dầu hiện nay

### a. Cấu trúc sách Nghi thức xức dầu

Nghi thức xức dầu hiện nay được Bộ Phụng Tự công bố ngày 7/12/1972 và chính thức mang tên "*Ordo unctionis infirmorum eorumque pastoralis curae – Nghi thức xức dầu bệnh nhân và việc săn sóc họ theo mục vụ*". Như vậy Sách Nghi thức này vừa bao gồm các nghi thức bí tích dành cho bệnh nhân vừa có các nghi thức viếng thăm và săn sóc mục vụ cho họ. Sách gồm bảy chương:

*Chương I: Thăm viếng và cho bệnh nhân rước lễ*

Trách nhiệm thăm viếng và chăm sóc các bệnh nhân thuộc thẩm quyền của cha sở và những người được trao phó trách nhiệm này như tuyên úy bệnh viện, nhà thương, nhà nuôi người già, neo đơn...; nhưng đồng thời đó cũng là bổn phận của mọi kitô hữu trong tình liên đới hiệp thông (XD 42-43). Khi thăm viếng bệnh nhân ngoài việc nâng đỡ tinh thần, cần hướng dẫn họ đến lãnh nhận bí tích hoà giải và Thánh Thể. Nên giúp bệnh nhân biết cầu nguyện một mình hay với những người săn sóc họ. Việc đọc Kinh Thánh hay tổ chức các buổi cầu nguyện theo cách thức phụng vụ Lời Chúa rất được khuyến khích, nếu có linh mục hiện diện, ngài có thể đặt tay và ban phép lành cho bệnh nhân (XD 45).

Nên đưa Mình Thánh Chúa thường xuyên cho những đau yếu và lớn tuổi, nếu có thể được nên đưa hằng ngày cho họ, cách đặc biệt trong Mùa Phục Sinh. Có thể đưa MTC bất cứ giờ nào và ngày nào (XD 46). Nếu bệnh nhân không rước Mình Chúa được thì cho họ rước Máu Chúa cũng đủ. Phải cẩn thận và tôn kính khi đưa MTC đến cho bệnh nhân bằng cách đựng vào hộp hoặc bình xứng đáng (XD 47). Nếu cần, linh mục giải tội cho bệnh nhân trước khi cho họ rước lễ, bằng không sẽ cử hành nghi thức sám hối như đầu thánh lễ (XD 51-52). Khi rước lễ xong, linh mục ban phép lành cho bệnh nhân và những người hiện diện, nếu còn MTC trong bình, ngài sẽ giơ bình đựng MTC lên rồi làm dấu thánh giá trên họ, phép lành này được gọi là Phép lành MTC (XD 58).

*Chương II: Nghi thức xức dầu bệnh nhân – nghi thức thông thường.*

Khi bệnh nhân hay người già cả không ở trong tình trạng khẩn cấp, thừa tác viên sẽ cử hành bí tích xức dầu theo nghi thức thông thường này. Nếu được, nên để họ tham gia tích cực vào cử hành nghi thức bằng cách chuẩn bị các bài đọc Kinh Thánh hay lời nguyện chung (XD 64). Khi cần giải tội cho bệnh nhân, linh mục sẽ giải tội trước lúc cử hành nghi thức xức dầu, bằng không sẽ cử hành nghi thức sám hối như đầu thánh lễ (XD 65). Có thể cử hành nghi thức xức dầu trong thánh lễ hay ngoài thánh lễ và khi cử hành nghi thức trong thánh lễ hay ngoài thánh lễ vẫn có thể cử hành tại thánh đường hay một nơi thuận tiện để mọi người có thể tham dự cách dễ dàng (XD 66). Nhưng khi cử hành bí tích xức dầu dù trong thánh lễ tại tư gia hay tại các dưỡng đường phải có phép của Đấng Bản Quyền (XD 80). Nếu cử hành xức dầu cho nhiều bệnh nhân, thì các công thức dùng ở số nhiều và đọc chung một lần, nhưng phải đặt tay và xức dầu với công thức bí tích riêng cho từng người (XD 67).

Khi ban bí tích xức dầu trong thánh lễ, linh mục mặc phẩm phục trắng, dùng bản văn phụng vụ của lễ cầu cho bệnh nhân, nhưng nếu trùng với các chúa nhật mùa vọng, mùa chay, mùa phục sinh, lễ trọng, thứ tư lễ Tro hay các ngày trong Tuần Thánh thì dùng bản văn phụng vụ của các lễ này (XD 81).

Khi bí tích xức dầu được cử hành trong thánh lễ, thì các nghi thức sẽ được cử hành sau Tin Mừng và bài giảng theo thứ tự sau đây: đọc kinh cầu (theo Sách Nghi thức)

hay lời nguyện chung phù hợp với hoàn cảnh; thỉnh lạng đặt tay; làm phép dầu (nếu cần); xúc dầu cho từng bệnh nhân. Nếu đọc kinh cầu theo Sách nghi thức, thì khi xúc dầu cho từng bệnh nhân xong, sẽ đọc thêm lời nguyện chung cùng với lời nguyện kết thúc; kế đó thánh lễ tiếp tục với phần chuẩn bị lễ vật như thường lệ, bệnh nhân và những người hiện diện có thể rước lễ dưới hai hình (XD 82; cf. 73-77).

Trong nghi thức bí tích xúc dầu bệnh nhân, phần quan trọng nhất là linh mục đặt tay trên bệnh nhân, rồi xúc dầu trên trán và hai tay bệnh nhân và đọc một lần công thức sau đây: *"Nhờ việc xúc dầu thánh này và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ con (ông, bà, anh, chị), để Người giải thoát con (ông, bà, anh, chị) khỏi mọi tội lỗi, cứu chữa con (ông, bà, anh, chị) và thương làm cho con (ông, bà, anh, chị) thuyên giảm."* (XD 5; CG 1531). Do đó khi ban bí tích xúc dầu cho nhiều bệnh nhân trong một cử hành, thì việc đặt tay, xúc dầu và đọc công thức đi kèm phải làm riêng biệt cho mỗi người (XD 67). Nếu có nhiều linh mục hiện diện, thì vị chủ sự đọc các lời nguyện, còn các linh mục khác mỗi người đặt tay trên một ít bệnh nhân và xúc dầu cùng đọc công thức đi kèm cho từng người (XD 90). Trong trường hợp thật khẩn thiết, bí tích xúc dầu được ban bằng cách chỉ cần xúc dầu một lần trên trán, hoặc nếu không được, trên một chi thể nào khác thích hợp của bệnh nhân, đồng thời đọc trọn công thức đi kèm<sup>2</sup>.

### *Chương III: Trao Cửa Ăn Đàng*

Giáo Hội quan tâm đến nhu cầu thiêng liêng của những người đau bệnh trầm trọng, vì thế cha sở và những ai có nhiệm vụ chăm sóc các bệnh nhân phải lo cho họ rước MTC như Cửa Ăn Đàng trong giờ hấp hối (XD 93). Có thể trao Cửa Ăn Đàng cho bệnh nhân trong thánh lễ hay ngoài thánh lễ, tại nhà thờ hay tại nơi bệnh nhân ở. Nếu cử hành thánh lễ tại nhà bệnh nhân rồi trao Cửa Ăn Đàng cho họ, thì phải có phép của Đấng Bản Quyền địa phương (XD 94). Nếu trao Cửa Ăn Đàng ngoài thánh lễ cần chuẩn bị một bàn thờ xứng đáng với nước thánh. Linh mục nên giải tội cho bệnh nhân trước khi trao Cửa Ăn Đàng; trong trường hợp khẩn thiết, bệnh nhân có thể xưng tội cách chung, sau đó linh mục ban ơn đại xá trong giờ lâm chung cho bệnh nhân (XD 104-106).

Khi cử hành Thánh lễ trong đó có trao Cửa Ăn Đàng, linh mục mặc phẩm phục trắng, dùng bản văn phụng vụ về lễ *"Trao Mình Thánh Chúa cho người lâm chung"*. Nhưng nếu gặp các chúa nhật mùa vọng, mùa chay, mùa phục sinh, lễ trọng, thứ Tư Lễ Tro hay các ngày trong Tuần Thánh thì dùng bản văn phụng vụ của các ngày đó (XD 97). Nếu bệnh nhân muốn, có thể để người này lặp lại lời tuyên xưng đức tin trong thánh lễ trao Cửa Ăn Đàng cho họ; nên có lời nguyện chung; lúc trao bình an, linh mục và những người hiện diện đến trao bình an cho bệnh nhân; bệnh nhân và những người hiện diện có thể rước lễ dưới hai hình; cuối thánh lễ khi ban phép lành, linh mục ban ơn đại xá trong giờ lâm chung cho bệnh nhân (XD 98).

<sup>2</sup> Phaolô VI, *Tông Hiến về Bí Tích Xúc Dầu Bệnh Nhân*, 30/11/1972

*Chương IV: Nghi thức ban các bí tích cho bệnh nhân trong lúc lâm chung*

Chương II trình bày bí tích xúc dầu bệnh nhân độc lập với chương III trình bày việc trao Cửa Ăn Đàng tức đưa MTC cho bệnh nhân. Chương IV là nghi lễ liên tục ban bí tích giải tội, xúc dầu và MTC được gọi các bí tích của bệnh nhân (sacrements pour les malades). Bí tích xúc dầu có thể ban cho trẻ em đến tuổi khôn khi bệnh nặng (XD 12). Tuy nhiên không nên cử hành bí tích thêm sức và xúc dầu trong một nghi lễ liên tục, có thể gây lẫn lộn vì cả hai bí tích đều có xúc dầu. Nhưng nếu thật khẩn thiết, thì sẽ ban bí tích thêm sức trước khi làm phép dầu bệnh nhân, rồi bỏ phần đặt tay trong nghi thức xúc dầu và xúc dầu bệnh nhân ngay theo công thức chỉ định (XD 117).

*Chương V: Ban bí tích thêm sức lúc nguy tử*

Chương này dự trù việc ban bí tích thêm sức trong lúc lâm chung, nhưng không phối hợp với việc ban bí tích xúc dầu. Nếu hoàn cảnh cho phép và không quá khẩn thiết có thể cử hành toàn vẹn nghi thức thêm sức theo chỉ dẫn trong Sách Nghi Thức bí tích Thêm Sức, bằng không linh mục đọc lời nguyện xin Chúa Thánh Thần rồi nhúng đầu ngón cái tay phải vào Dầu Thánh (SC) và ghi hình thánh giá trên trán bệnh nhân và đọc: ".....*hãy nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần*". Còn trong lúc thật khẩn thiết chỉ cần xúc Dầu Thánh (SC) và đọc công thức trên cũng đủ (XD 136-137)

*Chương VI: Nghi thức phó linh hồn những người hấp hối*

Giáo Hội không những quan tâm đến việc trao ban các bí tích sau cùng cho người hấp hối, mà còn đồng hành với họ cho đến hơi thở cuối cùng. Sách Nghi Thức Xúc Dầu dành một chương với các lời nguyện, bài đọc Kinh Thánh, các thánh vịnh... để cầu nguyện bên cạnh người hấp hối. Các lời nguyện và bài đọc trong chương này được dùng để gợi ý, còn tùy hoàn cảnh mỗi bệnh nhân mà người ta sẽ áp dụng sao cho thích hợp (XD 140).

*Chương VII: Các bản văn đọc trong các nghi lễ cầu cho bệnh nhân.*

Chương này là phần tổng hợp các bài đọc Kinh Thánh, thánh vịnh, lời nguyện được dùng trong thánh lễ cầu cho bệnh nhân, khi thăm viếng hay lúc ban bí tích xúc dầu cho những người này (XI 152).

*b. Thừa tác viên và người lãnh bí tích xúc dầu*

- Chỉ có linh mục mới là thừa tác viên chính thức của bí tích xúc dầu bệnh nhân (GL 1003/1; XD 16). Mọi linh mục được phép mang Dầu Thánh theo mình, để khi cần thiết có thể ban bí tích xúc dầu bệnh nhân (GL 1003/3). Dầu sử dụng trong bí tích xúc dầu là dầu ôliu hay do thảo mộc và phải được đức giám mục hay những người do luật quy định làm phép (XD 21), và Dầu này thường được làm phép vào ngày Thứ Năm Tuần Thánh (XD 21). Khi không có sẵn Dầu bệnh nhân đã được thánh hiến bởi giám mục, bất cứ linh mục nào khi cử hành bí tích xúc dầu cũng có thể làm phép dầu trong chính nghi

thức, số đầu còn lại do chính linh mục này làm phép, sẽ phải được đốt hết sau khi cử hành bí tích cho bệnh nhân (XD 21-22). Khi xúc dầu, thừa tác viên phải xúc bằng chính tay của mình, trừ khi có một lý do quan trọng đòi hỏi phải dùng đến một dụng cụ trung gian (GL 1000/2).

- Khi ban các bí tích cuối cùng cho bệnh nhân phải lưu ý một số điểm quan trọng sau đây:
  - + Nếu có thời giờ và không khẩn thiết nên cử hành liên tục các bí tích cuối cùng cho bệnh nhân theo thứ tự sau: giải tội, xúc dầu và MTC như Cửa Ăn Đàng.
  - + Nếu trong tình trạng nguy tử không thể ban đủ ba bí tích kể trên, sẽ giải tội cách tổng quát cho bệnh nhân, rồi cho người này rước lễ. Sau đó, nếu còn giờ thì cử hành bí tích xúc dầu.
  - + Nếu bệnh nhân không thể rước lễ được thì cử hành bí tích xúc dầu cho người này.
  - + Nếu bệnh nhân cần lãnh bí tích thêm sức thì phải cử hành theo đúng nghi thức quy định, để khỏi gây lộn lộn với bí tích xúc dầu bệnh nhân.
- Mọi tín hữu khi đã biết sử dụng trí khôn gặp bệnh nặng hay già yếu đều có thể xin lãnh bí tích xúc dầu bệnh nhân. Bí tích này có thể lặp lại khi bệnh nhân bình phục rồi ngã bệnh lại, hay trong cùng một cơn bệnh kéo dài mà bệnh tình trở nên trầm trọng hơn (GL 1004; XD 8-9). Trước các cuộc giải phẫu quan trọng, bệnh nhân nên xin lãnh nhận bí tích xúc dầu (XD 10). Khi già cả đau yếu, dù rằng không có bệnh nặng, vẫn có thể xin lãnh bí tích xúc dầu (XD 11). Bí tích xúc dầu được ban cả cho những bệnh nhân bất tỉnh hay mất trí, miễn là khi còn tỉnh, họ có ý định xin lãnh bí tích này ít là cách mặc

nhiên (GL 1006; XD 14). Khi được mời đến mà bệnh nhân đã chết, linh mục không xúc dầu nữa, nếu hồ nghi, ngài có thể xúc dầu nhưng với điều kiện (GL 1005; XD 15). Không được ban bí tích xúc dầu cho những người cố chấp trong một tội nặng công khai (GL 1007).

## Chương IV: Bí tích Truyền Chức

### 1. Các thừa tác vụ trong Giáo Hội

Thánh Phaolô trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Corintô đã nhắc đến vai trò khác nhau của các thừa tác vụ trong Giáo Hội: *"Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung. Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định thần khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người. Thật vậy, ví như thân thể người ta chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Ki-tô cũng vậy. Thật thế, tất cả chúng ta, dầu là Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất."* (1Cr 12, 4-13)

Thật vậy Giáo Hội là Thân Thể Đức Kitô, trong Thân Thể này có nhiều chi thể và mỗi chi thể đóng một vai trò khác nhau nhưng bổ túc cho nhau. Các giám mục,

linh mục và phó tế là những thừa tác vụ thánh được Chúa Kitô thiết lập để phục vụ Giáo Hội, Thân Thể Ngài. Người ta không nên lầm lẫn cách đơn giản chức thánh đồng nghĩa với quyền cử hành các bí tích, quyền thi hành một số công việc dành riêng... Nếu người có chức thánh thi hành các cử hành này thì trước tiên đó là phục vụ Thân Thể huyền nhiệm của Đức Kitô.

Dựa vào Tân Ước, chúng ta không thể khẳng định rằng trong Giáo Hội thuở ban đầu có sự phân biệt giữa các nhóm người khác nhau, chỉ vì sự phân chia đó giúp người ta dễ phân biệt các loại người với nhau, theo kiểu những người cùng một sở thích, cùng một quyền lợi hay một quan điểm tạo thành những nhóm riêng biệt. Thật ra, nếu Thánh Phaolô nói đến các đặc sủng khác nhau, đó là vì nhu cầu phục vụ cộng đoàn mà hình thành những con người này. Từ ban đầu, người ta phân biệt ba nhóm khác nhau phục vụ cộng đoàn:

- + Nhóm Mười Hai do Chúa Giêsu tuyển chọn để sống với Ngài và được Ngài sai đi rao giảng Tin Mừng (Mc 3,13-19). Phụ giúp Nhóm Mười Hai còn có nhóm Bảy Người được tiếng tốt (Cv 6, 1-7).
- + Để phục vụ cộng đoàn cách thiết thực hơn, các Tông Đồ chỉ định một số người thay mặt các ngài chăm sóc các cộng đoàn, những người này được gọi là các Kỳ Mục (Cv 14,23; 20,17-36; 1P 5,2)
- + Ngoài ra có một số người được uỷ nhiệm các công việc khác phục vụ cộng đoàn như giảng dạy, chữa bệnh, quản trị, thực hiện bác ái...(1Cr 12, 27-30)



*a. Nhóm Mười Hai và Bảy Người được tiếng tốt (phó tế)*

Tin Mừng thường gọi Nhóm Mười Hai (Douze) là số các Tông Đồ được Chúa Kitô tuyển chọn trực tiếp (Mc 3,13-19; Mt 10,1-4; Lc 6, 12-16); trong Nhóm này Simon Phêrô được gọi là Đá (Mt 16,18) và ông giữ một vai trò quan trọng sau biến cố Phục Sinh của Đức Kitô là "củng cố đức tin của anh em" (Lc 22,32). Người ta cũng thấy tên của Nhóm Mười Hai ngay những trang đầu tiên của sách Công Vụ Tông Đồ. Nhóm này đã hướng dẫn đời sống của Giáo Hội và các kitô hữu ban đầu đã được quy tụ hiệp nhất chung quanh Nhóm này (Cv 1,15; 2,14. 37; 3,6...).

Tại sao lại là con số mười hai! Có nhiều ý kiến khác nhau về điểm này, nhưng một điều chắc chắn là họ đã được Chúa Kitô tuyển chọn và đã sống với Ngài. Họ sẽ là các chứng nhân về tất cả những điều mắt thấy tai nghe nơi Chúa Giêsu để cho muôn dân tin và được cứu độ. Vì thế, sau khi Giuda đã rời bỏ Nhóm Mười Hai ra đi, các Tông Đồ đã tuyển chọn một người khác thay thế, việc thay thế này không thuần túy để bổ túc cho đủ con số mười hai, nhưng chính yếu là để làm chứng về Đức Kitô, và điều này được chính Phêrô xác định: "Vậy trong số những anh em đã cùng chúng tôi đi theo Chúa Giêsu suốt thời gian Người sống giữa chúng ta, kể từ khi Người được Gioan làm phép rửa cho đến ngày Người lìa bỏ chúng ta và được rước lên trời. Một trong những anh em đó phải cùng với chúng tôi làm chứng rằng Người đã phục sinh." Như vậy Nhóm Mười Hai được mệnh danh là Nhóm chứng nhân về Đấng Phục Sinh. Giáo Hội được xây dựng trên lời rao giảng và đức tin vào Đấng Phục Sinh của Nhóm này.

Nhưng Nhóm Mười Hai không thể thực hiện nhiều công việc do nhu cầu cộng đoàn đòi hỏi, họ cần người hỗ trợ và họ đã tuyển chọn những cộng tác viên được Công Vụ Tông Đồ gọi là "Nhóm Bảy người được tiếng tốt" (Sept) "Thời đó, khi số môn đệ thêm đông, thì các tín hữu Do thái theo văn hoá Hy Lạp kêu trách những tín hữu Do thái bản xứ, vì trong việc phân phát lương thực hằng ngày, các bà góa trong nhóm họ bị bỏ quên. Bởi thế, Nhóm Mười Hai triệu tập toàn thể các môn đệ và nói: "Chúng tôi mà bỏ việc rao giảng Lời Thiên Chúa để lo việc ăn uống, là điều không phải. Vậy, thưa anh em, anh em hãy tìm trong cộng đoàn bảy người được tiếng tốt, đầy Thần Khí và khôn ngoan, rồi chúng tôi sẽ cắt đặt họ làm công việc đó. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa." (Cv 6, 1-4). Truyền Thống Giáo Hội xem đoạn văn này là nền tảng thừa tác vụ bác ái của Nhóm Bảy Người; nhưng thực ra họ không chỉ lo việc bác ái mà còn rao giảng Lời Chúa nữa, như Têphanô bị bác hại vì đã rao giảng Đức Giêsu Kitô (Cv 6,8 - 7,60), hay Philipphê đã cử hành thánh tẩy cho viên thái giám (Cv 8,26-40).

*b. Các Kỳ Mục (anciens)*

Các Kỳ Mục xuất hiện khá sớm trong đời sống Giáo Hội, có lẽ do ảnh hưởng của do thái giáo, bởi vì theo tập quán do thái các cộng đoàn luôn có các vị kỳ mục đứng đầu. Giáo Hội ban đầu vừa có những nét độc đáo riêng (Nhóm Mười Hai và Bảy Người được tiếng tốt là nét đặc trưng kitô giáo) vừa theo cách tổ chức của do thái, có những kỳ mục đứng đầu các cộng đoàn nhỏ, và thay mặt các Tông Đồ điều hành các cộng đoàn này mỗi khi các ngài vắng mặt: "Trong mỗi Hội Thánh, hai ông

(Phaolô và Barnaba) chỉ định cho họ những kỳ mục, và sau khi ăn chay cầu nguyện, hai ông phó thác những người đó cho Chúa, Đấng họ đã tin" (Cv 14,23)..

Thánh Phêrô trong thư thứ nhất của ngài đã nhắc nhở các kỳ mục chăm sóc đoàn chiên Chúa với tấm lòng nhiệt thành và vô vị lợi: "Cùng các bậc kỳ mục trong anh em, tôi xin có mấy lời khuyên nhủ, vì tôi cũng thuộc hàng kỳ mục, lại là chứng nhân những đau khổ của Đức Ki-tô và được dự phần vinh quang sắp tỏ hiện trong tương lai. Anh em hãy chận dất đoàn chiên mà Thiên Chúa đã giao phó cho anh em: lo lắng cho họ không phải vì miễn cưỡng, nhưng hoàn toàn tự nguyện như Thiên Chúa muốn, không phải vì ham hố lợi lộc thấp hèn, nhưng vì lòng nhiệt thành tận tụy. Đừng lấy quyền mà thống trị những người Thiên Chúa đã giao phó cho anh em, nhưng hãy nêu gương sáng cho đoàn chiên" (1P 5,1-3)

Khi Tân Ước nhắc đến các Kỳ Mục, Tân Ước luôn luôn dùng ở số nhiều, điều này nhấn mạnh vào tính cộng đoàn của nhóm chứ không nhắm vào một cá nhân nào. Các Kỳ Mục được thiết lập để liên đới lẫn nhau trong việc chia sẻ trách nhiệm với các Tông Đồ và mưu cầu ích chung cho cộng đoàn Hội Thánh. Danh từ Kỳ Mục dần dần được dùng để chỉ các linh mục như những tư tế. Thực ra các Kỳ Mục đóng vai trò chủ toạ cộng đoàn thay các Tông Đồ: "Những kỳ mục thi hành chức vụ chủ toạ cách tốt đẹp, thì đáng được đãi ngộ gấp đôi, nhất là những người vất vả phục vụ lời Chúa và giảng dạy" (1Tm 5,17), và khi chủ toạ cộng đoàn như vậy, các ngài cũng chủ toạ các buổi cử hành phụng tự của cộng đoàn, tức là thi hành chức tư tế thừa tác (sacerdoce ministériel).

Thánh Giacôbê nói đến việc mời các kỳ mục đến cầu nguyện và xúc dầu cho các bệnh nhân là một bằng chứng về chức tư tế thừa tác của các ngài (Gc 5,14). Như vậy, vai trò chủ toạ bao gồm mọi hoạt động phục vụ cộng đoàn, trong đó việc thi hành chức năng tư tế thừa tác là một bổn phận của các kỳ mục cũng như của các linh mục.

### c. Những chức năng khác phục vụ cộng đoàn

Các thư thánh Phaolô minh chứng trong Giáo Hội thời đầu, ngoài Nhóm Mười Hai, các phó tế và kỳ mục còn có nhiều người phục vụ cộng đoàn trong các chức năng khác nhau, chẳng hạn: "Nhưng mỗi người chúng ta đã nhận được ân sủng tùy theo mức độ Đức Ki-tô ban cho... Chính Người đã ban ơn cho kẻ này làm Tông Đồ, người nọ làm ngôn sứ, kẻ khác làm người loan báo Tin Mừng, kẻ khác nữa làm người coi sóc và dạy dỗ. Nhờ đó, dân thánh được chuẩn bị để làm công việc phục vụ, là xây dựng thân thể Đức Kitô, cho đến khi tất cả chúng ta đạt tới sự hiệp nhất trong đức tin và trong sự nhận biết Con Thiên Chúa, tới tình trạng con người trưởng thành, tới tầm vóc viên mãn của Đức Kitô. (Ep 4, 7. 11-13). Trong Giáo Hội, mỗi kitô hữu hoàn tất nhiệm vụ của mình để làm cho Giáo Hội được triển nở toàn vẹn trong Đức Ái. Sự khác biệt về các nhiệm vụ trong Giáo Hội được đặt nền tảng trên các ân sủng khác nhau của Thánh Thần, mà các kitô hữu ban đầu gọi là các đặc sủng (charismes).

Thánh Phaolô có kể đến các đặc sủng khác nhau trong Giáo Hội, nhưng trong bốn đoạn văn (1Cr 12,8; 1Cr 12,28; Rm 12,6; Ep 4,11) không hoàn toàn giống nhau khi liệt kê các đặc sủng này. Có lẽ các đặc sủng này được

liệt kê tùy thuộc vào nhu cầu của từng cộng đoàn địa phương! Người ta không có câu trả lời chắc chắn những người mang đặc sủng này là ai? Đặc sủng đó kéo dài suốt đời hay trong một thời gian?... Nhưng chỉ có một điều chắc chắn các đặc sủng này nhằm phục vụ cộng đoàn, không kể người mang đặc sủng là ai. Đó chính là điều thánh Phaolô khẳng định: "*Anh em là Thân Thể Đức Kitô và mỗi người có nhiệm vụ của mình*" (1Cr 12, 27).

Trong Giáo Hội ban đầu, các kitô hữu rất ý thức về trách nhiệm chung, họ tham dự vào các sinh hoạt Giáo Hội trong tư cách là các thành viên tích cực, họ đem đến cho Giáo Hội những khả năng mình có, và họ cũng ý thức các khả năng đó là các đặc sủng được ban cho Hội Thánh. Thánh Thần là tác giả của các đặc sủng, ngài ban chúng cho Giáo Hội qua từng kitô hữu. Sự liên đới (solidarité) và bổ túc lẫn nhau (complémentarité) của các đặc sủng làm nên đời sống hiệp thông của Giáo Hội. Hơn nữa, sự hiệp thông này được bảo đảm vì có Chúa Kitô là Đầu Hội Thánh, là Nguyên lý sự hiệp nhất nối kết các đặc sủng khác nhau để phục vụ cộng đoàn. Tư cách làm đầu này của Ngài được biểu lộ cách hữu hình qua tư cách làm đầu cộng đoàn của một số người được tuyển chọn, về sau những người này được gọi là các thừa tác viên có chức thánh.

## 2. Ý nghĩa các thừa tác vụ thánh (ministères ordonnés)

Để ủy thác cho những người được tuyển chọn trách vụ đứng đầu các cộng đoàn, các tông đồ đặt tay cho họ để thông truyền ơn Thánh Thần. Cử chỉ này là nguồn gốc

chính yếu của nghi thức phong chức thánh ngày nay. Nhờ việc phong chức mà một kitô hữu được tham dự vào thừa tác vụ thánh, thừa tác vụ này nhằm phục vụ Giáo Hội như Thân Thể Đức Kitô và phục vụ Thân Thể Đức Kitô trong tư cách là đầu. Có ba cấp bậc khác nhau trong thừa tác vụ thánh: giám mục, linh mục và phó tế (CG 1554)

### a. Phục vụ Cộng Đoàn như Thân Thể Đức Kitô

Ba ý nghĩa chính yếu của thừa tác vụ thánh khi phục vụ Thân Thể Đức Kitô:

#### + Phục vụ sự hiệp thông:

Đây là sứ vụ đầu tiên và nền tảng của chức giám mục, chính ngài là nguyên lý hiệp thông trong Giáo Hội địa phương. Đây cũng là sứ vụ của Giám Mục Rôma khi ngài trở nên nguyên lý hiệp nhất trong Giáo Hội hoàn vũ. Giáo Hội Chúa Kitô không phải là một nghiệp đoàn, một câu lạc bộ, một hiệp hội gồm những người cùng chí hướng, cùng quyền lợi hay cùng mục đích đấu tranh! nhưng là những người cùng tin vào Chúa Kitô và được liên kết bởi Thánh Thần. Sự hiệp nhất của các kitô hữu không dựa vào sự đồng thuận giữa các ý kiến, mà đặt nền tảng vào mối dây liên kết của một Thân Thể khi tham dự cùng một Tấm bánh: "*Bởi vì chỉ có một Tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một Thân Thể*" (1Cr 10,17).

Sự hiệp thông này còn liên kết các giám mục với nhau và với Giám Mục Rôma, người ta gọi đó là sự hiệp thông trong Giám Mục Đoàn (Collège Épiscopal). Ngoài ra, sự hiệp thông còn liên kết các linh mục với nhau

chung quanh giám mục giáo phận để phục vụ và làm thăng tiến Giáo Hội địa phương.

#### + Bảo đảm tính Tông Truyền

Sự hiệp thông của Giáo Hội được xây dựng trên nền tảng các Tông Đồ. Các Tông Đồ là những chứng nhân của đời sống và sự phục sinh của Đức Kitô. Đức tin của các ngài là nền tảng chắc chắn của Giáo Hội; vì thế tính liên tục của sứ vụ Tông Đồ sẽ bảo đảm chắc chắn đức tin của Giáo Hội. Các giám mục là những người kế vị các Tông Đồ, các ngài bảo đảm và duy trì Truyền Thống Tông Đồ. Thừa tác vụ giám mục chính là sự bảo đảm Tính Tông Truyền của Giáo Hội Chúa Kitô.

#### + Hành động nhân danh Cộng đoàn

Chúa Kitô là Đấng quy tụ chúng ta lại để tôn vinh Thiên Chúa trong cử hành phụng vụ. Ngài hiện diện trong cộng đoàn cầu nguyện, trong chính vai trò chủ tọa của thừa tác viên có chức thánh. Trong Giáo Hội, mọi thừa tác viên có chức thánh khi hành động họ không nhân danh mình, nhưng nhân danh cộng đoàn và trong tư cách là vị chủ tọa. Lời cầu nguyện của vị chủ tọa là lời cầu nguyện của dân Chúa; việc điều hành cộng đoàn của vị chủ tọa nhằm thăng tiến lợi ích chung chứ không phục vụ quyền hành cá nhân; và việc loan báo Tin Mừng của người này nhắc đến sứ vụ truyền giáo của tất cả Hội Thánh chứ không của riêng bất cứ ai.

#### *6. Phục vụ Thân Thể Đức Kitô trong tư cách là đầu*

#### + Hành động nhân danh Đức Kitô:

Thừa tác viên có chức thánh không những hành động nhân danh cộng đoàn, mà trước hết họ hành động nhân danh Chúa Kitô. Hiến Chế về Phụng Vụ khẳng định: "*Chúa Kitô hằng hiện diện trong Giáo Hội, nhất là trong các hoạt động phụng vụ. Người hiện diện thực sự trong hy lễ, không những trong con người của thừa tác viên, vì như xưa chính Người đã tự dâng mình trên thập giá, thì nay chính Người cũng dâng mình nhờ thừa tác vụ của linh mục*" (PV 7). Giá trị đích thực của các hành vi phụng tự không phải do con người tạo nên, nhưng do sự hiện diện Chúa Kitô. Vì thế mọi hành vi của thừa tác viên có chức thánh mang giá trị khi chúng tùy thuộc vào Chúa Kitô và được hành động nhân danh Ngài.

#### + Hành động trong tư cách là đầu, là thủ lãnh

Chúa Kitô là Đầu của Hội Thánh. Các thừa tác viên có chức thánh khi hành động nhân danh Chúa Kitô cũng chính là lúc họ hành động trong tư cách là đầu, là thủ lãnh của cộng đoàn được trao phó. Tư cách làm đầu không phải để cầm quyền nhưng để phục vụ. Thừa tác viên phục vụ Cộng Đoàn cũng như phục vụ Chúa Kitô, họ là tôi tớ của mọi người và là tôi tớ của Chúa Kitô, cả hai vai trò phục vụ và tôi tớ này liên kết mật thiết lẫn nhau, đến nỗi người ta không thể chu toàn nhiệm vụ này mà không trung thành với nhiệm vụ kia. Như vậy khi được uỷ thác vai trò phục vụ Đức Kitô và Thân Thể Người, các thừa tác viên có chức thánh hành động vừa là tôi tớ vừa là thủ lãnh.

### 3. Lịch sử về các thừa tác vụ thánh

- Trong giai đoạn đầu, chúng ta đã biết việc Chúa Kitô tuyển chọn Nhóm Mười Hai, và việc các Tông Đồ chọn Nhóm Bảy người được tiếng tốt để trợ giúp các ngài. Thánh Phaolô và các thư Tân Ước cũng cho chúng ta thấy Các Kỳ Mục được chọn để chăm sóc các giáo đoàn và những đặc sủng khác nhau phục vụ sự thăng tiến của Giáo Hội ban đầu.
  - Vào đầu thế kỷ thứ 2, theo thánh Ignatiô, trong Giáo Hội đã có một phẩm trật rõ ràng, đó là ba cấp bậc khác nhau của thừa tác vụ thánh: giám mục, linh mục và phó tế. Vào thời đấy người ta hiểu, dù chia thành ba cấp bậc khác nhau, nhưng cả ba đều thuộc về bí tích truyền chức, trong đó chức giám mục được nhấn mạnh đặc biệt: *"Không ai có quyền hành động trong một Giáo Hội địa phương ngoài ý muốn của giám mục. Cử hành Thánh Thể được coi là hợp pháp nếu giám mục chủ tọa hay do người mà ngài uỷ nhiệm. Anh em hãy vâng phục giám mục, như Chúa Giêsu Kitô vâng phục Chúa Cha, và như các Kỳ Mục vâng phục các Tông Đồ; đối với các phó tế, anh em hãy kính trọng họ như luật Chúa truyền dạy"*<sup>3</sup>
- Khi Giáo Hội ngày càng phát triển lớn mạnh, dân số Kitô giáo ngày một gia tăng và do ảnh hưởng của Cựu Ước cũng như các tôn giáo thời đó, người ta dần dần "tự tế hoá" (sacerdotalisation) các giám mục và linh mục, tức là mỗi khi nói đến giám mục và linh mục người ta dùng từ ngữ để chỉ những người chuyên việc tế tự để nói về các ngài! Trong khi đó Tân Ước lại không dùng

như vậy: Thư Do Thái chỉ nói đến chức tư tế vĩnh cửu của Đức Kitô, chứ không nói đến chức tư tế của các Tông Đồ: *"Còn Đức Giêsu khi trở nên tư tế, thì lại có lời thề của Đấng nói với Người: Đức Chúa đã thề ước, Người sẽ chẳng rút lời, rằng: Muôn thuở, Con là Thượng Tế. Do đó, Đức Giêsu đã trở nên Đấng bảo đảm cho một giao ước tốt đẹp hơn. Lại nữa, trong dòng tộc Lêvi, có nhiều người kế tiếp nhau làm tư tế, bởi vì họ phải chết, không thể giữ mãi chức vụ đó. Còn Đức Giêsu, chính vì Người hằng sống muôn đời, nên phẩm vị tư tế của Người tồn tại mãi mãi. Do đó, Người có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa. Thật vậy, Người hằng sống để chuyển cầu cho họ. Phải, đó chính là vị Thượng Tế mà chúng ta cần đến : một vị Thượng Tế thánh thiện, vẹn toàn, vô tội, tách biệt khỏi đám tội nhân và được nâng cao vượt các tầng trời"* (Dt 7, 21-26). Còn Thánh Phêrô lại dùng từ ngữ tư tế để chỉ tất cả những người tin vào Chúa Kitô chứ không dành riêng cho một loại người nào: *"Còn anh em, anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của Người, Đấng đã gọi anh em ra khỏi miền u tối, vào nơi đầy ánh sáng diệu huyền"* (1Pr 2,9)

- Vào thế kỷ thứ 4, với chiếu chỉ tha đạo của Constantin (313) và sắc lệnh của Théodose thừa nhận đạo Kitô là quốc giáo (381), thì Giáo Hội phát triển một cách nhanh chóng. Một số toà giám mục quan trọng như Giêrusalem, Roma, Constantinople, Antiokia và Alexandria trở nên các trung tâm Kitô giáo và chi phối

<sup>3</sup> Thư của Thánh Ignatiô gửi những người Smyrniotes.

các vùng phụ cận; các giám mục tại các toà này trở nên các vị thượng phụ có ảnh hưởng trong đời sống Giáo Hội. Hơn nữa cách tổ chức trong Giáo Hội dần dần bị tục hoá theo cách tổ chức dân sự: hàng giám mục được xem như thượng viện, linh mục được miễn thuế... các lợi lộc vật chất có vẻ cuốn hút nhiều người ước ao trở nên các thừa tác viên cho Giáo Hội! Ý nghĩa phụng vụ của các thừa tác viên có chức thánh bị biến chất và họ dần dần trở nên một loại viên chức, người làm công (fonctionnaire) của Giáo Hội.

Trong bối cảnh này, nhiều vị thánh ra sức chấn hưng đời sống Giáo Hội địa phương khỏi các đe dọa tục hoá như Ambrosiô thành Milan; Grégoire de Nysse; Athanasiô thành Alexandria; Cyrille thành Giêrusalem, Augustinô thành Hippone... Giáo Hội dù gặp nhiều thử thách nhưng vẫn không thiếu các vị mục tử lo lắng cho đoàn chiên và dẫn dắt dân Chúa theo sát Tin Mừng.

- Vào đầu thời Trung cổ, nhiều vùng nông thôn được nghe rao giảng Tin Mừng, số kitô hữu gia tăng kéo theo việc thành lập hàng loạt các giáo xứ. Các linh mục được phong chức chủ yếu để làm các việc phụng tự, họ trở nên một tầng lớp được ưu đãi trong Giáo Hội và Xã Hội, và họ hình thành hàng giáo sĩ chuyên lo việc tế tự tôn giáo; trong khi ấy việc điều hành dân Chúa lại lệ thuộc vào quyền bính dân sự. Trong thời kỳ này, không có sự phân biệt giữa vai trò của Giáo Hội với quyền bính trần thế: giáo dân phục tùng giáo sĩ, cha sở phục tùng ông hoàng và giám mục, giám mục lệ thuộc hoàng đế; sự nhập nhằng giữa thần quyền và thế quyền đã đánh mất ý nghĩa của thừa tác vụ thánh.

Trong hoàn cảnh này, vào thế kỷ 11 đã xuất hiện một số phong trào canh tân quan trọng: Phong trào chống đối việc Giáo Hội phải phục tùng quyền bính trần thế; phong trào chống các lạm dụng buôn thần bán thánh khi thi hành chức linh mục; phong trào chấn hưng đời sống hàng giáo sĩ đang trên đà sa sút... Đức Grêgôriô VII, vào năm 1073, chỉ thị các ứng viên tiến lên chức thánh phải giữ luật độc thân. Các đan viện trở nên có thế giá và nhiều người dâng mình cho Chúa trong những nơi này; cũng vào thời kỳ này, con số các đan sĩ được phong chức linh mục gia tăng đáng kể.

- Vào thế kỷ 12-13, người ta xây cất nhiều nhà thờ chánh toà nguy nga và xuất hiện các đại học công giáo danh tiếng, các tu sĩ dòng Phanxicô và Đaminh đảm nhận dần dần công việc trình bày và loan báo Tin Mừng, họ trở nên các nhà giảng thuyết lừng danh và thường đi giảng trong các tuần đại phúc hay trong các đại thánh đường. Công việc của các linh mục triều giờ đây chỉ còn rút gọn vào việc cử hành các bí tích, còn việc loan báo Lời Chúa và sứ vụ truyền giáo đã có những người khác đảm nhận.
- Đến thế kỷ 16, phong trào cải cách của Luther bùng nổ phát xuất từ một trong những lý do chính yếu là sự lạm dụng của hàng giáo sĩ: cha sở vắng mặt thường xuyên khỏi giáo xứ, nhiều người dù không có chức thánh vẫn tìm đủ mọi cách để trục lợi, khoảng cách giữa hàng giáo sĩ cấp cao và cấp dưới càng lúc chênh lệch và đôi khi đến mấu thuẫn căng thẳng, mối quan tâm chính trị của các vị hữu trách trong Giáo Hội lấn át việc chăm lo cho đời sống đức tin của dân Chúa... Trong bối

cảnh này, **Công Đồng Trentô** được triệu tập vừa để phi bác những sai lầm của anh em cải cách về giáo lý chức thánh, vừa quan tâm đến đời sống mục vụ của linh mục.

Một điều mới mẻ của Công Đồng Trentô là việc huấn luyện các linh mục tương lai. Công Đồng đã chỉ thị việc đào tạo linh mục phải nhắm vào căn tính của chức thánh: thừa tác viên phục vụ dân Chúa và hành động nhân danh Đức Kitô. Để đạt yêu cầu này cần nhấn mạnh việc đào tạo đời sống linh đạo, trí thức và nhân bản cho các linh mục tương lai. Việc canh tân chương trình đào tạo trong các chủng viện đã làm cho dân Chúa hiểu rõ hơn vai trò của thừa tác vụ thánh, đây là điều Giáo Hội đã mong ước từ lâu (tk 7), và đã được nhiều giám mục thực hiện cho các giáo phận mình mặc dù chỉ mang tính cục bộ, nhưng Công Đồng Trentô đích thực là một cuộc canh tân sâu rộng và mang tính hoàn vũ.

- Vào thế kỷ 19, Công Đồng Vatican I ưu tư trước các hiểm họa mới liên quan đến vai trò của Đấng Kế Vị Thánh Phêrô, nên đã xác định tín điều bất khả ngộ của Ngài. Tín điều này là một bảo đảm về sự hiệp nhất của Giáo Hội chung quanh Đấng Kế Vị Thánh Phêrô và vị trí của Ngài trở nên điểm quy chiếu của tất cả dân Chúa, đến nỗi các nhà thần học đã vô hình chung trình bày Giáo Hội như một kim tự tháp: chóp đỉnh là đức thánh cha, kế đến các hồng y, rồi giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân; và như thế ai ở bậc trên thì được coi trọng hơn người đứng ở bậc dưới trong mô hình kim tự tháp: đức thánh cha trọng hơn hồng y, hồng y hơn giám mục, giám mục hơn linh mục, linh mục hơn tu sĩ, tu sĩ

hơn giáo dân; đến nỗi dư âm của sách giáo lý viết ngữ năm 1975 còn ghi rõ: Hỏi: "*Bậc vợ chồng và bậc tu trì bậc nào trọng hơn?*". Thưa: "*Bậc tu trì trọng hơn, vì người tu trì dâng trọn đời mình để chuyên lo việc Chúa và phục vụ anh em đồng loại!*". Cách nhìn này xem các tín hữu như "công dân hạng hai", và các thừa tác vụ thánh giống như các địa vị thăng tiến xã hội.

- Công Đồng Vatican II đã thay đổi cách nhìn về Giáo Hội và về các thừa tác vụ thánh trong bốn văn kiện quan trọng: *Hiến Chế về Giáo Hội* (Lumen Gentium); sắc lệnh về *Trách nhiệm mục vụ của Giám Mục* (Christus Dominus), sắc lệnh về *Chức vụ và đời sống linh mục* (Presbyterorum Ordinis) và sắc lệnh về *việc Đào tạo Linh mục* (Optatum Totius). Với bốn văn kiện như thế, hiếm khi người ta thấy một công đồng hoàn vũ bàn đến căn tính của chức thánh nhiều như vậy. Công Đồng Vatican II đã tái khẳng định chức tư tế phổ quát của mọi tín hữu và chức tư tế thừa tác đều phát xuất từ chức tư tế của Đức Kitô; tuy nhiên giữa chức tư tế phổ quát và chức tư tế thừa tác có tương quan chặt chẽ với nhau:

+ Chức tư tế phổ quát của các tín hữu và chức tư tế thừa tác tuy khác nhau không chỉ về cấp bậc mà còn về bản chất, song cả hai bổ túc cho nhau. Thực vậy, cả hai đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình (LG 10)

+ Chức tư tế thừa tác nhằm phục vụ chức tư tế phổ quát, giúp phát triển ân sủng bí tích thánh tẩy của mọi kitô hữu (CG 1547).

+ Cả hai chức tư tế phổ quát và thừa tác đều tham dự vào sứ vụ của Chúa Kitô: ngôn sứ, thánh hoá và

vương giá. Trong ba chức năng này, nhiệm vụ hàng đầu của giám mục và linh mục là rao giảng Lời Chúa (sứ vụ ngôn sứ), kế đó là cử hành các mẫu nhiệm kitô giáo cho dân Chúa (sứ vụ 'thánh hoá), và cuối cùng là điều hành cộng đoàn (sứ vụ vương giá).

Để cho thấy rõ hơn vai trò phục vụ của chức tư tế thừa tác, Đức Phaolô VI vào năm 1972 đã điều chỉnh lại các nghi thức phong các chức thánh:

- + Loại bỏ các chức nhỏ và chức phụ phó tế.
- + Thay thế chức "cắt tóc" trước đây được xem là nghi thức gia nhập hàng giáo sĩ, bằng nghi thức tiếp nhận các ứng viên vào chức thánh (phó tế và linh mục); nghi thức tiếp nhận này không làm cho người đón nhận thuộc vào hàng giáo sĩ, nhưng chỉ trở nên ứng viên có khả năng gia nhập hàng giáo sĩ. Ý niệm gia nhập hàng giáo sĩ sau Công Đồng Vatican đã thay đổi và một người chỉ thuộc hàng giáo sĩ khi đã chịu chức phó tế (GL 266/1).
- + Tái thiết lập chức phó tế vĩnh viễn (diaconat permanent). Luật độc thân không ràng buộc những người này khi họ đã có gia đình mà muốn phục vụ Giáo Hội trong chức phó tế.
- + Tái thiết lập tác vụ đọc sách để phục vụ Lời Chúa và tác vụ giúp lễ để phục vụ Bàn Thờ. Trước khi lãnh chức phó tế vĩnh viễn hay chuyển tiếp, ứng viên buộc phải lãnh nhận các tác vụ đọc sách và giúp lễ, và phải thi hành các tác vụ ấy trong một thời gian tương xứng. Giữa tác vụ giúp lễ và chức phó tế phải có thời gian cách quãng ít là sáu tháng (GL 1035).
- + Giáo Hội cũng chấp nhận khi thiếu các thừa tác viên cộ chức thánh, thì các thừa tác viên ngoại thường dù là giáo dân vẫn có thể chủ toạ các buổi

cử hành phụng vụ Lời Chúa và đưa MTC cho anh em (CN 30-31)

#### 4. Nghi thức phong chức hiện nay

Để làm nổi bật giáo huấn về các thừa tác vụ thánh trong bốn văn kiện của Công Đồng Vatican II <sup>4</sup>, Hiến Chế về Phụng Vụ đã chỉ thị việc canh tân lại nghi thức phong chức: "*Các nghi thức phong chức phải được duyệt lại cả về nghi thức lẫn lời văn*" (PV 76). Chỉ thị này được Bộ Phụng Tự áp dụng khi công bố ấn bản mẫu thứ nhất vào 15/8/1968 " *De Ordinatione Diaconi, Presbyteri et Episcopi – Nghi thức phong chức phó tế, linh mục và giám mục*". Kế đó, Bộ này đã duyệt xét, soạn thảo lại và công bố ấn bản mẫu thứ hai vào ngày 29/6/1989. Một yếu tố khác biệt quan trọng giữa hai ấn bản mẫu về Nghi thức phong chức, là ấn bản mẫu thứ hai (1989) đã bỏ các nghi thức trao ban các chức nhỏ: nghi thức cắt tóc, nghi thức phong chức giữ cửa, nghi thức phong chức trừ quỷ, nghi thức phong chức phụ phó tế; mà chỉ còn giữ lại hai nghi thức trao ban tác vụ đọc sách và tác vụ giúp lễ, cũng như thêm vào một nghi thức trước đây chưa có: "*Nghi thức tiếp nhận các ứng viên lên chức thánh*".

Một yếu tố thần học khác cũng phải được nhấn mạnh trong Nghi thức phong chức hiện nay, là khác với bốn bí tích: thánh tẩy, thêm sức, xức dầu, hôn phối có thể

<sup>4</sup> Bốn văn kiện của Công Đồng Vatican liên quan đến các thừa tác vụ thánh là: *Hiến Chế về Giáo Hội* (Lumen Gentium); *sắc lệnh về Trách nhiệm mục vụ của Giám Mục* (Christus Dominus), *sắc lệnh về Chức vụ và đời sống linh mục* (Presbyterorum Ordinis) và *sắc lệnh về việc Đào tạo Linh mục* (Optatam Totius).



cử hành trong hay ngoài thánh lễ; còn bí tích truyền chức luôn luôn phải được cử hành trong thánh lễ, đặc biệt vào ngày chúa nhật hay các lễ trọng, với sự tham dự đông đảo của tất cả dân Thiên Chúa: giám mục, linh mục đoàn và các thừa tác viên khác (GL 1010; PC 9). Tuy vậy một số thánh lễ trong năm phụng vụ chiếm vị trí ưu tiên nên việc phong chức bị cấm trong một số ngày lễ buộc, ví dụ: không được phong chức giám mục, linh mục và phó tế vào các ngày: Tam Nhật Vượt Qua và trọn Tuần Thánh, Thứ Tư Lễ Tro và lễ Các Đấng (PC 22; 109; 184). Nếu phong chức vào các ngày: lễ trọng, các chúa nhật mùa vọng, chay và phục sinh, các ngày trong tuần Bát Nhật Phục Sinh, phải dùng bản văn phụng vụ và các bài đọc Kinh Thánh của các lễ này ( PC 23; 110; 185). Riêng lễ phong chức giám mục sẽ lệ thuộc thêm vào bản văn phụng vụ của lễ kính các thánh Tông Đồ (PC 23).

Quả thật, việc liên kết Nghi thức phong chức trong cử hành thánh lễ diễn tả rõ nét mẫu nhiệm hiệp thông trong Giáo Hội, đồng thời cho thấy Thánh Thể là nguồn mạch và tột đỉnh của tất cả đời sống Giáo Hội, trong đó các thừa tác vụ thánh được ban để nhằm phụng vụ và thăng tiến dân Chúa (PC 9).

Ngoài ra, Giáo Hội cũng xác định yếu tố cơ bản của Nghi thức phong chức là việc đặt tay và lời nguyện phong chức. Dù là nghi thức phong chức giám mục, linh mục hay phó tế, hai yếu tố đặt tay và lời nguyện phong chức làm nên thành phần chính yếu của bí tích truyền chức. Việc đặt tay luôn đi trước lời nguyện phong chức và được lời nguyện này xác định ý nghĩa khi phong chức cho giám mục, linh mục hay phó tế (PC 7; CG 1573).

### a. Cấu trúc Sách Nghi Thức Phong Chức

Sách Nghi Thức Phong Chức ấn bản mẫu thứ hai năm 1989 gồm 5 chương và một phần phụ lục. Cấu trúc chung của các nghi thức gồm ba phần: nghi thức mở đầu (giới thiệu ứng viên, tuyên hứa, kinh cầu...), nghi thức bí tích (đặt tay và lời nguyện phong chức); nghi thức diễn nghĩa (trao Sách Thánh, Chén Thánh, xúc dầu bàn tay, đội mũ mitra, đeo nhẫn...)

#### *Chương I: Việc phong chức giám mục*

Công Đồng Vatican II dạy: "Khi được tấn phong, các giám mục nhận lãnh trọn vẹn bí tích truyền chức mà tập tục phụng vụ Hội Thánh và các thánh giáo phụ gọi là chức tư tế tối cao và nhận lãnh thực tại toàn vẹn của thánh vụ" (LG 21; cf. CG 1557). Giám mục được đặt đứng đầu một Giáo Hội địa phương, ngài là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Giáo Hội do ngài coi sóc, bởi vậy khi phong chức giám mục giáo phận, phải mời đông đảo mọi thành phần dân Chúa trong giáo phận tham dự.

Theo truyền thống cổ kính của Giáo Hội, khi phong chức giám mục, ngoài giám mục chủ phong còn phải có hai giám mục phụ phong; các giám mục khác cũng được mời tham dự để đặt tay, đọc phần lời nguyện phong chức được chỉ định và trao hôn bình an. Thông thường, Tổng giám mục sẽ phong chức cho giám mục giáo phận nào nằm trong tổng giáo phận của mình, và lễ phong chức phải được cử hành tại nhà thờ chính toà (PC 16; 21), còn giám mục giáo phận sẽ phong chức cho giám mục phụ tá tại nhà

thờ chính toà hay một nhà thờ nào khác khá quan trọng trong giáo phận (PC 16; 21).

Nghi thức phong chức giám mục được cử hành sau bài Tin Mừng, ứng viên giám mục sẽ được hai linh mục thuộc giáo phận tháp tùng đến trước mặt giám mục chủ phong, một trong hai linh mục sẽ xin giám mục chủ phong chức cho ứng viên. Giám mục chủ phong yêu cầu đọc Tông Sắc (Bulle) của Toà Thánh về việc bổ nhiệm ứng viên lên làm giám mục. Tông sắc này là điều kiện **cần thiết để nói lên sự hiệp thông giữa ứng viên giám mục với Đấng kế vị Thánh Phêrô** (GL 1013).

Nghi thức chính yếu của việc phong chức giám mục gồm việc đặt tay của các giám mục hiện diện (các linh mục và kể cả các đan viện phụ không được phép đặt tay trên ứng viên giám mục) và lời nguyện phong chức. Khi đọc lời nguyện phong chức, hai phó tế đứng hai bên tả hữu của ứng viên, giữ một cuốn Tin Mừng trên đầu ứng viên cho đến hết lời nguyện phong chức (PC 46). Giám mục chủ phong đọc lời nguyện phong chức, nhưng phần chính yếu của lời nguyện này, các giám mục đã đặt tay cho ứng viên sẽ cùng đọc chung nhưng nhỏ tiếng (PC 47). Phần lời nguyện chính yếu sau đây thuộc về bản chất để việc phong chức giám mục thành sự: *"Và giờ đây, xin Cha đở trên vị tiến chức này thần lực phát xuất từ nơi Cha là Thánh Thần Thủ Lãnh mà Cha đã ban cho Con yêu dấu là Đức Giêsu Kitô, và chính Đức Kitô lại ban cho các Thánh Tông Đồ, các vị này đã thiết lập Hội Thánh mỗi nơi như một Thánh Điện Cha, để tôn vinh và ca tụng Cha muôn đời"*.

Sau lời nguyện phong chức, ứng viên trở thành tân giám mục, ngài sẽ được xức dầu thánh trên đầu biểu thị sự tham dự của giám mục vào Chức Tư Tế của Đức Kitô; rồi nhận sách Tin Mừng cho thấy nhiệm vụ chính yếu của giám mục là phải trung thành rao giảng Lời Chúa; kế đó ngài đeo nhẫn chỉ lòng trung thành của giám mục với Hiền Thê của Thiên Chúa là Giáo Hội; rồi ngài đội mũ mitra nhắc đến việc ân cần phải lo thánh hoá bản thân, cuối cùng cầm gậy mục tử diễn tả nhiệm vụ cai quản Giáo Hội đã được uỷ thác cho mình. Kết thúc nghi thức, giám mục chủ phong và các giám mục hiện diện sẽ trao hôn bình an cho tân giám mục như một cử chỉ đón nhận ngài vào giám mục đoàn (PC 26).

### *Chương II: Việc phong chức linh mục*

Khi được phong chức, các linh mục được tham dự vào chức tư tế và sứ mạng của giám mục, các ngài trở nên những cộng sự viên của hàng giám mục để phục vụ dân Thiên Chúa, và cùng với giám mục làm thành một linh mục đoàn (PC 101; CG 1562). Khi phong chức linh mục, Giáo Hội đòi buộc một vị cộng tác viên của giám mục chuyên lo việc đào tạo các ứng viên linh mục phải nhân danh Giáo Hội xin giám mục phong chức và trả lời các câu hỏi của giám mục liên quan đến tư cách xứng đáng của ứng viên (PC 106).

Nghi thức phong chức linh mục được cử hành sau bài Tin Mừng. Một phó tế hay linh mục sẽ xướng tên và các ứng viên đến trình diện trước mặt giám mục. Kế đó, sau khi nghe lời thỉnh cầu phong chức linh mục của vị phụ trách đào tạo linh mục, giám mục sẽ chấp nhận lời thỉnh

cầu và tuyển chọn các ứng viên lên chức linh mục, tất cả cộng đoàn cùng tung hô: *Tạ ơn Chúa*. Thế rồi, giám mục sẽ giảng để huấn dụ dân chúng và các ứng viên, ngài nói về vai trò và nhiệm vụ của linh mục trong việc phục vụ Hội Thánh; rồi ngài sẽ thẩm vấn các ứng viên về nhiệm vụ sắp được trao phó. Các ứng viên phải trả lời các câu hỏi liên quan đến các sứ vụ của Giáo Hội: rao giảng Lời Chúa, cử hành các bí tích, chăn dắt dân Chúa theo sự điều động của giám mục. Sau khi trả lời các câu hỏi của giám mục, từng ứng viên tiến đến quỳ trước mặt giám mục để tuyên hứa vâng phục và kính trọng. Sắc lệnh của Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích khi công bố ấn bản mẫu "*Nghi Thức Phong Chức*" vào năm 1989, đòi buộc cả những thành viên của các Dòng sống đời tận hiến phải tuyên hứa kính trọng và vâng phục giám mục giáo phận, nhằm cổ võ sự hiệp nhất của mọi giáo sĩ trong từng giáo phận<sup>5</sup>. Tuyên hứa vâng phục xong cộng đoàn cùng đọc Kinh Cầu Các Thánh, để diễn tả mẫu nhiệm hiệp thông và nài xin Thiên Chúa ban ơn cho các ứng viên qua lời chuyển cầu của các thánh.

Nghi thức chính yếu của việc truyền chức linh mục được cử hành sau kinh Cầu Các Thánh. Giám mục và các linh mục hiện diện thình lặn và cùng đặt tay trên từng ứng viên. Mọi linh mục hiện diện dù không đồng tể đều có thể đặt tay, với điều kiện khi đặt tay các ngài phải mặc áo như khi cử hành các bí tích (alba hoặc áo dòng với áo các phép) và đeo dây stola. Khi đã đặt tay xong, chỉ mình giám mục đọc lời nguyện phong chức linh mục, phần chính

<sup>5</sup> Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Sắc lệnh số Prot.CD 145/89*, ngày 29/6/1989.

yếu của lời nguyện vẫn chỉ một mình giám mục đọc (khác với phần chính yếu trong lời nguyện phong chức giám mục, mọi giám mục cùng đọc chung) và phần này làm nên tính thành sự của việc truyền chức linh mục: "*Lạy Cha toàn năng, chúng con nài xin Cha ban chức linh mục cho các tôi tớ Cha đây. Xin Cha lại ban Thần Trí thánh hoá trong lòng các thầy, cho các thầy biết chu toàn chức vụ nhiệm phẩm nhận được từ nơi Cha, và cho các thầy biết cải thiện phong hoá thế gian bằng gương sáng đời sống mình*".

Sau lời nguyện phong chức, đến phần nghi thức diễn nghĩa: các ứng viên đã trở nên các tân linh mục, các ngài sẽ sửa dây stola đeo thẳng và mặc áo lễ, đó là dấu hiệu bề ngoài của chức linh mục khi cử hành phụng vụ cho dân Chúa. Các ngài được xúc dầu hai lòng bàn tay biểu thị việc tham dự của linh mục vào Chức Tư Tế của Đức Kitô; kể đó, giám mục sẽ trao cho các ngài chén thánh với bánh và rượu để chỉ rõ nhiệm vụ chủ toạ khi cử hành Thánh Thể và theo Đức Kitô chịu đóng đinh. Cuối cùng, giám mục trao hôn bình an cho các ngài diễn tả việc đón nhận các tân linh mục như là những cộng sự viên mới của mình. Các linh mục hiện diện của trao hôn bình an cho tân linh mục để nói lên các ngài cùng chung một thừa tác vụ trong hàng linh mục (PC 113).

### *Chương III: Việc phong chức phó tế*

Khi được phong chức, phó tế lãnh nhận bí tích truyền chức thánh và được ghi dấu ấn tín bí tích vĩnh viễn trong tâm hồn; các ngài được tham dự cách đặc biệt vào sứ mạng và ân sủng của Đức Kitô (PC 173; CG 1570). "*Một trong những nhiệm vụ chính yếu của phó tế là phụ giúp giám mục và linh mục trong việc cử hành các mẫu nhiệm*

*thánh, nhất là Thánh Lễ, trao MTC, chứng kiến và chúc lành cho đôi hôn phối, công bố và rao giảng Tin Mừng, chủ tọa lễ nghi an táng và đặc biệt là việc bác ái"* (CG 1570).

Khi đã được phong chức phó tế, một kitô hữu chính thức gia nhập hàng giáo sĩ với tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ kèm theo (GL 266/1; 274; 276; PC 176). Muốn được phong chức phó tế, người kitô hữu phải được giám mục đón nhận vào số ứng viên lên chức thánh qua một Nghi thức riêng biệt, trừ những người đã có lời khấn trong một Hội dòng giáo sĩ (PC 175).

Nghi thức phong chức phó tế được cử hành sau bài Tin Mừng. Một phó tế hay linh mục giới thiệu các ứng viên cho giám mục, kể đó vị đặc trách đào tạo các ứng viên sẽ nhân danh Giáo Hội xin giám mục phong chức và trả lời các câu hỏi của giám mục về tư cách xứng đáng của ứng viên. Thế rồi giám mục sẽ tuyển chọn các ứng viên lên chức phó tế và huấn dụ cộng đoàn phụng vụ. Trong bài giảng, ngài sẽ nhấn mạnh nhiệm vụ của phó tế, tính liên tục của việc trao ban chức phó tế từ thời các tông đồ, và các điều kiện ứng viên phải chu toàn trong thừa tác vụ sắp lãnh nhận. Khi giám mục đã huấn dụ xong, các ứng viên công khai bày tỏ trước mặt giám mục và dân Chúa ý muốn thi hành nhiệm vụ phó tế theo ý Đức Kitô và Giáo Hội, dưới sự điều hành của giám mục. Đối với các ứng viên phó tế để tiến lên chức linh mục và các ứng viên phó tế đã tuyên khấn khiết tịnh trong một dòng tu, giám mục vẫn luôn luôn đòi họ phải công khai tuyên hứa giữ luật độc thân trong thừa tác vụ sắp lãnh nhận (PC 177). Sau khi trả lời các câu hỏi của giám mục, từng ứng viên tiến đến quỳ trước mặt ngài tuyên hứa vâng phục giám mục giáo

phận, kể cả các ứng viên thuộc các dòng tu giáo hoàng. Tuyên hứa xong, cộng đoàn đọc Kinh Cầu Các Thánh để nài xin Thiên Chúa ban ơn cho các ứng viên.

Nghi thức chính yếu của phong chức phó tế là việc đặt tay của giám mục và lời nguyện phong chức. Khác với việc đặt tay trong nghi thức phong chức linh mục, trong nghi thức phong chức phó tế chỉ một mình giám mục đặt tay còn các linh mục không được phép đặt tay trên các ứng viên (PC 206), và cũng chỉ một mình giám mục đọc lời nguyện phong chức; phần chính yếu sau đây của lời nguyện thuộc về bản chất của sự việc và làm nên tính thành sự của bí tích truyền chức: "*Lạy Cha, chúng con nài xin Cha sai Chúa Thánh Thần xuống trên các thầy, để nhờ Người các thầy được bầy ơn Cha thêm sức, sẽ trung thành thi hành thừa tác vụ"* (PC 187).

Sau lời nguyện phong chức của giám mục là nghi thức diễn nghĩa, nghi thức này quảng diễn chức phó tế mà các ứng viên vừa lãnh nhận. Khi trở nên các tân phó tế, các thầy sẽ mang dây stola chéo (và nếu cần sẽ mặc thêm áo phó tế): đây là dấu chỉ bề ngoài của chức phó tế khi họ thi hành phận sự trong cử hành phụng vụ. Kế đó giám mục sẽ trao cho từng ứng viên Sách Tin Mừng để nói lên nhiệm vụ rao giảng Lời Chúa cho anh em và sứ vụ truyền bá đức tin của Giáo Hội bằng lời nói cũng như việc làm (PC 188). Cuối cùng, giám mục trao hôn bình an cho các tân phó tế, nói lên việc đón nhận các ngài như những trợ tá trong thừa tác vụ của giám mục; nếu có các phó tế khác tham dự nghi thức phong chức, các ngài sẽ trao bình an cho các tân phó tế để nói lên họ cùng chung một thừa tác vụ trong hàng phó tế (PC 189). Chỉ các phó tế chứ không

phải các linh mục đồng tế được phép trao bình an cho các tân phó tế trong nghi thức phong chức.

*Chương IV: Việc phong chức phó tế và linh mục trong cử hành phụng vụ.*

Chương I, II và III trình bày nghi thức phong chức giám mục, linh mục và phó tế riêng biệt; các nghi thức này được áp dụng khi phong chức cho một người hay nhiều người với một vài thay đổi về cách xưng hô, còn toàn bộ nghi thức vẫn giữ nguyên vẹn. Tuy nhiên Giáo Hội cũng dự trù việc phong chức phó tế và linh mục trong một cử hành phụng vụ, vì thế chương IV là nghi thức phối hợp của hai việc phong chức này.

Theo luật qui định, trước khi lãnh chức thánh các ứng viên phải thỉnh lạng cầu nguyện để chuẩn bị cho việc phong chức bằng cuộc tĩnh tâm ít là năm ngày, và theo cách thức mà bản quyền chỉ định. Trước khi truyền chức, giám mục phải được thông báo về việc các ứng viên đã tĩnh tâm hợp lệ (PC 248; GL 1039). Nên phong chức vào các ngày lễ trọng hay chúa nhật và mời các mọi thành phần dân Chúa đến tham dự đông đảo.

Nghi thức phong chức được cử hành sau bài Tin Mừng. Trật tự của nghi thức phong chức phó tế và linh mục cũng giống như khi phong chức linh mục hay phong chức phó tế nhưng một số nghi thức được phối hợp chung, ví dụ:

- Nghi thức tuyển chọn: các ứng viên phó tế được tuyển chọn trước các ứng viên linh mục.

- Chỉ một bài giảng chung cho tất cả mọi người.
- Lời hứa của các tiến chức phó tế đi trước lời hứa của các tiến chức linh mục. Công thức lời hứa được giữ nguyên như khi phong chức riêng cho phó tế hay cho riêng linh mục.
- Chỉ một kinh Cầu Các Thánh.
- Nghi thức đặt tay, lời nguyện phong chức và nghi thức diễn nghĩa của phong chức phó tế đi trước việc đặt tay, lời nguyện phong chức và phần diễn nghĩa của phong chức linh mục.

Trong phần phụng vụ Thánh Thể, các tân linh mục đứng chỗ nhất trong số các vị đồng tế, còn các tân phó tế giúp giám mục, một số vị dọn bàn thờ, cho giáo dân rước lễ hay nhấn nhủ những điều cần thiết cho cộng đoàn (PC 256)

*Chương V: Bản văn dùng trong cử hành phong chức*

Chương này gồm hai phần:

- phần I gồm các bản văn phụng vụ: lời nguyện nhập lễ, tiến lễ, hiệp lễ và lời tiễn tụng của các lễ phong chức khác nhau: giám mục, linh mục và phó tế.
- phần II gồm các bài đọc Kinh Thánh dùng trong các lễ phong chức này.

*Phụ lục: Nghi thức tiếp nhận vào số ứng viên lên chức thánh.*

Sách Nghi thức phong chức ấn bản mẫu thứ II năm 1989 đã bỏ các nghi thức ban các chức nhỏ như cắt tóc, giữ cửa, trừ quỷ, phụ phó tế; và cũng không in lại các nghi thức trao ban tác vụ đọc sách và giúp lễ, nhưng thêm

"Nghị thức tiếp nhận vào số ứng viên lên chức thánh". Nghị thức này bắt buộc phải cử hành cho bất cứ ai nào muốn lãnh nhận chức thánh, trừ những người đã có lời khấn trong hội dòng giáo sĩ (PC 175). Có thể cử hành nghị thức tiếp nhận này bất cứ ngày nào, trừ Tuần Thánh, thứ Tư Lễ Tro, lễ Các Đấng (2/11). Được phép cử hành Nghị thức tiếp nhận trong thánh lễ, trong cử hành Giờ Kinh Phụng Vụ hay khi cử hành Phụng vụ Lời Chúa; và vì tính chất đặc biệt của nó, không bao giờ được kết hợp với việc phong các chức thánh hay khi trao ban các tác vụ đọc sách và giúp lễ<sup>6</sup>.

Nghị thức tiếp nhận vào số ứng viên lên chức thánh gồm các phần sau: giới thiệu ứng viên, thẩm vấn của giám mục; kinh Tin Kính, lời nguyện chung và lời nguyện chúc lành trên các ứng viên.

- + Nếu nghị thức tiếp nhận được đặt trong thánh lễ thì sau bài giảng của giám mục sẽ cử hành nghị thức theo thứ tự như trên, kể đó là phụng vụ Thánh Thể như thường lệ. Các ứng viên sẽ rước lễ dưới hai hình.
- + Nếu nghị thức được đặt trong giờ Kinh Sáng hay Kinh Chiều thì sau bài đọc Kinh Thánh sẽ cử hành nghị thức theo diễn tiến như trên, bỏ lời cầu và kinh Lạy Cha của Giờ Kinh<sup>7</sup>.
- + Nếu nghị thức được đặt trong phụng vụ Lời Chúa thì sau bài giảng sẽ cử hành nghị thức theo diễn tiến như trên, nhưng đọc thêm kinh Lạy Cha trước lời nguyện chúc

<sup>6</sup> Phần Phụ Lục của Sách Nghị Thức Phong Chức, số 3

<sup>7</sup> Như trên số 13

lành trên các ứng viên, rồi chủ sự ban phép lành và giải tán dân chúng như thường<sup>8</sup>

### *b. Thừa tác viên và những người lãnh bí tích truyền chức*

- Thừa tác viên của bí tích truyền chức là giám mục đã được thụ phong (GL 1012). Không một giám mục nào được phép phong chức giám mục cho bất cứ ai khi chưa có uỷ nhiệm thư của Đức Thánh Cha Roma (GL 1013). Giám mục giáo phận phong chức linh mục và phó tế cho những người thuộc quyền mình; ngài cũng có thể phong chức cho những người khác khi được giới thiệu hợp lệ (GL 1015). Ngoài khu vực thuộc thẩm quyền của mình, giám mục chỉ có thể phong chức khi có phép của giám mục Bản Quyền (GL 1017).
- Chỉ những kitô hữu nam giới đã chịu thánh tẩy mới lãnh nhận bí tích truyền chức thành sự (GL 1024; CG 1577); tuy nhiên họ cũng đã phải lãnh bí tích thêm sức rồi vì tính hợp pháp của bí tích truyền chức (GL 1033). Không ai có quyền đòi cho mình được chịu chức thánh, và cũng không ai tự cho mình xứng đáng với chức vụ này, tất cả do Chúa kêu gọi qua việc tuyển chọn của Giáo Hội (CG 1578); Ngược lại, không ai được phép ép buộc người khác lãnh nhận chức thánh, dù bằng cách nào hay lý do nào đi nữa; cũng không được phép ngăn cản

<sup>8</sup> Như trên số 13 và 15

lãnh nhận chức thánh một người có đủ điều kiện theo Giáo Luật (GL 1026).

Trong Giáo Hội Latinh, trừ các phó tế vĩnh viễn, mọi thừa tác viên có chức thánh thường được tuyển chọn từ những người nam sống độc thân và có ý giữ độc thân vì Nước Trời. Còn trong Giáo Hội Đông phương: chỉ những người độc thân mới được chọn làm giám mục, còn các linh mục và phó tế có thể được tuyển chọn trong những người đã lập gia đình. Tuy nhiên ở Đông cũng như Tây phương, một khi đã lãnh nhận chức thánh người ta không được phép lập gia đình nữa (CG 1579-1580).

Giáo Hội phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi tuyển chọn một người lãnh nhận chức thánh. Chỉ nên cho tiến chức những người có đức tin tinh tuyền, chí hướng ngay thẳng, kiến thức đầy đủ, danh thơm tiếng tốt, tác phong đoan chính, nhân đức đã được thử luyện và những đức tính khác về thể lý và tâm lý tương ứng với chức thánh sẽ lãnh nhận (GL 1029). Mọi kitô hữu khi biết các ngăn trở lãnh chức thánh có bốn phận phải trình lên Bản Quyền hay cha sở trước ngày phong chức (GL 1043).

## Chương V : Bí tích Hôn Phối

### I. Dẫn nhập

#### 1. Tình yêu nhân loại phản ánh tình yêu Thiên Chúa

Hôn nhân là một định chế lâu đời của nhân loại; ngay trong những trang đầu của Kinh Thánh chúng ta thấy Thiên Chúa chúc phúc cho đời sống hôn nhân và sự hiện diện người nam và người nữ là do ý định nhiệm mầu của Người: *"Đức Chúa là Thiên Chúa phán : "Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó. Đức Chúa là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì : hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế. Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng. Đức Chúa là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thể vào. Đức Chúa là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người. Con người nói: "Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi ! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra." Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt" (St 2,18-24).*

Quả thật tình yêu Thiên Chúa biểu hiện cách diệu kỳ khi người nam và người nữ gặp nhau ngay từ nguyên thủy, cuộc gặp gỡ của những con người hữu hình vén mở chân dung của Đấng Sáng tạo vô hình, hay nói cách khác,

khi Thiên Chúa sáng tạo nên con người cả nam lẫn nữ theo hình ảnh Người: "Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ" (St 1,27), thì tình yêu của họ, những con người cụ thể, sẽ biểu lộ tình yêu của Đấng sáng tạo ra họ, Đấng vô hình. Như thế, hình ảnh rõ nét nhất của người nam và nữ, họ là những hình ảnh của Thiên Chúa, sẽ được diễn tả đúng nghĩa trong đời sống vợ chồng. Như vậy người ta có thể nói, bí tích hôn nhân là một thực tại nhân loại cụ thể (réalité humaine) loan báo tình yêu vô hình thiên Chúa.

Ngày nay người ta nói về hôn nhân trong nhiều lãnh vực: xã hội, tâm lý, thống kê, văn hoá, giải trí...nhưng khi Giáo Hội bàn về hôn nhân thì trước hết đó là một bí tích trong bảy bí tích kitô giáo. Giáo Hội không sáng chế ra hôn nhân, hôn nhân có trước Giáo Hội và đã có ngay khi con người xuất hiện trên mặt địa cầu; nhưng Giáo Hội kính trọng hôn nhân và nhìn nhận hôn nhân kitô giáo là bí tích, diễn tả tình yêu Đức Kitô đối với Giáo Hội. Các kitô hữu ban đầu cũng kết hôn như những người đương thời, không có nghi thức gì đặc biệt; nhưng họ lại ý thức rõ tầm quan trọng của hôn nhân, và lấy chính mẫu gương Đức Kitô để soi sáng cho hôn nhân của họ: "Vì lòng kính sợ Đức Kitô, anh em hãy từng phục lẫn nhau. Người làm vợ hãy từng phục chồng như từng phục Chúa, vì chồng là đầu của vợ cũng như Đức Kitô là đầu của Hội Thánh, chính Người là Đấng cứu chuộc Hội Thánh, thân thể của Người. Và như Hội Thánh từng phục Đức Kitô thế nào, thì vợ cũng phải từng phục chồng trong mọi sự như vậy. Người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Kitô yêu thương

Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh; như vậy, Người thánh hoá và thanh tẩy Hội Thánh bằng nước và lời hằng sống, để trước mặt Người, có một Hội Thánh xinh đẹp lộng lẫy, không tỳ ố, không vết nhơ hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, nhưng thánh thiện và tinh tuyền. Cũng thế, chồng phải yêu vợ như yêu chính thân thể mình. Yêu vợ là yêu chính mình. Quả vậy, có ai ghét thân xác mình bao giờ; trái lại, người ta nuôi nấng và chăm sóc thân xác mình, cũng như Đức Kitô nuôi nấng và chăm sóc Hội Thánh, vì chúng ta là bộ phận trong thân thể của Người. Sách Thánh có lời chép rằng : Chính vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mầu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội Thánh. Vậy mỗi người trong anh em hãy yêu vợ như chính mình, còn vợ thì hãy kính sợ chồng" (Ep 5, 21-33)

Các kitô hữu đã lấy tình yêu Đức Kitô đối với Giáo Hội như là chuẩn mực của tình yêu vợ chồng. Tuy nhiên, tình yêu này đã được biểu lộ trong thời Cựu Ước qua tình yêu Thiên Chúa đối với Israel. Quả thật, hình ảnh Thiên Chúa trong Cựu Ước khác xa cách suy nghĩ của con người suy luận hiện đại, của những từ ngữ triết học. Người là Đấng gần gũi, Đấng sống động...kinh nghiệm về Người là kinh nghiệm về một Đấng sống động, người ta sẽ không nói về Người cho bằng sống với Người và nếu người ta có nói về Người thì đó là kinh nghiệm sống của một tương quan. Tương quan này được diễn tả rõ nét trong tương quan gia đình, và đây được gọi là "thực tại bí tích" (réalité sacramentelle), nghĩa là những thực tại trong đời sống gia đình sẽ giúp con người khám phá ra các mầu nhiệm



Thiên Chúa và tình yêu của Người đối với chúng ta. Như thế các thực tại trong tương quan đời sống gia đình trở nên chứng từ hữu hình cho tình yêu của Đấng vô hình, là cách thức giúp con người cảm nhận tình yêu Thiên Chúa.

Dưới cái nhìn này, Cựu Ước thường trình bày tương quan tình yêu Thiên Chúa đối với dân Israel bằng các cách diễn tả tình nghĩa vợ chồng, tính nhất phu nhất phụ và bất khả phân ly của đời sống hôn nhân. Sách Rút và Tobia đã nêu lên những chứng từ thuyết phục về ý nghĩa cao quý của hôn nhân, của lòng chung thủy và sự âu yếm của vợ chồng; cũng như các hình ảnh trong sách Diễm Ca diễn tả tình yêu con người theo nghĩa phản ánh tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu mãnh liệt như sự chết mà thác lũ không dập tắt được (CG 1611):

*Xin đặt em như chiếc ấn trên trái tim anh,  
như chiếc ấn trên cánh tay anh.*

*Phải, tình yêu mãnh liệt như tử thần,  
cơn đam mê dữ dội như âm phủ.*

*Lửa tình là ngọn lửa bùng cháy,  
một ngọn lửa thần thiêng.*

*Nước lũ không dập tắt nổi tình yêu,  
sóng cồn chẳng tài nào vùi lấp.*

*Ai đem hết gia tài sự nghiệp mà đổi lấy tình yêu,  
ắt sẽ bị người đời khinh dể. (Dc 8,6-7)*

## 2. Tình yêu và giao ước

Trong tình yêu hôn nhân người ta khám phá giá trị của giao ước như nền tảng để kiến tạo hạnh phúc gia đình. Thật vậy, truyền thống Kinh Thánh luôn nhấn mạnh đến giao ước khi nói về tình yêu: Thiên Chúa yêu dân Người nên ký giao ước với họ, giao ước này không chỉ được thực

hiện trong một giai đoạn nhất định của lịch sử Israel (chẳng hạn giao ước Sinai) nhưng là cả một quá trình sống. Người ta không thể cô đọng ý nghĩa giao ước chỉ trong chính biến cố thiết lập giao ước, nhưng phải khám phá ý nghĩa này trong suốt bề dày tương quan giữa hay chủ thể: trước khi giao ước được thiết lập, sự kiện thiết lập giao ước và chứng từ sống sau khi đã có giao ước. Vì vậy sẽ thật thiếu sót khi chỉ cô đọng giao ước giữa Thiên Chúa với dân Người chỉ trong vài đoạn Kinh Thánh, hay chỉ ở những đoạn nói cách rõ ràng chính sự kiện thiết lập giao ước. Người ta phải đọc tất cả Kinh Thánh! và phải nối kết các biến cố trong lịch sử của Israel, bởi vì lịch sử Israel đích thực là lịch sử của một Giao Ước.

Trong mọi giao ước người ta đòi phải có các bên đối tác, ở đó họ cùng ký kết một điều ưng thuận và quyết tâm dẫn thân cho điều đã ký kết. Trong hôn nhân cũng vậy, hai người nam và nữ ký kết ước sống chung và họ quyết tâm dẫn thân để làm triển nở giao ước này. Trung thành (fidélité) và hỗ trợ lẫn nhau (réciprocité) là hai đặc tính căn bản của mọi giao ước, nhất là trong giao ước hôn nhân.

- **Trung Thành:** Mẫu mực về sự trung thành trong giao ước được tìm thấy rõ nét trong cách Thiên Chúa cư xử với Israel. Dân đã bất tín và phản bội Chúa, họ chạy theo các thần ngoại, họ đã du nhập các thói xấu chống lại Thiên Chúa, họ không muốn nghe lời Người và họ đã thách thức Chúa. Nhưng chính trong lúc họ bất tín là lúc họ khám phá một khía cạnh khác của tình yêu giao ước: ơn tha thứ. Thiên Chúa của giao ước cũng là Thiên Chúa của ơn tha thứ, Thiên Chúa của chạnh lòng

thương. Thiên Chúa minh chứng cho con người thấy rằng: khi càng trung thành thì người ta càng dễ dàng tha thứ, tha thứ là thước đo của tình yêu chung thủy, nhưng đó cũng là thách thức lớn nhất khi con người phản bội giao ước.

Trong hôn nhân cả hai khía cạnh trung thành và tha thứ quện chặt lấy nhau, tất cả hai cùng chung một nguồn gốc và một mục đích. Nếu người này tha thứ cho người kia bởi vì họ biết giới hạn của nhau, bởi vì hôm nay tôi tha thứ ngày mai người khác tha thứ cho tôi.

- **Hỗ trợ lẫn nhau:** Trong giao ước hôn nhân sự hỗ trợ giữa vợ chồng phát xuất từ thái độ tôn trọng lẫn nhau. Thiên Chúa dù là Đấng Sáng tạo, Chủ Tể muôn loài, một khi đã giao ước với con người, Ngài đã tôn trọng họ đến cùng, Ngài cư xử với họ không như người có quyền, không như người đứng trên ra lệnh, không như ông chủ với người làm công. Ngài đã tôn trọng con người ngay cả những giới hạn của họ. Thái độ tôn trọng giúp người ta hiểu nhau và đón nhận nhau trong sự khác biệt. Đây cũng chính là giáo huấn mà thánh Phaolô đã huấn dụ các kitô hữu ban đầu: "*Chồng hãy làm tròn bốn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền trên thân xác mình, nhưng là chồng; cũng vậy, chồng không có quyền trên thân xác mình, nhưng là vợ*" (1Cr 7,3-4). Khi chồng không sống cho riêng mình, và vợ cũng vậy, thì quyền lợi và trách nhiệm của cả hai người là mẫu số chung trong giao ước và hạnh phúc hôn nhân.

### 3. Hôn nhân và độc thân

Con người mang tính xã hội, đời sống của họ diễn tả các mối tương quan gắn bó với một cộng đoàn. Phủ nhận các tương quan của con người là phủ nhận đặc tính làm nên giá trị nhân loại; khước từ dần thân, đắm chìm trong thế giới cá nhân biệt lập; loại trừ tương giao với người khác là tự từ chối chính mình, tự đào thải mình khỏi thế giới nhân loại, và theo kiểu nói của Kinh Thánh, đó là cách trốn chạy thế giới, ích kỷ lo cho mình...hậu quả sẽ là mất đi tất cả: "*Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm được mạng sống ấy*" (Mt 16,25).

Người ta có thể hiểu tính xã hội của con người được diễn tả cụ thể trong đời sống gia đình. Vậy phải chăng những người sống độc thân là những người trốn chạy thế giới, hoặc họ sợ trách nhiệm, hay ích kỷ chỉ biết lo mình...có thể có! nhưng không phải tất cả. Chúa Giêsu cho chúng ta thấy rõ cách sống độc thân này có nhiều lý do: "*Quả vậy, có những người không kết hôn vì từ khi lọt lòng mẹ, họ đã không có khả năng; có những người không thể kết hôn vì bị người ta hoạn; lại có những người tự ý không kết hôn vì Nước Trời*" (Mt 19,12). Vì thế, một người không kết hôn, không đương nhiên họ phủ nhận các tương quan con người.

Trong mọi thời, nhân loại có biết bao người dần thân cho sự thăng tiến con người, đã chấp nhận không kết hôn để phục vụ tốt hơn. Đó cũng là một trong những lý do của sự độc thân vì Nước Trời trong Kitô giáo. Vì thế chúng ta

cần nhận định một số cách sống trong Giáo Hội khi so sánh với đời sống hôn nhân:

**- Hôn nhân và đời thánh hiến:**

Trong lịch sử Giáo Hội đã có lúc người ta xem đời thánh hiến cũng là một trong số các bí tích; cách nhìn này không phải là vô căn cứ, bởi vì người ta cho rằng có hai cách sống Giao Ước: đời hôn nhân và đời thánh hiến, cả hai cùng quan trọng như nhau, cả hai đều là bí tích của Giao Ước, cả hai bổ túc lẫn nhau; do đó không được phép đề cao đời sống này mà khinh miệt đời sống kia, hoặc hạ thấp giá trị của đời sống này mà nâng cao giá trị của đời sống khác.

Thế rồi, đến một giai đoạn người ta đề cao đời thánh hiến lên trên đời hôn nhân, thậm chí dạy điều đó trong lớp giáo lý như chúng ta đã thấy. Ngày nay Giáo lý của Hội Thánh dạy rằng: *"Bí tích hôn nhân và đời sống thánh hiến vì Nước Trời đều phát xuất từ Đức Kitô. Người đem lại cho hai lối sống này ý nghĩa và ban ân sủng cần thiết, để ở bậc nào người ta cũng có thể sống đúng theo thánh ý Người. Vừa phải đề cao đời sống thánh hiến vì Nước Trời, vừa phải tôn trọng hôn nhân công giáo. Chẳng vậy, chúng ta sẽ không hiểu được ý nghĩa và giá trị của cả hai, như lời thánh Gioan Kim khẩu dạy: nếu hạ giá hôn nhân, thì đồng thời hạ giá đức khiết tịnh, nếu hôn nhân được ca ngợi thì đức khiết tịnh cũng được đề cao...điều gì chỉ tốt khi so sánh với điều xấu thì chưa phải là tốt thật, nhưng nếu tốt hơn những điều được công nhận là tốt, thì mới là điều tuyệt hảo"* (CG 1620).

Vì vậy cái nhìn mới về đời thánh hiến và đời hôn nhân đòi chúng ta phải hiểu đúng mức về giá trị của chúng: cả hai đời sống làm phong phú và bổ túc lẫn nhau; cả hai đều nói lên việc tận hiến và cho đi theo cách thức riêng của mình; cả hai đều là nguồn cội của sự phong phú trong đời sống nhân loại; cả hai đòi hỏi một sự trung thành như nhau và cả hai đều có niềm vui, nỗi buồn, thành công hay thất bại...Không có đời sống nào đứng trên hay để dãi hơn đời sống nào. Mỗi đời sống là lời mời gọi của Chúa để làm chứng cho tình yêu của Ngài đối với nhân loại.

**- Độc thân tự nguyện:**

Trong xã hội hiện đại có nhiều người sống độc thân, nhưng lý do việc chọn lựa này không hoàn toàn giống nhau: có người danh nghĩa sống độc thân nhưng thực chất họ không thể sống một mình, họ sống với nhiều người nhưng không chọn ai để sống suốt đời! họ là những người độc thân trên giấy tờ, còn thực tế thì hoàn toàn khác. Có người chọn sống độc thân để dễ dàng và không bị ràng buộc khi theo đuổi một nghề nghiệp hay miệt mài trong những tìm tòi khoa học của mình. Có người chọn sống độc thân để có thể phục vụ tốt cho một lý tưởng, một cộng đoàn, một dân tộc...cũng có người chọn sống độc thân vừa để phục vụ con người tốt hơn vừa để làm chứng cho Tin Mừng Nước Thiên Chúa, người ta gọi họ là những người độc thân vì Nước Trời.

**- Thất bại trong hôn nhân:**

Nếu những người sống độc thân vì Nước Trời làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, thì những người sống đời hôn nhân cũng vậy. Tuy nhiên, mọi người phải ý thức rằng

ình yêu không loại trừ đau khổ, và chính đau khổ sẽ thanh luyện tình yêu. Vì thế các thất bại trong tình yêu hôn nhân đôi khi là thử thách cho họ, nhưng cũng là cơ hội để tình yêu của họ trong sáng và trung thủy hơn. Kitô giáo không ảo tưởng về tình yêu hôn nhân khi chỉ tô hồng tình yêu này, nhưng đem lại cho hôn nhân ý nghĩa đích thực: nếu trong hôn nhân đôi khi có thất bại thì đó là vì con người có những giới hạn. Giới hạn thuộc về bản tính con người, chấp nhận nhau cũng có nghĩa chấp nhận giới hạn của nhau; tuy nhiên trong đức tin và lòng mến, người ta sẽ dễ dàng đón nhận giới hạn của nhau để biểu lộ tình yêu và vượt qua các thử thách.

## II. Lịch sử bí tích hôn phối

- **Thời kỳ đầu của Giáo Hội:** ngày nay người Kitô hữu xác tín bí tích hôn nhân do Đức Kitô thiết lập, nhưng phải hiểu xác tín này theo nghĩa nào? Người ta không tìm thấy các trình thuật Tân Ước kể việc Chúa Giêsu thiết lập bí tích hôn nhân theo cách thức như Chúa đã làm khi thiết lập bí tích Thánh Thể, Ngài không xác định phải làm sao, đọc những gì hay dùng các biểu tượng nào khi cử hành bí tích hôn nhân; nhưng Ngài đã mang cho hôn nhân ý nghĩa và giá trị mới mà tự nó không thể có được. Chính thánh Phaolô đã cắt nghĩa mình nhiên ý nghĩa này: *"Người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Ki-tô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh... Chính vì thế, người đàn ông sẽ lià cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mẫu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Ki-tô và Hội Thánh"* (Ep 5, 25-32).

- **Cho đến thế kỷ thứ 3,** hôn nhân Kitô giáo không có gì đặc biệt so với hôn nhân của người ngoài, chẳng hạn các cuộc hôn nhân vừa mang tính pháp lý đòi hỏi sự ưng thuận của vợ và chồng, vừa có các nghi thức theo quy định của xã hội như khăn phủ đầu của cô dâu, đoàn rước dâu, bữa tiệc cưới... Tuy nhiên các tín hữu ban đầu đã mang cho các nghi thức này ý nghĩa Kitô giáo, đồng thời họ tránh các đám tiệc linh đình theo kiểu cúng tế ngoại giáo. Một số nơi trong Giáo Hội đòi buộc phải có phép của giám mục trong những trường hợp đặc biệt như: hôn nhân giữa những người Kitô hữu với người ngoại giáo; hôn nhân của hàng giáo sĩ...

- **Từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ 11:** hôn nhân Kitô giáo vẫn còn chịu ảnh hưởng của các nghi thức xã hội, tuy nhiên Giáo Hội đã thêm vào các nghi thức này lời chúc lành cho đôi tân hôn, chẳng hạn tại Roma và Milan, người ta đọc lời chúc lành cho đôi tân hôn khi chú rể mở khăn che mặt cho cô dâu; còn tại Đông Phương thì lời chúc lành lại đọc khi chú rể đội vương miện cho vợ mình; nhưng ở xứ Gaule và Tây Ban Nha thì người ta lại đọc lời chúc lành khi đôi vợ chồng mới bước vào phòng cưới.

Lời chúc lành ban đầu được đọc trong các cử hành hôn phối của những người thuộc hàng giáo sĩ và vào các dịp kỷ niệm của gia đình họ, thế rồi lời chúc lành cũng được đọc trên con cái của những người này. Dần dần, những lời này cũng được đọc trong các lễ cưới của những Kitô hữu không thuộc hàng giáo sĩ; và để cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa hôn nhân Kitô giáo với bí tích Thánh Thể, người ta đưa lời chúc lành này vào trong cử hành thánh lễ. Hiện nay Giáo Hội còn lưu giữ những

chứng từ cổ xưa về các lời chúc hôn vào thế kỷ thứ 4, chẳng hạn: lời chúc hôn cho một gia đình mới mà người chồng là Julien, con trai của giám mục Benevent, người chồng này sau đó làm giám mục Eclane; cưới người vợ là con gái của giám mục Capoue!

- **Đến thời Trung Cổ:** chiến tranh và loạn lạc làm cho đời sống xã hội bị xáo trộn, lúc đó quyền lợi của phụ nữ bị chà đạp và nhiều người mất tự do khi chọn bạn đời trong cuộc sống hôn nhân. Giáo Hội lúc này trở nên người bênh vực quyền lợi phụ nữ, và việc đòi hỏi tự do ưng thuận khi kết hôn trở thành phương thế bảo vệ quyền lợi của họ. Linh mục vào thời này có thể giá cả phần đời lẫn phần đạo, lời chứng hôn của linh mục vừa có giá trị tôn giáo vừa bảo đảm về mặt xã hội, và cử hành hôn phối trước mặt linh mục được xem như hoàn tất thủ tục kết hôn cả mặt đạo lẫn mặt đời! Vì thế ban đầu lời ưng thuận của đôi tân hôn được trao đổi tại gia đình, nhưng sau được dời đến nhà thờ trước sự chứng kiến của linh mục. Khi cử hành hôn phối, đôi vợ chồng mới chưa bước vào nhà thờ ngay, họ sẽ trao đổi lời ưng thuận trước mặt linh mục, sau đó vị này sẽ mời họ vào nhà thờ rồi cử hành thánh lễ trong đó ngài sẽ đọc lời chúc hôn cho họ. Trong thời kỳ này, các nhà thần học và giáo luật tranh luận sôi nổi về tính bí tích của hôn nhân, và vào khoảng thế kỷ 12, hầu như đa số dân kitô giáo thừa nhận hôn nhân là một bí tích.

- **Đến Công Đồng Trentô** (tk 16): chỉ vào năm 1563 mà chúng ta được biết Công Đồng Trentô chỉ thị bắt buộc phải cử hành hôn phối trước mặt cha sở; chỉ có cha sở mới đủ tư cách pháp nhân chứng nhận hôn phối của hai người kitô hữu. Đây là lần đầu tiên, Giáo Hội quy định các thể

thức và nghi lễ riêng cho cử hành hôn phối, trong đó nghi thức chính yếu là lời ưng thuận của đôi tân hôn.

Công Đồng Vatican II khi cải tổ phụng vụ vẫn giữ những điểm chính trong nghi thức hôn phối của Công Đồng Trentô: lời ưng thuận của vợ chồng trước mặt cha sở làm nên tính thành sự của bí tích "*Hôn phối chỉ hữu hiệu nếu được kết lập trước mặt Bản quyền sở tại hoặc cha sở, hoặc một tư tế hay phó tế được các vị ấy uỷ nhiệm chứng hôn, và trước mặt hai nhân chứng...*" (GL 1108). Công Đồng cũng dự trù những phân thích nghi của các nền văn hoá trong nghi thức hôn phối.

### III. Nghi thức hôn phối hiện nay

#### 1. Nguyên tắc tổng quát

- Sau các quyết định cải tổ phụng vụ của Công Đồng, nghi thức cử hành hôn phối được công bố vào 19/3/1969, đây là cuốn Nghi thức được công bố đầu tiên trong số các nghi thức bí tích cần được canh tân sau Công Đồng Vatican II. Thực ra, ngay trong bản văn mẫu bằng la ngữ, nghi thức này được đặt trong nhiều sách phụng vụ khác nhau như: *Missale Romanum; Ordo celebrandi Matrimonium; Lectionarium III*. Tuy nhiên người ta sẽ tìm thấy những chỉ dẫn cụ thể về giáo lý và các nghi thức trong các trường hợp khác nhau của đôi tân hôn trong cuốn *Ordo Celebrandi Matrimonium*, mà bản văn việt ngữ đặt nghi thức này trong *Sách Bài Đọc Mùa vọng và Mùa Giáng Sinh*, do Ủy Ban Phụng Tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam phát hành năm 1969. Trong cuốn *Ordo* (Nghi Thức) này, Giáo Hội trình bày

tầm quan trọng và phẩm giá của đời sống hôn nhân trong chương trình của Thiên Chúa. Người ta tìm thấy ở đây các bản văn nền tảng về giá trị hôn nhân trong các văn kiện của Công Đồng Vatican II, ngoài ra còn nhiều chỉ dẫn mục vụ nhằm giúp việc chuẩn bị hôn nhân cho các gia đình mới.

- Vì các đôi tân hôn không phải lúc nào cũng là người công giáo, do đó Sách Nghi Thức Hôn Phối cũng dự trù các cử hành khác nhau trong những trường hợp sau đây:
  - + Nếu hôn phối được cử hành giữa hai người công giáo, thì nên cử hành trong thánh lễ để đôi hôn phối bày tỏ sự ưng thuận hiến thân cho nhau bằng việc liên kết với Đức Kitô hiến thân cho Hội Thánh, điều được hiện tại hoá trong thánh lễ, và bằng việc rước lễ, để nhờ kết hiệp với Mình và Máu Đức Kitô, họ trở nên một thân thể trong Người. Vì thế đôi tân hôn nên lãnh bí tích giao hoà trước khi cử hành bí tích hôn phối, để họ xứng đáng lãnh nhận hiệu quả của bí tích họ sắp cử hành (CG 1621-1622).
  - + Nếu hôn phối được cử hành giữa một bên công giáo và một bên đã chịu thánh tẩy nhưng không công giáo, thì phải dùng nghi thức hôn phối được cử hành ngoài thánh lễ. Trong trường hợp đặc biệt, nếu Bản Quyền địa phương cho phép, có thể cử hành nghi thức hôn phối trong thánh lễ, nhưng bên không công giáo không được phép rước lễ (HP 8)
  - + Nếu hôn phối được cử hành giữa một bên công giáo và một bên chưa chịu thánh tẩy, thì phải dùng nghi thức ngoài thánh lễ (HP 8).

## 2. Cử hành nghi thức hôn phối

### a/ Cử hành Nghi thức hôn phối trong thánh lễ.

- Quả thật bí tích hôn phối là dấu chỉ của tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, vì thế khi cử hành bí tích này trong thánh lễ sẽ nói lên đầy đủ ý nghĩa của tình yêu tự hiến mà vợ chồng trao cho nhau, theo gương Chúa Kitô, Đấng tự hiến cho Hội Thánh. Khi cử hành Nghi thức hôn phối trong thánh lễ phải theo các quy luật phụng vụ sau đây:
  - + **Không được phép** cử hành thánh lễ hôn phối trong những ngày sau: Các lễ trọng buộc cũng như không buộc, các chúa nhật Mùa vọng, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, Lễ Tro và các ngày trong Tuần Thánh, Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời ( 2/11 ), Các ngày trong Tuần Bát Nhật Lễ Phục Sinh. Khi gặp những ngày này, buộc phải cử hành bản văn phụng vụ và đọc tất cả các bài Sách Thánh của ngày lễ hôm đó. Tuy nhiên vẫn đọc lời chúc hôn sau kinh Lạy Cha và lời chúc lành riêng cho họ vào cuối lễ ( RM 845-858 ).
  - + **Có thể** cử hành thánh lễ hôn phối khi trùng với các chúa nhật Mùa Giáng Sinh và Mùa Thường Niên, **với điều kiện:** Nếu thánh lễ chúa nhật đó có cộng đồng giáo xứ tham dự, thì cử hành bản văn phụng vụ của lễ chúa nhật, nhưng trong số các bài đọc có thể đọc một bài về hôn phối. Nếu thánh lễ chúa nhật này không có cộng đồng giáo xứ tham dự, nghĩa là chỉ có những người thuộc gia đình hôn lễ, thì được phép cử hành toàn bộ bản văn và bài đọc của thánh lễ hôn phối.

- Trong cử hành phải làm nổi bật những yếu tố chính của nghi thức hôn phối:

- 1/ Phụng vụ Lời Chúa: nói lên vị trí của hôn nhân trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa, và trách nhiệm của vợ chồng trong gia đình mới,
- 2/ Lời ưng thuận của đôi tân hôn trước mặt chủ tế: đây là đòi hỏi bắt buộc trong mọi cử hành hôn phối, vì nó diễn tả đúng nghĩa sự tự do trong hôn nhân kitô giáo, và là nền tảng cho tính thành sự của bí tích,
- 3/ Lời chúc hôn của vị chủ tế: để xin Thiên Chúa chúc phúc cho giao ước hôn nhân vừa được ký kết
- 4/ Việc rước lễ: nói lên sự hiệp thông trọn vẹn với Chúa, và nhờ đó tình yêu vợ chồng được nuôi dưỡng và phát triển.

- Cử hành nghi thức hôn phối trong thánh lễ sẽ theo các tiến trình sau đây:

- **Đón tiếp:** vị chủ tế tiến ra cửa nhà thờ chào đôi tân hôn rồi mời họ và gia đình họ vào nhà thờ. Thứ tự đoàn rước: giúp lễ, chủ tế, đôi tân hôn, gia đình thân nhân và hai nhân chứng. Nếu thấy bất tiện có thể bỏ nghi thức đón tiếp mà bắt đầu cử hành thánh lễ như thường lệ.
- **Phụng vụ Lời Chúa** theo vị trí ưu tiên của ngày lễ mừng hay mùa phụng vụ đòi hỏi.
- **Nghi thức bí tích hôn phối:** được cử hành ngay sau bài giảng "Theo truyền thống Latinh, chính đôi hôn phối là thừa tác viên ân sủng của Đức Kitô, họ ban bí tích hôn phối cho nhau khi bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước mặt Hội Thánh" (CG 1623). Vị chủ tế có thể thích nghi các câu hỏi để đôi tân hôn trả lời trước mặt cộng đoàn; nhưng buộc mọi vị chủ sự phải

yêu cầu đôi bên nói lên sự ưng thuận và tiếp nhận lời ưng thuận đó (HP 14). Việc làm phép và trao nhẫn cưới không thuộc bản chất của bí tích hôn phối, Hội Đồng Giám Mục có thể thích nghi theo văn hoá địa phương (HP 15). Do đó không được phép bỏ phần tuyên bố ưng thuận của đôi tân hôn mà chỉ giữ lại việc trao nhẫn cưới như là yếu tố chính yếu của cử hành!

- **Phụng vụ Thánh Thể:** sau kinh Lạy Cha, dù cử hành hôn phối trong bất cứ thánh lễ nào vẫn luôn đọc lời cầu nguyện cho đôi tân hôn (HP 11).
- **Phép lành trên đôi tân hôn:** nếu cử hành hôn phối trong thánh lễ hôn phối vị chủ tế sẽ đọc lời chúc lành trọng thể trên đôi tân hôn; nếu cử hành hôn phối trong các chúa nhật và lễ buộc, thì ngài sẽ tùy nghi đọc lời chúc lành đặc biệt cuối lễ (HP 11).

#### *6/ Cử hành nghi thức hôn phối ngoài thánh lễ.*

Cử hành nghi thức hôn phối ngoài thánh lễ được áp dụng trong trường hợp hôn nhân giữa một bên công giáo và một bên đã chịu thánh tẩy nhưng không phải là công giáo.

Nghi thức gồm: đón tiếp, phụng vụ Lời Chúa, nghi thức hôn phối và phần kết thúc.

- **Đón tiếp:** vị chủ tế có thể đón tiếp đôi tân hôn tại cửa nhà thờ, nhưng khi có lý do chính đáng, vẫn có thể bỏ phần này mà bắt đầu ngay phụng vụ Lời Chúa.
- **Phụng vụ Lời Chúa:** có thể lấy các bài đọc Kinh Thánh trong thánh lễ hôn phối. Chủ tế cần lưu ý đến những người tham dự không phải tất cả là công giáo, vì thế ngài cần trình bày sáng tỏ ý nghĩa hôn nhân công giáo để họ có cái nhìn chính xác về giáo lý của Hội Thánh.

*Phụng vụ các bí tích*

- **Nghi thức hôn phối:** bản văn và nghi thức giống như khi cử hành hôn phối trong thánh lễ; vẫn luôn đòi buộc đôi tân hôn phải nói lời ưng thuận trước mặt chủ tế. Nếu có nhiều đôi tân hôn cùng cử hành trong một nghi thức, thì các câu hỏi, câu trả lời, lời ưng thuận phải cử hành cho từng đôi. Các lời nguyện hay lời chúc lành chỉ cần đọc một lần ở số nhiều là đủ.
- **Nghi thức kết thúc:** Nếu cần thiết phải cho rước lễ, thì sau nghi thức hôn phối chủ tế mời mọi người đọc kinh *Lạy Cha*, rồi ngài đưa MTC cho những người công giáo có đủ điều kiện, những người đã chịu thánh tẩy nhưng không phải công giáo hay những người chưa chịu thánh tẩy không được rước lễ. Rước lễ xong, chủ sự đọc lời nguyện kết thúc và chúc lành cho đôi tân hôn như thường lệ.

*c/ Cử hành hôn phối giữa người công giáo và người không lãnh bí tích thánh tẩy.*

Có thể cử hành nghi thức này tại nhà thờ hay một nơi nào xứng hợp. Nghi thức gồm: đón tiếp, phụng vụ Lời Chúa, nghi thức hôn phối và phần kết thúc. Nghi thức đón tiếp và phụng vụ Lời Chúa cũng giống như khi cử hành hôn phối ngoài thánh lễ, tuy nhiên có thể đọc một bài Kinh Thánh trong phần phụng vụ Lời Chúa. Chủ tế nên cất nghĩa bài đọc Kinh Thánh cho mọi người tham dự, để diễn tả sự hiệp thông và ý nghĩa cử hành hôn phối trong kitô giáo. Nghi thức hôn phối cũng giống như khi cử hành cho đôi tân hôn là người công giáo, và luôn đòi buộc hai bên phải bày tỏ sự ưng thuận công khai trước mặt chủ tế và mọi người. Sau nghi thức hôn phối, nên có lời nguyện chung để cầu cho đôi tân hôn. Kết thúc cử hành là kinh *Lạy Cha* và lời chúc lành trên đôi tân hôn như thường lệ.

### 3. Người cử hành và người chứng giám

- Khác với các bí tích khác có sự phân biệt giữa thừa tác viên và người chịu bí tích, còn trong cử hành hôn phối đôi tân hôn vừa là người cử hành vừa là người lãnh nhận ân sủng của bí tích do họ cử hành. Sự hiện diện của linh mục hay các nhân chứng chỉ để xác nhận và chúc lành cho họ (CG 1623).
- Người cử hành trong hôn phối phải là người nam và người nữ, vì thế không thể chấp nhận hôn phối của những người cùng phái; đàng khác người nam và nữ phải bày tỏ công khai sự tự do ưng thuận kết hôn của mình (CG 1625). Sự tự do ưng thuận phải là hành vi ý chí của mỗi bên hôn phối, không bị cưỡng bức vì bạo lực hay quá sợ hãi do một nguyên do ngoại lai. Không có thể lực nhân loại nào có thể thay thế sự ưng thuận này. Thiếu sự tự do ưng thuận, hôn nhân không thành sự (CG 1628).
- Người nam và nữ cử hành hôn phối thông thường là hai người công giáo, nhưng cũng có khi một bên là công giáo, bên kia đã chịu thánh tẩy nhưng không công giáo; hoặc một bên là công giáo và một bên không chịu thánh tẩy, người ta gọi đó là hôn nhân hỗn hợp và hôn nhân khác đạo. Theo luật hiện hành trong Giáo Hội Latinh, hôn phối hỗn hợp chỉ hợp pháp khi có phép minh thị của Giáo Quyền, còn hôn phối khác đạo chỉ thành sự khi có phép chuẩn minh thị cũng của Đấng Bản Quyền này (CG 1635).
- Người chứng giám trong cử hành hôn phối gồm linh mục chủ tế (hay phó tế) và những người



làm chứng.  
 Sự hiện diện của những người này cho thấy hôn nhân là một bậc sống trong Giáo Hội, có nghĩa là vợ chồng có trách nhiệm với nhau và với con cái, và bí tích hôn phối là một hành vi phụng vụ do đó phải được cử hành trong nghi thức phụng vụ công khai của Giáo Hội; hơn nữa vì hôn nhân là bậc sống nên phải được bảo đảm qua các nhân chứng, và việc công khai bày tỏ sự ưng thuận sẽ bảo vệ các lời cam kết và giúp đôi vợ chồng sống chung thuỷ với nhau (CG 1630-1631).

- Đấng Bản quyền địa phương và cha sở khi không bị ngăn trở theo giáo luật sẽ chứng hôn thành sự trong khu vực mình chịu trách nhiệm, các hôn phối của những người thuộc quyền mình và cả những người không thuộc quyền mình nữa, miễn là một trong hai người thuộc nghi lễ latin (GL 1109).

## Chương VI: Những cử hành phụng vụ khác

### I. Á bí tích

#### 1. Định nghĩa:

Các á bí tích là những dấu chỉ thánh, được Giáo Hội thiết lập phỏng theo các bí tích, để nhờ đó biểu trưng những hiệu quả, nhất là những hiệu quả thiêng liêng, và thông ban các hiệu quả đó nhờ lời bầu cử của Hội Thánh. Các á bí tích giúp con người chuẩn bị lãnh nhận hiệu quả chính yếu của bí tích và thánh hoá những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống (PV 60; GL 1166-1167; CG 1667).

2. Các á bí tích bao gồm: các phép lành và việc trừ tà (CG 1671-1673).

*a. Các phép lành có liên quan đến người, nơi chốn và sự vật.*

- liên quan đến người: chúc phong viện phụ hay viện mẫu, thánh hiến trinh nữ, trao ban thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ, giáo lý viên....
- liên quan đến nơi chốn: cung hiến nhà thờ, làm phép nơi ở, văn phòng, đồng ruộng...
- liên quan đến sự vật: làm phép chén thánh, đồ dùng trong phụng vụ, ảnh tượng...

### *b. Việc trừ tà*

Là nghi thức phụng vụ được cử hành nhân danh Chúa Kitô, để xin Thiên Chúa bảo vệ người hay sự vật khỏi quyền lực của ác thần Satan và giải thoát khỏi ách thống trị của nó (CG 1673). Không ai được phép trừ tà nếu không do Đấng Bản Quyền uỷ nhiệm cách đặc biệt và rõ ràng. Người ta phải cẩn thận phân biệt trừ tà với việc chữa bệnh, nhất là các bệnh tâm thần; do đó trước khi cử hành nghi thức trừ tà, phải điều tra cẩn thận để chắc chắn đây là trường hợp quý ám chứ không phải một dạng bệnh lý (GL 1172; CG 1673)

### **3. Thừa tác viên và đặc điểm của cử hành các á bí tích**

**a. Thừa tác viên của á bí tích là giáo sĩ theo luật định,** và tùy theo chỉ dẫn của từng á bí tích và quyết định của Bản Quyền địa phương thì các giáo dân có tư cách xứng đáng cũng có thể ban một số á bí tích; tuy nhiên khi những người có chức thánh hiện diện như giám mục, linh mục, phó tế thì người giáo dân phải để những người này chủ sự (GL 1168; PL 18; CG 1669). Chỉ những người có chức giám mục hay các linh mục được luật cho phép hay được uỷ nhiệm hợp lệ mới được cử hành việc thánh hiến hay cung hiến; còn các linh mục có thể ban các phép lành, trừ những phép lành dành riêng cho Đức Thánh Cha hay cho các giám mục; các phó tế cũng có thể ban những phép lành mà giáo luật hay các sách phụng vụ quy định rõ trong từng nghi thức (GL 1169).

Các phép lành được ban trước tiên cho người công giáo cũng như cho cả người dự tòng; và được ban ngay cả cho người ngoài công giáo, trừ khi Giáo hội ngăn cấm cách rõ ràng (GL 1170). Các đồ vật một khi đã được làm phép hay cung hiến phải được xử dụng cách kính cẩn, tránh dùng vào việc phạm tục hay bất xứng (GL 1171).

### **b. Một số á bí tích và phép lành người giáo dân có thể cử hành:**

- Chúc lành cho gia đình (PL 44)
- Chúc lành cho đôi hôn phối nhân dịp kỷ niệm ngày thành hôn, và phải cử hành ngoài thánh lễ (PL 115)
- Chúc lành cho trẻ em (PL 136)
- Cha mẹ chúc lành cho con cái (PL 176)
- Cha mẹ chúc lành cho đôi nam nữ đính hôn (PL 197)
- Chúc lành cho cặp vợ chồng sắp sinh con (PL 217)
- Chúc lành nhân dịp sinh nhật của một người (PL 325)
- Chúc lành cho người đau bệnh (PL 378)
- Chúc lành cho người gặp cảnh khốn khó (PL 411)
- Chúc lành cho một buổi họp (PL 552)
- Làm phép nhà mới (PL 661)
- Làm phép các phương tiện giao thông và đường sá (PL 854)

- Làm phép thuyền bè (PL 880)
- Làm phép các dụng cụ làm việc (PL 901, 921)
- Làm phép các động vật (PL 943)
- Làm phép đồng ruộng (PL 968)
- Chúc lành cho thời tiết thuận hoà (PL 988)
- Chúc lành trước và sau bữa ăn (PL 1032)

Khi thiếu các thừa tác viên đọc sách và giúp lễ mà nhu cầu Giáo Hội đòi hỏi, thì mọi tín hữu có thể đọc Lời Chúa, chủ toạ các buổi cầu nguyện, cử hành bí tích thánh tẩy và cho rước lễ (GL 230/3; CN 30).

**c. Phó tế được ban một số phép lành theo luật phụng vụ quy định (GL 1169/3):**

- Chúc lành cho người hoạt động mục vụ (PL 1810)
- Chúc lành cho người giúp cử hành phụng vụ (PL 1851)
- Chúc lành cho thừa tác viên ngoại lệ trao MTC – với sự đồng ý của cha sở (PL 1873)
- Chúc lành cho các thành viên của các hiệp hội trong giáo xứ – với sự đồng ý của cha sở (PL 1917)
- Chúc lành cho các giáo lý viên (PL 492)
- Chúc lành cho các lớp giáo lý (PL 512)
- Chúc lành cho các giáo sư và sinh viên (PL 525)
- Chúc lành cho các hiệp hội thăng tiến công ích chung (PL 576)
- Chúc lành cho những người lữ khách (PL 594)
- Chúc lành cho khách du lịch (PL 619)

- Chúc lành chung trong những hoàn cảnh khác nhau (PL 1986)
  - Làm phép nhà mới (PL 475).
  - Làm phép chung cư mới (PL 643)
  - Làm phép trường học hay đại học (PL 726)
  - Làm phép thư viện (PL 751)
  - Làm phép bệnh viện (PL 784)
  - Làm phép văn phòng, cửa hàng, xí nghiệp (PL 801)
  - Làm phép trung tâm sinh hoạt văn hoá (PL 819)
  - Làm phép trung tâm thể thao (PL 836)
  - Làm phép các đồ dùng trong phụng vụ – cử hành nghi thức ngoài thánh lễ (PL 1073/HK1346)
  - Làm phép dâng thánh giá, nếu phó tế phụ trách thánh đường (PL 1097/HK 1400)
  - Làm phép chuỗi mân côi (PL 1185/HK 1465)
  - Làm phép các đồ vật do lòng sùng kính riêng. Ví dụ: dây đeo, mẫu ảnh, áo Đức Bà... (PL 1164/HK 1444)
  - Làm phép và xúc tro (PL 1659)
  - Chúc lành khi đi viếng nghĩa trang (PL 1737)
- d. Mọi linh mục đều có thể ban các phép lành trong sách Nghi thức "Các Phép Lành", trừ những phép lành dành riêng cho Đức Thánh Cha hay Giám Mục (GL 1169/2). Ngoài các á bí tích mà giáo dân và phó tế có thể cử hành, linh mục còn được phép cử hành các á bí tích sau:**

- Làm phép một cơ sở dòng tu (mọi linh mục khi được yêu cầu - PL 704)
- Làm phép một cơ sở của giáo xứ (thuộc thẩm quyền cha sở, nhưng bất cứ linh mục hay phó tế nào được uỷ nhiệm cũng có thể cử hành - PL 769)
- Làm phép nhà tạm, toà giảng, toà giải tội (PL 1152)
- Làm phép cửa nhà thờ (PL 1218)
- Làm phép đàn ống (PL 1326)
- Làm phép nghĩa trang (PL 1419)
- Chúc lành cho công nghị giáo xứ (PL 1899)
- Làm phép giếng rửa tội trong mùa Phục Sinh (GL 530/6)

**e. Các giám mục có thể cử hành mọi á bí tích** mà người giáo dân, phó tế và các linh mục có thể làm, tuy nhiên chỉ dành cho mình ngài một số á bí tích quan trọng, chẳng hạn: chúc phong viện phụ hay viện mẫu (GM 668-669, 695), thánh hiến trinh nữ (GM 720) - hai nghi thức này dành cho giám mục giáo phận hay vị giám mục khác được mời thay thế.

Giám mục giáo phận cũng là thừa tác viên thông thường ban các á bí tích khác như:

- Trao ban các tác vụ đọc sách và giúp lễ (GM 792)
- Cung hiến thánh đường và bàn thờ (GM 867)
- Đặt viên đá đầu tiên và khởi sự xây cất thánh đường (GM 842)
- Làm phép chuông (GM 1023)

- Làm phép nghĩa trang (GM 1056)
- Làm phép giếng thánh tẩy (PL 1087; GM 996)
- Chúc lành cho những người được sai đi rao giảng Tin Mừng (PL 453, 474)
- Làm phép chuông viện (PL 681)

*(Các nghi thức này Giám mục giáo phận có thể nhờ một giám mục hay linh mục cộng tác đặc biệt như: tổng đại diện, đại diện giám mục, giám đốc chuông viện, quản hạt, cha sở, tùy theo quy định của từng nghi thức mà cử hành thay ngài).*

Ngoài ra, mọi giám mục có thể ban các á bí tích sau:

- Làm phép đĩa và chén thánh (GM 985)
- Làm phép thánh giá với tượng Chúa để tôn kính công khai (GM 1012)
- Làm phép ảnh tượng Chúa, Đức Maria và các thánh để tôn kính công khai (PL 1261)
- Ban phép lành với MTC (GM 1106)
- Ban phép lành Toà Thánh (GM 1122)

*Tuy nhiên, các linh mục khi không bị luật cấm có thể cử hành các nghi thức này.*

#### **f. Đặc điểm của cử hành các á bí tích:**

Nghi thức cử hành một á bí tích thông thường gồm hai phần: phần đầu là công bố Lời Chúa gồm thánh ca, lời dẫn nhập, bài đọc Kinh Thánh và bài dẫn giải. Phần hai là công thức ban phép lành, tức lời cầu nguyện của Giáo Hội trên người và vật được chúc lành. Cũng có thể đọc lời nguyện chung trước khi đọc công thức ban phép lành (PL 20-24). Tuy nhiên, khi có lý do chính đáng, người ta

có thể cử hành một á bí tích theo nghi thức ngắn gọn, nghĩa là chỉ gồm một kinh nguyện để chúc lành, kèm theo thường là một dấu chỉ để xác định ý nghĩa như đặt tay, dấu thánh giá, rảy nước thánh, xông hương...(CG 1668).

## II. Một số á bí tích quan trọng

Trong đời sống phụng vụ hiện nay của Giáo Hội, một số á bí tích có vị trí quan trọng như khẩn dòng, cung hiến nhà thờ hoặc những á bí tích gắn liền với sinh hoạt của người tín hữu như các phép lành. Trong phạm vi giới hạn của bài viết, chúng ta sẽ tìm hiểu một vài á bí tích mà mọi người thường hay tham dự.

### 1. Nghi thức khẩn dòng và thánh hiến trinh nữ - liên quan đến người.

#### a. Ý nghĩa của nghi thức khẩn dòng và thánh hiến:

Giáo Hội luôn coi trọng đời sống thánh hiến như ân sủng cao quý Thiên Chúa ban cho nhân loại, nên ngay từ những thế kỷ đầu, việc thánh hiến những người dâng mình phục vụ Chúa và anh em đã được Giáo Hội quy định bằng những nghi thức trang nghiêm. Theo chỉ thị của Công Đồng Vatican II<sup>9</sup>, Bộ Phụng Tự đã công bố hai bản văn liên quan đến phụng vụ đời sống tu trì: *Nghi Thức Khẩn Dòng* được công bố vào ngày 2/2/1970 và *Nghi Thức Thánh Hiến Trinh Nữ* ngày 31/5/1970.

### b. Nghi thức khẩn dòng:

Nghi thức này được áp dụng chung cho cả dòng nam và dòng nữ. Nghi thức gồm ba giai đoạn chính yếu: nghi thức gia nhập dòng tu, nghi thức tuyên khẩn lần đầu, và nghi thức khẩn trọn đời. Ngoài ra tùy theo Hiến Pháp của mỗi Hội Dòng còn có những lần tuyên khẩn lại trong suốt đời sống tu trì.

#### - Nghi thức gia nhập dòng tu:

Vì đây chỉ là nghi thức khởi đầu cho một tiến trình tìm hiểu ơn gọi, do đó phải được cử hành đơn giản và chỉ dành cho anh chị em trong cộng đoàn dòng tu chứ không được tổ chức long trọng như ngày tuyên khẩn trọn đời; người ta cũng không được phép cử hành nghi thức này trong thánh lễ<sup>10</sup>. Nơi cử hành có thể là trong phòng hội hay tại nhà thờ. Vị chủ tọa nghi thức là Bề trên dòng tu (KD 6). Nghi thức gồm: thánh ca mở đầu, lời chào của bề trên, lời thỉnh cầu được thử sống đời tu của các ứng viên, lời nguyện của vị chủ tọa, phụng vụ Lời Chúa, lời nguyện chung, kinh Lạy Cha và lời nguyện kết thúc.

#### - Nghi thức tuyên khẩn lần đầu (khẩn tạm):

Sau thời gian tập tu, các tập sinh được tuyên khẩn tạm thời trước mặt Thiên Chúa và Hội Thánh, họ sẽ tuyên hứa giữ các lời khuyên Phúc Âm. Có thể cử hành nghi thức trong thánh lễ, nhưng không được làm cách long trọng đặc biệt. Trước ngày lễ tuyên khẩn, linh mục sẽ làm phép áo dòng, rồi bề trên sẽ trao áo dòng cho tập sinh, trừ khăn lúp (đối với dòng nữ). Khi cử hành thánh lễ, tập sinh nam

<sup>9</sup> Vatican II, Hiến Chế về Phụng Vụ số 80

<sup>10</sup> Nghi Thức Khẩn Dòng 1972, *Những điều cần biết trước số 4*

không mặc áo dòng trước, tập sinh nữ mặc áo dòng nhưng không đội lúp. Nếu là dòng giáo sĩ thì chính bề trên là vị chủ tế và sẽ nhận lời khẩn, còn không phải là dòng giáo sĩ thì bề trên sẽ ngồi nhận lời khẩn ở một vị trí thuận tiện nơi cung thánh (KD 16-19).

Nghi thức tuyên khẩn được cử hành sau bài giảng và gồm những phần sau đây: tập sự giới thiệu các khẩn sinh, chủ tế giảng và thẩm vấn các khẩn sinh, lời nguyện nài xin của chủ tế, lời tuyên khẩn tạm của từng khẩn sinh trước mặt bề trên, sau đó các khẩn sinh nam sẽ nhận và mặc áo dòng, còn các khẩn sinh nữ sẽ được đội lúp (KD 31-34). Mặc áo dòng hay đội lúp xong, bề trên có thể trao hiến pháp hội dòng cho từng khẩn sinh, hoặc trao các phù hiệu nào khác của hội dòng nhưng phải cử hành cách đơn giản (KD 37). Kết thúc nghi thức khẩn tạm là lời nguyện chung và phụng vụ Thánh Thể như thường lệ.

- Nghi thức khẩn trọn đời:

Nghi thức này phải được cử hành cách long trọng trong thánh lễ với sự tham dự đông đảo của các tu sĩ và giáo dân. Thông thường, việc tuyên khẩn được cử hành tại nhà thờ hội dòng, nhưng vì lý do mục vụ hay để giáo dân có thể tham dự đông đảo hơn, nhất là khi có nhiều hội dòng cùng khẩn chung trong một thánh lễ thì nên tuyên khẩn ở nhà thờ chánh toà dưới sự chủ tọa của giám mục giáo phận, còn các khẩn sinh thì mỗi người đọc lời tuyên khẩn trước mặt bề trên riêng của mình (KD 46; GM 770). Khi thánh lễ khẩn dòng trùng với các ngày phụng vụ theo *Bảng thứ tự ưu tiên* trong Sách Lễ Rôma từ số 1-4 thì buộc phải dùng bản văn phụng vụ và bài đọc Kinh Thánh theo

các ngày đó, ngoài các ngày này ra được phép dùng bản văn phụng vụ của thánh lễ có nghi thức khẩn dòng.<sup>11</sup>

Nghi thức khẩn trọn đời được cử hành sau bài giảng, phó tế hay tập sự sẽ giới thiệu từng khẩn sinh trước mặt cộng đoàn; giới thiệu xong giám mục giảng. Sau bài giảng, giám mục thẩm vấn các khẩn sinh về sự tự do tận hiến cho Chúa và thực thi đức ái theo các lời khuyên Phúc Âm cũng như việc sống hiến pháp của hội dòng. Thẩm vấn xong, mọi người cùng đọc kinh cầu các thánh để nài xin Thiên Chúa xuống ơn trên các khẩn sinh qua lời bầu cử của các thánh. Trong kinh cầu có thể bỏ những vị thánh ít quen thuộc với hội dòng hoặc thêm những thánh bổn mạng của các khẩn sinh hoặc những thánh riêng của hội dòng. Đang khi đọc kinh cầu, các khẩn sinh có thể quỳ hay phủ phục, cử chỉ này không có nghĩa là chết, nhưng là tư thế cầu nguyện long trọng trong truyền thống Kinh Thánh mỗi khi người ta muốn cầu khẩn điều gì trước mặt Thiên Chúa (St 17,3 ; Đnl 9,18 ; Tb 12,16...). Dứt kinh cầu, từng khẩn sinh tiến đến trước mặt bề trên mình để đọc lời tuyên khẩn do chính tay mình viết; đọc lời khẩn xong, từng người đem bản tuyên khẩn đặt trên bàn thờ và có thể ký sổ khẩn ngay tại bàn thờ, ký xong mỗi khẩn sinh trở về chỗ mình. Khi các khẩn sinh đã tuyên khẩn và ký sổ xong, giám mục sẽ đứng đọc lời nguyện thánh hiến trên các khẩn sinh. Sau lời nguyện thánh hiến, nếu cần giám mục sẽ làm phép và trao nhẫn giao ước cho các khẩn sinh nữ,

<sup>11</sup> Các ngày phụng vụ ưu tiên từ số 1-4: *Tam nhật Vượt Qua, Giáng Sinh, Hiện Linh, Thăng Thiên, Hiện Xuống, các chúa nhật mùa vọng, chay, phục sinh, các ngày trong Tuần Thánh, Tuần Bát Nhật Phục Sinh, các lễ trọng chung và riêng, và lễ các đấng (2/11)*.

ngài cũng có thể trao các phù hiệu riêng của hội dòng cho các khẩn sinh. Sau cùng, bề trên sẽ nhân danh hội dòng tuyên bố khẩn sinh từ nay trở nên thành viên chính thức của hội dòng, với các trách nhiệm và quyền lợi của một thành viên thực thụ; thế rồi tùy theo tập quán hội dòng, bề trên có thể trao hôn bình an cho từng khẩn sinh như dấu chỉ đón nhận khẩn sinh là thành viên chính thức. Đến đây nghi thức khẩn dòng kết thúc, mọi người đứng đọc kinh Tin Kính, nhưng không đọc lời nguyện chung vì đã đọc kinh cầu các thánh thay thế rồi (GM 786). Khi đọc kinh Tin Kính xong, đến phần phụng vụ Thánh Thể như thường lệ.

- Nghi thức tuyên khẩn lại trong thánh lễ:

Theo luật chung của Giáo Hội hay hiến pháp của các hội dòng, việc tuyên lại lời khẩn của các tu sĩ thường được cử hành hằng năm hay trong một thời gian quy định. Giáo Hội khuyến nên cử hành nghi thức tuyên khẩn lại trong thánh lễ, nhưng phải tổ chức đơn giản. Thánh lễ tuyên khẩn lại có thể cử hành theo ngày phụng vụ hay thánh lễ riêng tùy theo thứ tự ưu tiên của ngày phụng vụ. Nếu là dòng giáo sĩ thì bề trên sẽ lại vị chủ tế và là người nhận lời khẩn lại, bằng không thì bề trên các dòng khác sẽ ngồi ở vị trí thuận tiện trên cung thánh để nhận lời khẩn (KD 78-81). Nghi thức tuyên khẩn lại được cử hành sau bài giảng gồm: có thể tập sự sẽ giới thiệu các khẩn sinh xin khẩn lại, kế đến là lời mở đầu và lời nguyện nài xin của chủ tế, các khẩn sinh đọc lời tuyên khẩn lại trước mặt bề trên, rồi cộng đoàn kết thúc bằng lời nguyện chung, sau đó là phụng vụ Thánh Thể như thường lệ.

c. Nghi thức thánh hiến trinh nữ:

Nghi thức thánh hiến các trinh nữ được soạn thảo theo chỉ thị của Công Đồng Vatican II (PV 80), khác với nghi thức khẩn dòng được áp dụng cho các hội dòng nam và nữ, nghi thức thánh hiến trinh nữ chỉ được áp dụng cho các nữ đan sĩ hay các trinh nữ sống giữa đời được giám mục giáo phận chấp nhận cho thánh hiến (TN 3-5). Thừa tác viên của nghi lễ thánh hiến trinh nữ là giám mục giáo phận (TN 6). Nếu cử hành nghi lễ thánh hiến trong các ngày phụng vụ ưu tiên từ số 1-4 trong *Bảng ghi ngày phụng vụ* của Sách Lễ Rôma thì sẽ dùng bản văn phụng vụ và bài đọc Kinh Thánh theo các ngày đó<sup>12</sup>, bằng không sẽ dùng bản văn phụng vụ và bài đọc Kinh Thánh theo thánh lễ riêng "*Thánh hiến trinh nữ*".

Nghi thức thánh hiến được cử hành sau bài giảng và có cấu trúc gần giống nghi thức khẩn trong dòng tu: phó tế hay tập sự xưng tên các trinh nữ, những người này cầm đèn cháy sáng tiến lên cung thánh và đứng trước mặt giám mục, ngài ngỏ lời và nói với họ cũng như cho giáo dân về đời sống dâng hiến. Khi đã giáo huấn xong, giám mục thẩm vấn các trinh nữ về ơn gọi dẫn thân mà họ chọn lựa; rồi ngài mời gọi mọi người đọc kinh cầu các thánh để nài xin ân huệ Thiên Chúa xuống trên các trinh nữ. Sau kinh cầu, khác với nghi thức khẩn dòng, các trinh nữ thay vì khẩn giữ ba lời khuyên Phúc Âm trước mặt bề trên, thì những người này đến quỳ trước mặt giám mục và tuyên đọc quyết định sống thanh khiết của mình. Sau khi đón nhận quyết tâm của các trinh nữ, giám mục đứng đọc lời

<sup>12</sup> Xem số tham chiếu 11 của cuốn sách này.

nguyện thánh hiến trình nữ, đọc xong ngài sẽ trao phù hiệu cho họ (phù hiệu có thể là lúp hay nhẫn giao ước), trao phù hiệu xong, giám mục có thể trao sách Giờ Kinh Phụng Vụ để nói lên trách nhiệm cầu nguyện của các trình nữ thay mặt Hội Thánh. Đến đây nghi thức thánh hiến trình nữ kết thúc và cộng đoàn bước vào phụng vụ Thánh Thể.

## 2. Nghi thức cung hiến nhà thờ - liên quan đến nơi chốn

### a. Ý nghĩa việc cung hiến thánh đường:

Các thánh đường là nơi Dân Chúa tập họp để cầu nguyện và cử hành các bí tích, do đó phải được cung hiến. Một khi thánh đường đã được cung hiến thì tất cả những gì có trong đó cũng được kể là đã làm phép do chính nghi thức cung hiến, vì thế không cần phải làm phép lại một lần nữa (GM 864). Để được cung hiến, mọi thánh đường cần có một tước hiệu, hoặc về Chúa Ba Ngôi; hay Chúa Giêsu hay Chúa Thánh Thần; hoặc về Đức Maria hay các thiên thần hoặc các thánh có ghi trong sổ bộ. Không được chọn tước hiệu thánh đường là một vị chân phúc nếu không có phép chuẩn của Tòa Thánh. Mỗi thánh đường chỉ có một tước hiệu mà thôi. (GM 865)

Nên duy trì truyền thống của phụng vụ rôma quen đặt hài cốt các vị tử đạo và các thánh dưới bàn thờ. Tuy nhiên phải hết sức thận trọng xem xét hài cốt đó có thật không? Thà cung hiến một bàn thờ không có hài cốt, còn hơn đặt một hài cốt không đáng tin cậy (GM 866). Việc cung hiến thánh đường là việc của giám mục giáo phận, tuy nhiên vì lý do chính đáng ngài có thể nhờ một

giám mục khác. Chỉ trong trường hợp rất đặc biệt ngài mới ủy quyền cho một linh mục làm (GM 867). Nên cung hiến thánh đường vào ngày chúa nhật hay các dịp đại lễ; tuy nhiên không được phép cung hiến thánh đường vào các ngày sau đây: suốt Tuần Thánh, lễ Giáng Sinh, Hiển Linh, Thăng Thiên, Hiện Xuống, thứ Tư Lễ Tro và Lễ Các Đẳng 2/11 (GM 868). Mỗi năm, giáo xứ sẽ cử hành lễ **trọng** vào ngày giáp năm cung hiến thánh đường giáo xứ<sup>13</sup>.

### b. Nghi thức cung hiến thánh đường:

Nghi thức cung hiến thánh đường luôn luôn được cử hành trong thánh lễ, và được khởi sự bằng cuộc kiệu đầu thánh lễ theo thứ tự sau: Thánh giá (không hương, không đèn nến), tiếp theo là các thừa tác viên phục vụ bàn thờ (nếu có), kế đến là hài cốt vị thánh sẽ được đặt dưới bàn thờ, các linh mục đồng tế và cuối cùng là Giám Mục chủ tế, đội mũ mitra và cầm gậy mục tử.

Khi đoàn kiệu tới cung thánh, thì đặt hài cốt vị thánh ở nơi xứng hợp, có đèn xung quanh. Giám Mục và các linh mục đồng tế không hôn bàn thờ (bàn thờ để trống, không phủ khăn) và trở về chỗ dành riêng cho mình. Giám Mục bỏ mũ gậy, làm dấu và chào dân chúng.

Sau lời chào của Giám Mục, một vài vị đại diện giáo dân dâng cho Giám Mục hoặc mô hình nhà thờ mới hoàn tất, hoặc các chìa khóa thánh đường, hoặc sổ sách ghi chép việc xây dựng. Sau đó, một vị đại diện sẽ vắn tắt

<sup>13</sup> Quy Chế Tổng Quát Sách lễ Rôma, Bảng Ghi Ngày Phụng vụ, số 4b; Nghi Thức Giám Mục 1984, số 878.



ngỏ lời với Giám Mục và cộng đoàn về công trình xây dựng vừa hoàn tất. Sau lời giới thiệu của giáo dân, Giám Mục làm phép nước thánh rồi rảy trên dân chúng, tường và bàn thờ của thánh đường. Rảy nước thánh xong, giám mục trở về chỗ xưng kinh vinh danh và đọc lời nguyện đầu lễ. Phụng vụ Lời Chúa như thường lệ, nhưng khi đọc bài Tin Mừng sẽ không xông hương và mang đèn nến.

Sau bài giảng của giám mục, mọi người đứng đọc kinh Tin Kính nhưng không đọc lời nguyện chung, vì sẽ có kinh Cầu các thánh đọc sau kinh Tin Kính để thay thế. Sau kinh cầu, nếu phải đặt hài cốt các thánh tử đạo vào bàn thờ thì Giám Mục tiến đến bàn thờ và người ta kiệu hài cốt các thánh đến cho Giám Mục, ngài sẽ đặt hài cốt vào bàn thờ. Đặt hài cốt các thánh xong, giám mục sẽ dang tay đọc lời nguyện cung hiến bàn thờ và thánh đường mới. Khi đọc lời nguyện xong, một thừa tác viên mang dầu Crisma cho Giám Mục, ngài đổ dầu xuống giữa bàn thờ và bốn góc bàn thờ, rồi thoa dầu đều khắp mặt bàn thờ. Xức dầu bàn thờ xong, Giám Mục sẽ đi xức dầu tường thánh đường. Tuy nhiên, ngài cũng có thể trao phận vụ này cho các linh mục. Để xức dầu tường thánh đường, nên chọn bốn nơi khác nhau được phân phối đều chung quanh tường thánh đường; một thừa tác viên hướng dẫn Giám Mục đến từng nơi, hoặc bốn linh mục đi xức dầu bốn nơi nếu được ủy nhiệm.

Xức dầu xong, Giám Mục và các linh mục (*nếu giúp xức dầu*) trở về chỗ ngồi và rửa tay; trong lúc đó một thừa tác viên đặt lên bàn thờ một lò than cháy đỏ. Khi đã rửa tay xong rồi, Giám Mục tiến đến bàn thờ, bỏ hương vào lò than và một thừa tác viên khác đưa bình hương đến, ngài

cũng bỏ hương vào bình rồi xông hương chung quanh bàn thờ; Khi đã xông hương bàn thờ xong, ngài để cho người giúp lễ xông hương cho mình như quen làm trong thánh lễ. Người giúp lễ xông hương cho Giám Mục, các linh mục đồng tế và người này sẽ đi xuống lòng thánh đường mà xông cho dân chúng và chung quanh tường thánh đường.

Trong lúc người giúp lễ xông hương dân chúng và các tường thánh đường, thì một số thừa tác viên khác lau sạch bàn thờ, trải khăn, chưng bông, dọn đèn nến... một thừa tác viên cầm cây nến cháy sáng đem đến cho Giám Mục, ngài tung hô ánh sáng Chúa Kitô rồi trao cây nến đang cháy cho thừa tác viên để đốt các đèn nến cho việc cử hành Thánh Thể, lúc này mọi đèn trong thánh đường được thấp sáng tưng bừng, và cộng đoàn bước vào phụng vụ Thánh Thể.

Sau khi đọc lời nguyện hiệp lễ xong, Giám Mục đến quỳ trước bàn thờ và xông hương Minh Thánh Chúa, thờ lạy đôi chút, rồi ngài kiệu Minh Thánh Chúa lên nhà tạm. Sau đó hoặc ngay tại nhà tạm hoặc trở về bàn thờ chính, Giám Mục sẽ ban phép lành trọng thể cho dân chúng và kết thúc thánh lễ cung hiến thánh đường.

### c. *Làm phép nhà mới*

Người kitô hữu mong ước ngôi nhà mình ở được làm phép, vì xác tín ơn lành của Chúa tuôn đổ xuống gia đình họ, và vì họ chọn Chúa là nơi nương tựa. Ngoài các thừa tác viên có chức thánh, thì người kitô hữu cũng có thể làm phép nhà cho mình hay cho người khác (PL 475). Nghi thức làm phép nhà gồm hai phần: cử hành Lời Chúa và lời nguyện làm phép. Khi mọi người trong gia đình và họ

hàng tập họp đông đủ, vị chủ sự làm dấu thánh giá và ngỏ lời với mọi người về việc làm phép ngôi nhà mới, kể đó một người sẽ đọc một đoạn Kinh Thánh và vị chủ sự có thể dẫn giải bài Kinh Thánh vừa nghe. Tiếp theo là lời nguyện chung, nên soạn các lời nguyện chung sao cho phù hợp với hoàn cảnh của những người hiện diện và của gia đình có ngôi nhà được làm phép. Sau đó vị chủ sự đọc lời nguyện làm phép nhà mới rồi đi rảy nước thánh chung quanh nhà. Sau cùng vị chủ sự chúc lành và mọi người hát một bài thánh ca để kết thúc nghi thức.

### 3. Một vài á bí tích liên quan đến sự vật

#### a. Làm phép ảnh tượng thánh

Giáo Hội đặc biệt coi trọng các ảnh tượng thánh trong cử hành phụng vụ và đời sống của dân Chúa. Quả thật, ảnh tượng không thể minh họa Thiên Chúa vô hình và khôn tả, nhưng việc Con Thiên Chúa nhập thể đã đem lại cho ảnh tượng một vai trò tôn giáo mới. Kinh Thánh dùng lời nói để truyền đạt sứ điệp Tin Mừng, còn ảnh tượng thánh dùng hình ảnh. Lời nói và hình ảnh bổ sung cho nhau (CG 1160).

Các ảnh tượng thánh chủ yếu trình bày Chúa Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể của Thiên Chúa, các ảnh tượng Đức Mẹ và các thánh có ý nghĩa vì biểu thị vinh hiển Đức Kitô nơi các ngài (CG 1161). Người kitô hữu tôn kính ảnh tượng thánh không phải vì giá trị vật chất của các ảnh tượng này, nhưng qua các ảnh tượng, người ta thấy con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, đã được biến đổi nên giống Thiên Chúa và cùng với các thiên thần được quy tụ trong Đức Kitô (CG 1161). Ảnh tượng thánh là một trong

những dấu chỉ của cử hành phụng vụ. *Chiêm ngắm ảnh tượng thánh, cùng với suy niệm Lời Chúa và hát thánh thi, sẽ hoà hợp với các dấu chỉ dùng trong phụng vụ, để mẫu nhiệm được cử hành khắc sâu hơn trong tâm khảm, sau đó bộc lộ ra trong đời sống mới của các tín hữu* (CG 1162).

Giáo Hội cổ động lòng sùng kính Đức Mẹ và các thánh qua việc chiêm ngưỡng ảnh tượng các ngài, vì muốn mời gọi các tín hữu theo gương sáng và được nâng đỡ trong đời sống đức tin nhờ lời các ngài chuyển cầu (GL 1186); nhưng chỉ được phép tôn kính công khai những tột tở của Thiên Chúa đã được Giáo Hội liệt kê vào sổ các chân phước hay hiển thánh (GL 1187), vì vậy những nơi thờ phượng công cộng như nhà thờ, nhà nguyện, phòng họp chung... không được phép để ảnh tượng những người chưa được Giáo Hội tuyên phong trên bàn thờ, cho dù những nhân vật đó được nhiều người mến mộ. Trong việc treo ảnh tượng thánh, cần phải phân biệt sự khác nhau giữa ảnh tượng thánh được đặt trên bàn thờ để tôn kính với ảnh tượng bình thường nhắc đến tương quan thân tình hay lòng biết ơn của những người còn sống với người đã khuất.

Giáo Hội khích lệ việc trưng bày ảnh tượng các thánh trong nhà thờ, nhưng số lượng và thứ tự các ảnh tượng phải sắp đặt cho cân xứng, không rườm rà hoặc mở đường cho những lối sùng kính lộn lạo (GL 1188). Vì thế, trong nhà thờ mỗi vị thánh chỉ có một ảnh tượng, không được phép vừa để ảnh vừa để tượng hay nhiều ảnh tượng của cùng một nhân vật. Do vậy trong một nhà thờ không được để hai thánh giá, hai Đức Mẹ, hai thánh Giuse, hai thánh bốn mạng...(RM 278).

Có hai nghi thức làm phép ảnh tượng thánh : một nghi thức dài và một nghi thức ngắn gọn. Có thể phối hợp làm phép ảnh tượng thánh trong giờ Kinh Chiều (PL 989), nhưng không được phép phối hợp với cử hành thánh lễ (PL 986).

- + **Nghi thức dài** thường được dùng khi làm phép ảnh tượng cách long trọng, nhất là những ảnh tượng để công khai cho dân chúng tôn kính, ví dụ: tượng đài Chúa, Đức Mẹ, thánh bốn mạng... nghi thức gồm hai phần: cử hành Lời Chúa và lời nguyện làm phép ảnh tượng. Vì là cử hành cách long trọng, nên trong nghi thức dài phần cử hành Lời Chúa thường gồm một bài đọc Kinh Thánh, lời dẫn giải của chủ tế và lời nguyện chung, sau đó chủ tế sẽ đọc lời nguyện làm phép, rồi ban phép lành kết thúc.
- + **Nghi thức ngắn**: được dùng trong những trường hợp thông thường, cách đơn giản. Mỗi khi do lòng đạo đức của giáo dân thỉnh cầu, các linh mục có thể làm phép ảnh tượng theo nghi thức ngắn gọn. Nghi thức ngắn gọn chỉ gồm một lời nguyện làm phép giống như lời nguyện làm phép trong nghi thức dài, kèm theo dấu thánh giá mà thừa tác viên làm trên ảnh tượng thánh và rảy nước thánh.

### *6. Làm phép Chuỗi Mân Côi*

Người ta không xác định chắc chắn chuỗi Mân Côi có từ lúc nào, chỉ biết vào thế kỷ 12 việc lần chuỗi mân côi khá phổ biến trong dân chúng do công của thánh Bernard de Clairvaux (1090-1153) và vào thế kỷ 13 do công của thánh Đaminh (1170-1221) và dòng Anh Em Thuyết Giáo.

Cấu trúc của kinh Mân Côi ban đầu chỉ gồm kinh Kính Mừng được trích từ Tin Mừng (Lc 1, 28. 42). Đoạn Tin Mừng này không liên tục, phần đầu là lời chào của sứ thần với Đức Maria: "*Kính chào Bà đầy ơn phúc, Thiên Chúa ở cùng Bà*" (Lc 1,28) và phần sau là lời chúc tụng của bà Elisabeth khi Mẹ Maria đến thăm bà: "*Bà được chúc phúc hơn mọi người nữa, và Con lòng Bà cũng được chúc phúc*" (Lc 1,42). Có lẽ ban đầu, người tín hữu đọc đoạn Kinh Thánh này để hiệp thông với giờ thần vụ của các thầy dòng, họ đọc 150 lần câu Kinh Thánh trên thay cho 150 thánh vịnh các thầy dòng đọc trong ngày. Thế rồi, khi kinh Mân Côi đã trở nên thông dụng, người ta thêm vào vế thứ hai: "*Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội, khi nay và trong giờ lâm tử. Amen*", để nài xin sự trợ giúp của Mẹ trong đời kitô hữu khi sống và khi chết.

Đến thế kỷ 14, chuỗi Mân Côi hình thành theo ba mùa Vui-Thương-Mừng như hiện nay, tương ứng với các mầu nhiệm Nhập Thể, Tử Nạn và Phục Sinh của Chúa Kitô. Trong mỗi mầu nhiệm, người ta nhắc đến một biến cố trong cuộc đời Chúa, rồi đọc 10 kinh Kính Mừng, người ta cũng thêm vào mỗi 10 kinh Kính Mừng một kinh Lạy Cha và một kinh Sáng Danh.

Ngày nay kinh Mân Côi vẫn là lời kinh đơn giản, phổ thông và phù hợp với mọi tín hữu. Khi đọc kinh Mân Côi, chúng ta chiêm ngắm ơn cứu độ nhân loại được thực hiện nơi Đức Kitô. Không nhất thiết mỗi lần đọc kinh Mân Côi phải đọc đủ 50 hay 150 kinh Kính Mừng. Cũng không bắt buộc phải giữ các biến cố Vui-Thương-Mừng trong cách suy niệm truyền thống. Chủ đề của mỗi buổi đọc

kinh Mân Côi cần được cập nhật hoá dưới ánh sáng của Tin Mừng và hoàn cảnh sống hiện tại. Tâm tình chính yếu của kinh Mân Côi là cùng với Đức Maria chiêm ngắm và suy niệm Lời Chúa và cùng với Mẹ chúc tụng và thờ lạy Thiên Chúa Ba Ngôi trong công trình cứu độ nhân loại.

Có hai nghi thức làm phép Chuỗi Mân Côi: nghi thức dài và long trọng dành để làm phép nhiều chuỗi mân côi vào các dịp hành hương hay dịp lễ kính Đức Mẹ. Nghi thức ngắn và đơn giản để có thể cử hành bất cứ lúc nào khi người tín hữu yêu cầu. Mọi thừa tác viên có chức thánh (linh mục hay phó tế) đều có thể làm phép các Chuỗi Mân Côi (PL 1185). Ngoài hai nghi thức dài và ngắn được quy định trong sách phụng vụ, thì trong hoàn cảnh đặc biệt, thừa tác viên có chức thánh chỉ cần đọc công thức Ba Ngôi và làm dấu thánh giá trên Chuỗi Mân Côi là đủ (PL 1207).

### III. An táng

#### 1. Ý nghĩa của cái chết trong kitô giáo:

Khi người kitô hữu còn sống, thì tất cả các bí tích họ lãnh nhận đều xoay quanh mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô, chính mầu nhiệm này sẽ soi sáng cho cuộc vượt qua cuối cùng của họ, để rồi đưa người kitô hữu từ sự chết bước vào đời sống mới trong Nước Thiên Chúa (CG 1067; 1680). Đối với người tín hữu, ý nghĩa sự chết của con người được mạc khải trong ánh sáng của mầu nhiệm Tử Nạn và Phục Sinh của Đức Kitô, chính Ngài đem lại cho nhân loại niềm hy vọng duy nhất, cái chết không trở nên bi đát nhưng dẫn chúng ta bước vào đời sống mới, bởi vì

nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Kitô chúng ta sẽ cùng sống lại với Ngài (Rm 6,8); và việc từ bỏ thân xác này là để chúng ta càng được ở gần bên Chúa (2 Cr 5,8).

#### 2. Quy luật cử hành nghi lễ an táng

Cần phân biệt thánh lễ an táng và nghi lễ an táng là hai cử hành khác nhau. Thánh lễ an táng là cử hành thánh lễ với các bản văn phụng vụ về lễ cầu hồn; nghi lễ an táng là cử hành các nghi thức công giáo trước khi đem chôn thi hài người quá cố. Thông thường nghi lễ an táng được cử hành trong thánh lễ an táng. Tuy nhiên vì hoàn cảnh tang gia và việc bảo trì thi hài người quá cố, nhiều khi bắt buộc phải an táng thi hài người quá cố vào những ngày luật phụng vụ không cho phép cử hành thánh lễ an táng, lúc đó người ta có nghi lễ an táng nhưng không có thánh lễ an táng. Thánh lễ cầu hồn chỉ cho người chết sẽ được cử hành vào một ngày khác thuận tiện hơn (AT 6). Giáo Hội cũng quy định chỉ được cử hành nghi lễ tiễn biệt người chết khi có thi hài người đó, điều này không cho phép cử hành nghi lễ tiễn biệt một nơi, xác một chỗ (RM 340).

Thánh lễ an táng bị cấm vào các ngày sau đây: Tam Nhật Vượt Qua, các lễ trọng buộc và các chúa nhật mùa vọng, mùa chay và mùa phục sinh. Nếu cử hành an táng vào các ngày này, thánh lễ đó buộc phải dùng bản văn phụng vụ và các bài đọc Kinh Thánh của ngày lễ đó (RM 336). Ngoài các lễ trọng và mùa phụng vụ kể trên, người ta có thể cử hành thánh lễ an táng vào những ngày khác kể cả vào các ngày chúa nhật mùa thường niên hay mùa giáng sinh. Mùa phụng vụ của lễ an táng thông thường là *màu tím hay màu đen*. Tuy nhiên mỗi Hội Đồng Giám

Mục có quyền định liệu màu sắc cho lễ an táng để diễn tả rõ nét niềm hy vọng vào mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô (AT 22; vd: HĐGM Canada cho phép dùng màu trắng trong lễ an táng)

### 3. Nghi thức an táng

Sách Nghi Thức An Táng được Bộ Phụng Tự công bố ngày 15/8/1969 gồm ba mẫu cử hành cho an táng người lớn, tương ứng với ba địa điểm (tại nhà tang, tại nhà thờ và ở nghĩa trang) và một mẫu cho an táng trẻ em. Ngoài ra, Sách Nghi thức còn cho chúng ta các bản văn Kinh Thánh và các lời nguyện để dùng trong các thánh lễ an táng người lớn và trẻ em.

Cấu trúc của nghi thức an táng thông thường gồm các giai đoạn sau đây:

#### a. Nghi thức tẩm liệm:

Sau khi được tin một người kitô hữu qua đời, cộng đoàn tín hữu nên tập họp để cầu nguyện canh thức bên thi hài người quá cố. Khi làm giờ canh thức nên đọc các thánh vịnh, Lời Chúa và lời cầu nguyện cho người quá cố. Vào giờ tẩm liệm đã được ấn định, nếu không có thừa tác viên có chức thánh, thì một người giáo dân xứng đáng sẽ chủ sự nghi thức tẩm liệm (AT 19). Nghi thức tẩm liệm gồm: lời mở đầu, hát hoặc đọc thánh vịnh, Lời Chúa, lời nguyện chung và lời nguyện kết thúc trước khi bỏ thi hài người quá cố vào quan tài.

#### b. Nghi thức an táng:

Nghi thức này gồm bốn giai đoạn:

- + **Tại nhà tang:** khi ngày giờ an táng đã được ấn định, thừa tác viên có chức thánh (linh mục hay phó tế) đến nhà tang để đón rước thi hài người quá cố đến nhà thờ cử hành thánh lễ an táng. Thừa tác viên phải mặc áo dài trắng hay áo các phép với dây Stola theo màu lễ an táng, và nếu có thể sẽ mặc thêm áo choàng cùng màu. Ngài sẽ đọc lời nguyện và rảy nước thánh lên thi hài người quá cố (AT 33). Nước thánh nhắc cho mọi người nước của bí tích thánh tẩy, nhờ bí tích này người quá cố được gia nhập dân Thiên Chúa và được ghi vào sổ những người lãnh nhận sự sống vĩnh cửu (AT 10). Khi đã cầu nguyện xong, người ta kiệu quan tài đến nhà thờ: thánh giá đi đầu và thừa tác viên có chức thánh đi trước quan tài (AT 35).
- + **Tại nhà thờ:** Nếu linh mục không đến nhà tang, thì khi đưa quan tài đến nhà thờ ngài sẽ ra đón tại cửa nhà thờ, rồi rảy nước thánh lên quan tài và tùy nghi có thể đọc một lời nguyện như khi cử hành tại nhà tang (AT 36). Cần lưu ý tư thế của người quá cố khi đặt quan tài trong nhà thờ: nếu người quá cố là giáo dân thì đặt họ quay mặt về phía bàn thờ, còn đối với người có chức thánh thì đặt quay mặt về phía giáo dân. Trên quan tài nên để cuốn Thánh Kinh hay cây Thánh Giá. Nếu trong nhà thờ người ta nhìn thấy rõ cây Thánh Giá bàn thờ rồi thì không đặt một cây Thánh Giá nào khác nữa ở quan tài. Có thể cắm một ít nến chung quanh quan tài, nhưng cũng có thể chỉ để một cây Nến Phục Sinh ở phía đầu người quá cố (AT 38). Khi đã sắp xếp vị trí quan tài xong, thì thánh lễ hay cử hành phụng vụ Lời Chúa để cầu nguyện cho người quá cố diễn tiến như thường lệ;

Giáo Hội khuyên nên có lời nguyện chung trong các thánh lễ an táng hay cử hành phụng vụ cầu nguyện cho người quá cố (AT 41).

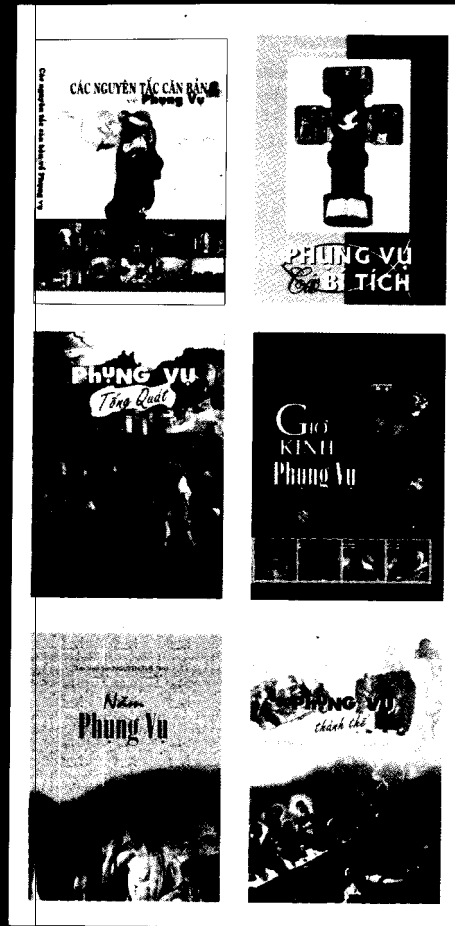
+ **Nghi thức phó dâng và từ biệt:** Sau lời nguyện hiệp lễ, linh mục không ban phép lành cuối lễ nhưng vẫn mặc áo lễ và tiến đến quan tài để cử hành nghi thức tiễn biệt cuối cùng. Nếu linh mục cùng đi với cộng đoàn đưa linh cữu ra nghĩa trang, ngài có thể cử hành nghi thức tiễn biệt này nơi phần mộ (AT 50).

+ **Nơi phần mộ:** Thông thường trước khi chôn cất người quá cố, thừa tác viên sẽ làm phép ngôi mộ mới. Kế đó ngài sẽ cử hành nghi thức cuối cùng trước khi hạ quan tài xuống huyệt; nghi thức này gồm lời mở đầu, lời nguyện chung, kinh lạ Cha và lời nguyện kết thúc. Đang lúc hạ huyệt cộng đoàn sẽ hát những bài thánh ca thích hợp nói lên ý nghĩa của màu nhiệm Vượt Qua và Sự Sống Vĩnh Cửu (AT 57).

## MỤC LỤC

<b>THƯ MỤC .....</b>	<b>3</b>
<b>Chương I: Khai tâm Kitô giáo Thánh Tẩy – Thêm Sức – Thánh Thể .....</b>	<b>7</b>
<b>I. Dẫn nhập .....</b>	<b>7</b>
1. Hành trình của những người theo Chúa Kitô .....	9
2. Thánh Tẩy trong Chúa Thánh Thần và Lửa .....	13
3. Dân Mới của Thiên Chúa .....	16
<b>II. Lịch sử việc cử hành các bí tích khai tâm .....</b>	<b>21</b>
1. Phép rửa của Đức Kitô và phép rửa của người Kitô hữu .....	21
2. Cử hành các bí tích khai tâm .....	23
3. Cử hành khai tâm Kitô giáo hiện nay .....	27
4. Nghi thức bí tích Thêm Sức .....	44
<b>Chương II: Bí Tích Hoà Giải.....</b>	<b>50</b>
1. Dấu chỉ ơn tha thứ.....	50
2. Cộng đoàn những người được ơn tha thứ.....	54
3. Lịch sử việc cử hành bí tích hoà giải.....	55
4. Nghi thức sám hối và hoà giải hiện nay .....	62
5. Các điều kiện để ban và lãnh bí tích hoà giải.....	70
<b>Chương III: Bí Tích Xức Dầu Bệnh nhân .....</b>	<b>73</b>
1. Chúa Giêsu và những người đau yếu.....	73
2. Thiên Chúa trước nỗi khổ đau của con người.....	76
3. Ý nghĩa của bí tích xức dầu .....	77
4. Lịch sử việc cử hành bí tích xức dầu .....	81
5. Nghi thức xức dầu hiện nay .....	83
<b>Chương IV: Bí tích Truyền Chức .....</b>	<b>92</b>
1. Các thừa tác vụ trong Giáo Hội .....	92
2. Ý nghĩa các thừa tác vụ thánh (ministères ordonnés).....	98
3. Lịch sử về các thừa tác vụ thánh.....	102
4. Nghi thức phong chức hiện nay.....	109

<b>Chương V : Bí tích Hôn Phối.....</b>	<b>123</b>
<b>I. Dẫn nhập .....</b>	<b>123</b>
1. Tình yêu nhân loại phản ánh tình yêu Thiên Chúa .....	123
2. Tình yêu và giao ước.....	126
3. Hôn nhân và độc thân.....	129
<b>II. Lịch sử bí tích hôn phối.....</b>	<b>132</b>
<b>III. Nghi thức hôn phối hiện nay .....</b>	<b>135</b>
1. Nguyên tắc tổng quát .....	135
2. Cử hành nghi thức hôn phối.....	137
3. Người cử hành và người chứng giám .....	141
<b>Chương VI: Những cử hành phụng vụ khác .....</b>	<b>143</b>
<b>I. Á bí tích.....</b>	<b>143</b>
1. Định nghĩa:.....	143
2. Các á bí tích .....	143
3. Thừa tác viên và đặc điểm của cử hành các á bí tích .....	144
<b>II. Một số á bí tích quan trọng .....</b>	<b>150</b>
1. Nghi thức khẩn dòng và thánh hiến trinh nữ - <i>liên quan đến người.</i> .....	150
2. Nghi thức cung hiến nhà thờ - <i>liên quan đến nơi chốn</i> .....	156
3. Một vài á bí tích <i>liên quan đến sự vật</i> .....	160
<b>III. An táng .....</b>	<b>164</b>
1. Ý nghĩa của cái chết trong kitô giáo: .....	164
2. Quy luật cử hành nghi lễ an táng.....	165
3. Nghi thức an táng .....	166



*" Phung vu là tột đỉnh*

*quy hương mọi hoạt động*

*của Giáo Hội, đồng thời*

*là nguồn mạch tuôn trào*

*mọi năng lực*

*của Giáo Hội ..."*

*(Hiện chế về phung vu số 10)*



PHUNG VU CAC BI TICH  
 Vinh Sơn Nguyễn Thế Hùng  
 (C) 2001. Tất cả quyền lợi bản quyền  
 Copyrighted by J.Phuu

